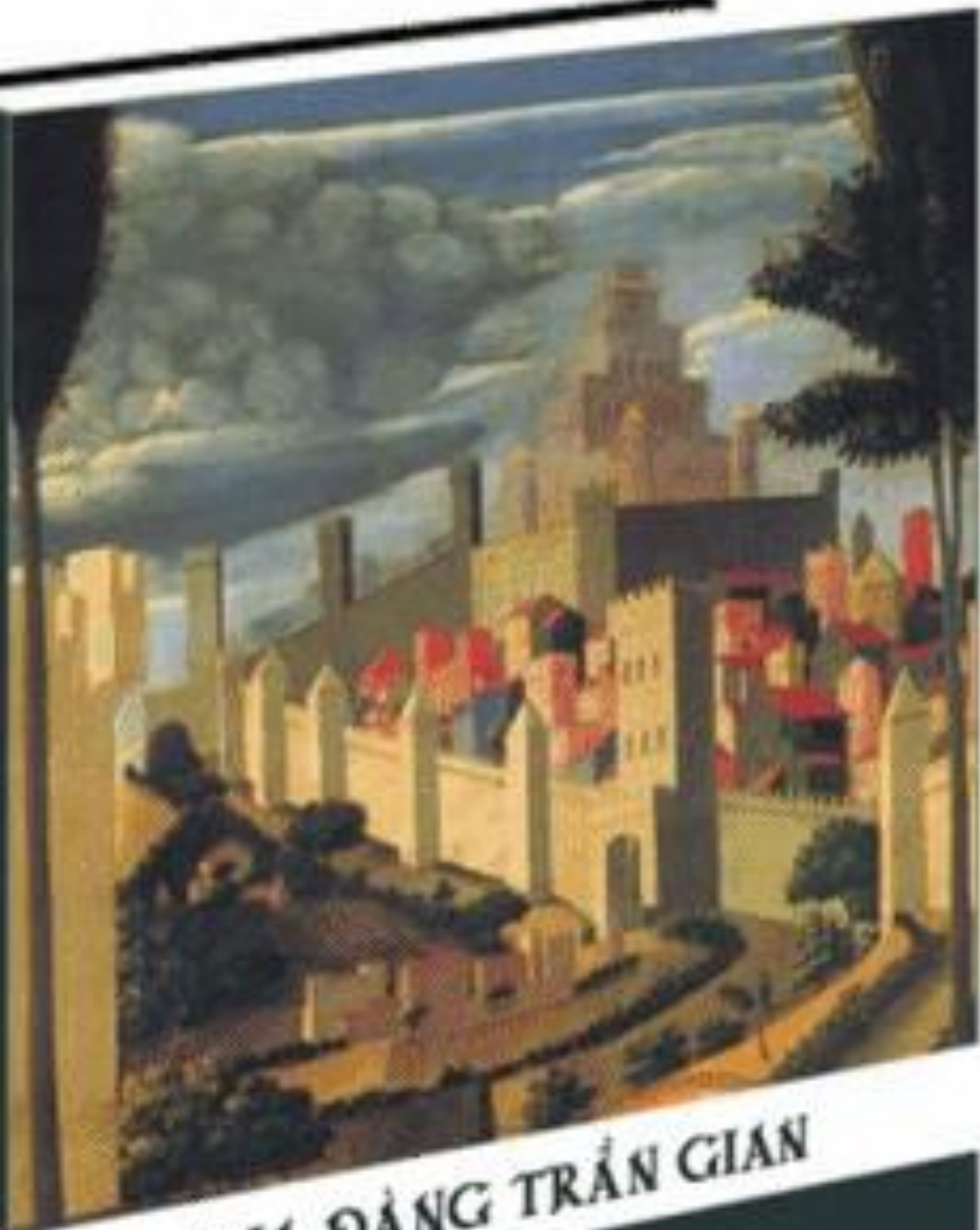


Địa đàng trần gian



ĐỊA ĐÀNG TRẦN GIÂN

THOMAS MORE

Utopia

Thomas More

UTOPIA ĐỊA ĐÀNG TRẦN GIAN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

-----oOo*oOo-----
MỤC LỤC
GIỚI THIỆU
THỜI ĐIỂM RA ĐỜI
LỜI NGƯỜI DỊCH
TÁC GIẢ
MẪU TỰ UTOPIA
THƯ CỦA MORE GỬI PETER GILLES
THƯ CỦA GILLES GỬI BUSLEIDEN
QUYỂN MỘT
QUYỂN HAI
CHÚ THÍCH
Thư của More gửi Peter Gilles
Thư của Gilles gửi Busleiden
Quyển một
Quyển hai

-----oOo*oOo-----

GIỚI THIỆU

Được ấn hành lần đầu tiên bằng tiếng Latin năm 1516, UTOPIA là kiệt tác của THOMAS MORE (1477-1535), nhà nhân văn chủ nghĩa ưu tú, học giả kiêm giáo sĩ sau này bị Vua Henry VIII chặt đầu vì không chịu thừa nhận nhà vua như là người đứng đầu tối cao của Nhà thờ Anh Quốc.

Trong tác phẩm này, tên tác phẩm đã trở thành tên gọi cả một dòng sách và trào lưu giả thuyết một cõi địa đàng trần gian, More đã mượn tượng ra một đảo quốc gia trưởng, nơi thực thi cởi mở tôn giáo, nơi người người đều làm việc, không ai sở hữu nhiều hơn đồng loại của mình, mọi của cải đều thuộc sở hữu cộng đồng, và bạo lực, đổ máu cùng những thói xấu vô đạo không hề tồn tại. Dù trong chừng mực nào đó có dựa trên những trước tác của Plato và một số học giả tiền bối khác, song *Utopia* hầu như bao gồm những tư tưởng hết sức mới mẻ của More.

Gần 500 năm đã trôi qua kể từ khi tác phẩm được ấn hành, đã có rất nhiều nỗ lực để thực hiện những “*Utopia*” cả trên lý thuyết lẫn trong đời thực. Tất cả những nỗ lực ấy, dù thế nào đi nữa, dường như cũng đều là hiện thân của những ý tưởng đã sẵn có trong trang viết kinh điển của Ngài More: niềm tin tưởng lạc quan vào bản chất của con người, tầm quan trọng của môi trường và nền giáo dục căn bản, sự luyến tiếc một thuở hồn nhiên mộc mạc đã qua cùng những nhân tố tích cực khác.

Với *Utopia*, bạn đọc có thể tự tìm hiểu lấy cho mình cái ảo mộng không tưởng ấy của More và qua đó biết được làm thế nào mà mặc dù cõi địa đàng trần gian ông mừng tượng kia vẫn còn là không tưởng, thì ít nhất một vài trong những số đề xướng của ông đã thành hiện thực trong thế giới hiện tại...

THỜI ĐIỂM RA ĐỜI

Thomas More đã viết *Utopia* trong những năm từ 1515 đến 1516, thời điểm trí tưởng tượng của con người bị khuấy đảo trước sự mở rộng đột ngột của các quan niệm về thế giới, và miêu tả của Amerigo Vespucci về những cuộc du hành về phía Tây của ông, được in ấn đầu tiên vào năm 1507, vẫn còn mới nguyên trong trí óc của các học giả uyên thâm.

More đã tưởng tượng ra một Raphael Hythloday – cái tên phiên âm từ tiếng Hy Lạp sang có nghĩa “thạo những chuyện tầm phào” - một lữ khách đồng hành cùng Vespucci nhưng đã không trở về sau chuyến du hành thứ ba, mà rời bỏ các bạn hữu để một thân một mình lang thang tới những xứ sở xa lạ. Rồi anh ta đã tìm thấy hòn đảo *Utopia* - gốc Hy Lạp của từ này có nghĩa “Không ở nơi đâu”. Và đó là một địa đàng lý tưởng, được More vẽ nên với một phong cách châm biếm sâu cay lối lãnh đạo quốc sự kiểu Châu Âu, mà cụ thể là kiểu Anh.

Utopia được ấn hành tại Louvain, Bỉ vào cuối năm 1516, dưới sự biên tập của Erasmus, nhà học giả cổ điển thuộc giáo hội vĩ đại nhất thời bấy giờ. Tuy vậy, tác phẩm đã không được in tại Anh dưới triều đại của Vua Henry VIII, và cũng không thể nào được, bởi giọng

điều châm biếm của nó quá thẳng thừng không thể nào nhằm lẫn - đả kích đường lối chính sách kiểu Anh bằng những lời tán tụng mỉa mai (Chúng ta cũng không nên quên thời gian tại vị ngắn ngủi của More với tư cách Đại Pháp Quan Anh Quốc, và việc ông mất đầu không lâu sau đó, vì dám công khai phản đối Vua Henry thôn tóm toàn bộ quyền hành đối với Nhà thờ Anh).

Chính Erasmus đã say mê lối pha trộn tài tình giữa triết lý, sự hóm hỉnh, tính thực tiễn, cùng thái độ nghiêm túc của More đến nỗi ông đã khuyên một người bạn thân đi mua ngay Utopia - nếu như ông này vẫn còn chưa đọc - nếu ông ta muốn thấy đâu là cội rễ của mọi sự xấu xa trong chính trị.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Bạn đang tự hỏi: đây là sách gì vậy? Không thấy đề là tiểu thuyết, cũng chẳng phải sách lịch sử, triết học, ngụ ngôn, du ký, ma quỷ... Mà tác giả lại là một vị Thánh Tử Đạo rất xa lạ nữa chứ. Có đáng đọc không đây?

Hãy bình tĩnh một chút, bạn đang cầm trên tay một cuốn sách độc nhất vô nhị trên thế giới này đấy. Và đọc nó rồi, thế nào bạn cũng bàn tán về nó, tranh cãi vì nó, cười bò ra vì nó, nổi giận với nó, cười nhạo nó, bâng khuâng buồn bã vì nó, và cảm thấy rằng – tôi hy vọng thế - cuộc hành trình đi tìm hạnh phúc của chúng ta vẫn còn có hy vọng đến đích.

Lẽ ra chỉ cần nói thế là đủ. Nhưng có lẽ bạn cũng thắc mắc không biết cuốn sách đã ra đời thế nào? Tại sao tôi lại chọn dịch nó vào lúc này? Và rốt cuộc thì nó nói chuyện gì?

Về điểm thứ nhất, tôi thấy không cần có một đoạn dài dòng về bối cảnh lịch sử và xã hội của tác phẩm ở đây. Một là nó rất dễ chán. Mà hai là khi đọc vào truyện bạn sẽ có các thông tin này qua những chú thích cụ thể, đúng lúc, đúng chỗ, và sẽ thấy bối cảnh của cuốn sách hiện dần lên, sinh động và thú vị hơn nhiều.

Về chuyện tại sao tôi lại chọn dịch *Utopia*, thì phải xin phép được dài dòng một tí như sau:

Những năm đầu của thập kỷ 70 thuộc thế kỷ trước, tôi đang làm cho chương trình tiếng Anh của đài Tiếng Nói Việt Nam. Mỗi tháng chúng tôi nhận được bốn đến năm trăm bức thư của các thánh giả Âu Mỹ. Rất nhiều người trong số này thuộc thế hệ thanh niên Mỹ phản đối cuộc chiến tại Việt Nam, và tự nhận là nhân tố của một cuộc cách mạng mới đang biến nước Mỹ tư bản chủ nghĩa thành một vườn địa đàng trong đó tư hữu sẽ bị tiêu diệt và mọi người sẽ sống với nhau như anh em, chỉ còn tình yêu, không còn lòng tham và đố kỵ. Những bức thư ấy thường nhắc đến một cuốn sách được coi là bản tuyên ngôn cách mạng của thế hệ sinh viên Mỹ lúc bấy giờ, là cuốn ***The Greening of America*** – Làm xanh đất Mỹ - của một giáo sư luật tại trường đại học Yale là ông ***Charles Reich***, xuất bản lần đầu năm 1970. Tôi đã được đọc nó. Cuốn sách tuyên bố tuổi trẻ Mỹ đã tiến hoá lên một lương tri mới, hết mặc cảm và lo âu, không phán xét, không cạnh tranh, không sống vì vật chất, đầy lòng cảm thông, trung thực, không lừa dối, không hung hăng, vì cộng đồng và không màng gì đến địa vị và sự nghiệp. Lương tri mới mẻ ấy đang nở rộ như hoa tươi đâm lên từ hè phố, và hứa hẹn “một lý trí cao cấp hơn, một cộng đồng nhân bản hơn, và một cá nhân mới tự do hơn. Tạo tác cuối cùng của nó sẽ là cái đẹp và cái lành mạnh mới mẻ trường tồn – tái tạo lại mối quan hệ của con người với chính mình, với mọi người, xã hội, thiên nhiên và đất đai.”

Hồi mới đọc nó tôi chưa biết nước Mỹ là thế nào, và lấy làm nghi ngờ lắm. Tại sao thanh niên Mỹ lại say mê chính những gì mà chúng tôi đang được giáo dục thời bấy giờ? Rõ ràng là họ chưa biết đến mặt trái của tấm huy chương. Nhưng niềm say mê ấy là có thực. Vừa ra đời, cuốn sách đó đã bán được hàng triệu bản, được đăng tải nhiều kỳ trên tạp chí New Yorker, và được các nhà trí thức hàng đầu của nước Mỹ luận bàn sôi nổi trong hàng chục bài báo đăng liên tiếp trên tờ New York Times. Năm 1995, nó vẫn được tái bản trang trọng để kỷ niệm 25 năm ngày ra đời của mình. Và người ta gọi nó là một *Utopia của thời hiện tại*. Một lần nữa, ước vọng lại trở thành không tưởng.

Cũng trong những năm 70 ấy, tôi được chị Linda Mearing, một đảng viên cộng sản từ Úc snag giúp chúng tôi biên tập bài vở hàng ngày tại đài phát thanh tặng một cuốn *Utopia*. Cuốn sách đầy những gạch chân, những câu cảm thán, những dấu chấm than và dấu hỏi

bằng bút chì của chị. Đang nghi ngờ *The Greening of America*, tôi cố đọc *Utopia* mà chẳng có chữ nào vào đầu, đành cất nó vào một chỗ.

Sau chiến tranh, công việc phát thanh tiếng Anh buồn tẻ dần, tuổi trẻ qua đi, số phận đưa tôi rời xa quê hương, xa chính bản thân mình, để đến 20 năm sau lại đem tôi trở về với tất cả. Một đêm gió bắc mưa rơi tí tách đầu xuân năm nay – 2005, tôi tình cờ thấy lại cuốn *Utopia* nhỏ bé trong đồng sách cũ lấm lóc của mình. Tôi giở từng trang giấy ngả vàng, và cảm thấy như tìm lại được một cuốn nhật ký đã bị quên lãng từ lâu. Khi tôi đọc hết cuốn sách thì đồng hồ chỉ 3 giờ sáng. Tôi ngồi dậy, tắt đèn, lòng xốn xang. Những chuyện đã qua hiện lại trong đầu như một cuốn phim câm lộn xộn. Rồi tôi lại bật đèn, giở lại cuốn sách vẫn còn nguyên lần bọc bằng giấy nilông dán băng dính, nhìn lại những nét bút chì của người bạn cộng sản xưa, và bỗng bồi hồi thấy mình như đang bắt đầu xanh trở lại với những hy vọng và niềm tin ngỡ như đã lụi tàn từ lâu. Phải, *The Greening of America* đã bắt rễ từ *Utopia*. Ước mơ hôm nay đã có trong lòng nhân loại ngay từ thuở nó bắt đầu bị lòng tham cám dỗ. Nhưng chính thế mà ta không thể tuyệt vọng. Khi con người còn tiếp tục mơ ước về một thế giới tốt đẹp hơn, thì nó còn có cơ hội vượt qua được chính mình. Và quả tình, tôi rất mong được chia sẻ niềm hy vọng này với mọi người.

Trong suốt năm thế kỷ qua từ ấn bản đầu tiên, *Utopia* vẫn được cả thế giới tìm đọc - bất kỳ lúc nào và ở đâu, nó cũng làm cho người đọc phải giật mình, xúc động và băng khuâng suy ngẫm về nhân tình thế thái. Nó nhắc nhở, bàn tán, phân tích, giải thích và gợi ý về tất cả những vấn đề mà chúng tôi và bạn vẫn quan tâm và đối mặt hàng ngày, từ chuyện trộm cắp, nghiện ngập, dĩ điểm, nghèo khổ, tham nhũng cho đến chuyện trách nhiệm của người trí thức, chuyện trọng dụng nhân tài, và tư chất của những người cầm cân nảy mực trong xã hội. Nó bàn đến thế nào là khoái lạc, hạnh phúc, cái gì đáng quý, cái gì không. Nó lột trần những giả nguy của luật pháp hiện hành, những cái thậm vô lý của thói thường. Giải pháp tín ngưỡng của nó thật kinh ngạc, nên được cổ vũ trong thế giới khủng bố hiện nay. Nó thiết kế 1 chế độ chính trị và xã hội mà nó tin rằng sẽ giúp cho con người được no ấm và hạnh phúc. Và nó khẳng định rằng con người chính là rào cản của chính mình, bắt nguồn từ lòng ngạo mạn, ý thích được hơn người, được coi là quan trọng, vốn bắt rễ rất sâu trong mỗi cá nhân. Những giải pháp cho mọi vấn nạn nhân gian trong *Utopia* có thể là ngây thơ, là không tưởng, nhưng những ước mơ và nền tảng tư tưởng của nó thật sự làm kinh ngạc và xúc

động lòng người. Thế giới phương Tây gọi nó là “cuốn sách nhỏ vĩ đại”. Chữ “UTOPIA” đã trở thành một danh từ trong ngôn ngữ của nhiều nước, đứng tên cho cái mơ ước và cũng là niềm thất vọng triền miên của nhân loại trên con đường tự hoàn thiện mình.

Hình thức văn chương của *Utopia* cũng rất đặc biệt. Thomas More biết rằng những phê phán hiện thực và tư tưởng mới lạ của ông sẽ bị trừng trị thẳng tay, nên ông đã dùng hình thức lấy những sự kiện và con người có thật làm bối cảnh cho một câu chuyện có vẻ không tưởng, trong đó tất cả tên người, chức danh và địa danh đều do ông tạo ra từ gốc ngôn ngữ Hy Lạp và đều có nghĩa là không có thật, là tưởng tượng. Và để cuốn sách được phổ biến rộng rãi hơn trong thế giới phương Tây lúc bấy giờ, ông đã viết nó bằng tiếng Latin. Hình thức này đã khiến cho *Utopia* vừa có không khí hấp dẫn bay bổng của một cuốn sách du kí, vừa mang giọng điệu học thuật chắc nịch và nghiêm túc của một công trình nghiên cứu cổ điển. Quả thực, cấu trúc và lối viết của *Utopia* thành công đến mức nó đã khởi đầu cho một thể loại văn chương và rất phát triển trong những thế kỷ tiếp theo, mà nổi tiếng và gây tranh cãi nhiều nhất là những cuốn *Tân Atlantis* (1626) của Bacon, *Gulliver Du Ký* (1726) của Jonathan Swift, *Tân Thế Giới Dửng Cầm* (1932) của Aldous Huxley, và cuốn *Năm 1984* (1949) của George Orwell. Cho đến nay, vẫn có nhiều nhà khoa học tin rằng *Tân Atlantis* là câu chuyện có thật, và vẫn cất công tìm kiếm dấu vết của đảo quốc bí hiểm đó. Riêng cuốn sách của Orwell đã trở thành gần như một tiên tri xác thực.

Còn cuốn *Utopia* này hay đến đâu thì bạn phải tự đọc mới biết được.

Bản tiếng Anh mà tôi dùng để dịch đã có nhiều chú thích sẵn rồi, nhưng khi gặp những chi tiết vốn chỉ hiển nhiên với người đọc phương Tây có học vấn về lịch sử và văn hoá cổ đại, tôi vẫn cố tra cứu để chú thích thêm cho bạn đọc Việt Nam. Nếu chúng có sai sót gì thì trách nhiệm hoàn toàn là của tôi và rất mong được bạn đọc chỉ giáo.

Lời không thể hết được ý, chỉ mong bản dịch này sẽ phần nào làm được cái việc mà tác giả của *Utopia* mong muốn, tức là “lấy giọng cười ngông mà bàn ra chân lý” vậy.

Trịnh Lữ

Hà Nội, Xuân 2005

TÁC GIẢ

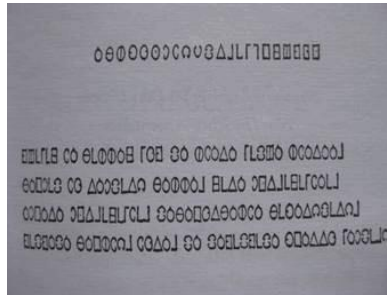
THOMAS MORE sinh năm 1478 tại London, thiếu thời làm gia nhân trong nhà đức Tổng Giám Mục Morton, người đã nhận thấy những tư chất đặc biệt của More và gửi anh vào đại học Oxford. Nhờ thành tích học tập rất xuất sắc, More được cử vào Luật Sư Đoàn của kinh thành London ngay sau khi tốt nghiệp, nhanh chóng trở thành một luật sư danh tiếng, được bầu vào Hạ Viện, và kiêm chức Phó Giám Quản kinh thành London. Trong một chuyến công du sang xứ Flanders, ông bắt đầu viết *Utopia* và hoàn thành cuốn sách này vào năm 1516. Hai năm sau, ông được đề cử làm trưởng cơ quan mật của Vua Henry VIII, và năm 1525 thì được bầu làm Thượng Thư Hạ Viện, rồi lên Thượng Thư Thượng Viện, trở thành người bình dân đầu tiên trong lịch sử nước Anh được cử vào chức vụ này*. Vì phản đối những đề nghị chi tiêu hoang phí của nhà vua, không chịu công nhận ngai vàng cao hơn giáo hội, và đặc biệt là không chấp nhận vụ ly hôn của vua Henry VIII với công chúa Catherine của công quốc Aragon, More treo ấn từ quan vào năm 1532, nhưng bị nhà vua buộc tội phản quốc và tổng vào ngục tối. Ông bị xử tử tại bãi hành hình của kinh thành London ngày 6 tháng 7 năm 1535. Lời cuối cùng của ông ở trên đoạn đầu đài là *"Ta tận tụy với ngai vàng, nhưng tận trung trước hết với Thượng Đế"*. Bốn trăm năm sau, ông được Giáo Hội Cơ Đốc phong Thánh, và trở thành một trong những vị Thánh tử đạo danh tiếng nhất thế giới. Ngoài *Utopia*, ông còn viết *Cuộc đời của John Picus-Tử Tước xứ Mirandula*, *Lịch sử vua Richard III*, và *Đối thoại giữa Sung sướng và Khổ đau***.

*Thượng Viện Anh là đại diện của giai cấp quý tộc. Hạ Viện là đại diện của giai cấp bình dân. Theo truyền thống, phải là đại quý tộc mới được quyền làm Thượng Thư (chủ tịch) Thượng Viện. Thomas More là người bình dân đầu tiên phá vỡ truyền thống này, chứng tỏ ông là người cực kỳ đặc biệt.

**Thomas More viết cuốn *Đối thoại giữa Sung sướng và Khổ đau* này trong thời gian bị giam cầm trong ngục tối để chờ ngày ra pháp trường.

MẪU TỰ UTOPIA

A b c d e f g h i j k l m n o p q r s t u v w x y z



Một tiêu bản thơ của Utopia

Utopos ha Boccas peu la chama polta chamaan
Bargol he maglomi baccan soma gym nosophaon
Agrama gymnosophon labarembacha bodamilomin,
Volvala barchin heman, la lavolvola dramme pagloni

Dịch sát từng chữ

Utopos tôi Tướng từ không - đảo làm đảo
 Một mình tôi đã các mảnh đất thấy đều không có triết lý
 Nhà nước mình triết tôi đã lập ra cho người-trần-thế
 Sẵn lòng chia sẻ cái của tôi, không phải không sẵn lòng chấp nhận những cái hay hơn.

Những dòng viết về Đảo Utopia của Thi Khô Anemolius.

Con trai người em gái của Raphael tiên sinh.

Ngày xưa tên tôi là UTOPIA,

Nghĩa là, một nơi không ai tới

*Giờ đây so với nước Cộng Hoà của Plato
Tôi chẳng kém gì, thậm chí còn hơn;
Bởi đó chỉ là một huyền thoại trên giấy,
Còn tôi là hiện thực của những gì ông ta đã viết
Về một khuôn khổ vững chắc cho con người, của cải và luật pháp,
Một điểm đến của tất cả những người thông sáng:
Nên giờ đây tên tôi là EUTOPIA.*

THƯ CỦA MORE GỬI PETER GILLES

Bạn Peter Gilles¹ thân mến,

Gửi bạn cuốn sách nhỏ này về nước Cộng Hoà Utopia, tôi thấy gần như hổ thẹn vậy. Tôi đã để bạn đợi gần một năm trời trong khi đã hứa sẽ gửi cho bạn trong vòng sáu tuần lễ. Mà việc thì bạn biết rồi, tôi đâu có phải khó nhọc gì về nội dung cũng như hình thức cho cuốn sách này, mà chỉ việc nhắc lại tất cả những gì mà Raphael tiên sinh đã kể cho chúng ta nghe. Về câu chữ tôi cũng chẳng cần phải bận tâm nhiều, vì cách ăn nói của tiên sinh thật không có trau chuốt gì đặc biệt – toàn bộ câu chuyện chỉ là ngẫu hứng nghĩ đến đâu nói đến đấy, và chắc bạn cũng thấy rằng tiên sinh rất giỏi tiếng Latin như tiếng Hy Lạp. Vậy thì, câu chữ của tôi mà càng gần với cách diễn đạt giản dị tự nhiên của tiên sinh bao nhiêu thì câu chuyện này càng gần với sự thật bấy nhiêu, và đó là điều duy nhất khiến tôi bận tâm, điều duy nhất mà tôi bắt buộc phải bận tâm vậy.

Phải, Peter ạ, tôi biết chứ. Hầu hết câu chuyện đã sẵn sàng cả ở đó rồi và tôi thực chẳng phải làm gì nhiều. Cũng phải nói rằng trong bất kì một hoàn cảnh nào khác thì việc nghĩ ra và sắp xếp một câu chuyện như thế này sẽ đòi hỏi rất nhiều thời gian và suy tư - ngay cả đối với một người thông tuệ và uyên bác cũng vậy. Và nếu phải đòi hỏi một văn phong vừa uyên bác vừa chính xác thì dù có bao nhiêu thời gian và suy tư đi nữa, tôi cũng đành chịu bó tay

gác bút mà thôi. May sao, tôi đã không phải lao tâm khổ tứ vì những điều như vậy. Việc của tôi chỉ là ghi lại những gì đã nghe được, và việc này hiển nhiên là thật dễ dàng. Ấy thế mà tôi cũng không làm được như ý, vì hầu như toàn bộ thời gian của tôi đã bị những cam kết khác chiếm dụng hết cả. Nào là những sự vụ liên miên với bên tư pháp², kể cả với Luật Sư Đoàn cũng như các Bồi Thẩm Đoàn, ở các phiên tòa dân sự cũng như hình sự. Rồi thì lúc nào tôi cũng phải thu xếp viếng thăm một ai đó, nếu không vì công chuyện thì cũng vì xã giao bắt buộc. Tôi phải đi suốt ngày vì công việc với mọi người - về đến nhà thì lại phải dành thời gian cho thân quyến, thành thử chẳng còn lúc nào dành cho riêng mình, nghĩa là cho việc viết lách của mình nữa.

Bạn cũng biết đấy, những lúc ở nhà tôi còn phải trò chuyện với vợ con và thảo luận việc này việc kia với gia nhân. Tôi coi đó là những việc rất cần thiết để giữ cho mình khỏi biến thành người dung ngay trong tổ ấm của chính mình. Hơn nữa, người ta ai cũng nên cố gắng đối xử tốt với những người sống cùng với mình, cho dù chính mình đã lựa chọn sống với họ, hoặc chỉ vì ngẫu nhiên hay quan hệ gia đình mà phải sống với họ. Tôi muốn nói là đối xử tốt nhưng không làm hư họ, hoặc đến mức biến người làm thành ông chủ.

Và thế là ngày biến thành tháng, tháng biến thành năm, thời gian cứ thế trôi qua. Bạn có thể thắc mắc vậy thì tôi viết lúc nào? Ấy, từ này đến giờ tôi chưa nhắc đến những lúc ngủ và ăn (nhiều người tự cho mình có thời gian ăn cũng miên man như thời gian ngủ). Quả thực là để có được những lúc riêng tư, tôi đã phải bớt xén thời gian ngủ và ăn của chính mình vậy. Cũng chẳng được là bao, nên việc mới chậm trễ như thế, nhưng cuối cùng thì tôi cũng viết xong được cuốn Utopia này, và đang gửi nó đến cho bạn đây, bạn Peter thân mến của tôi ạ, với hy vọng là bạn sẽ đọc nó và cho biết xem tôi có bỏ sót điều gì không. Về khoản này thì tôi chỉ xin tự tin tương đối thôi, bởi tôi chỉ dám mong học vấn và trí tuệ của mình sẽ ngang tầm với trí nhớ của chính mình, hoàn toàn không dám tin tưởng rằng mình đã nhớ được tất cả mọi chuyện.

Như bạn đã biết, người trợ lý trẻ tuổi của tôi là John Clement³ cũng có mặt cùng hai chúng ta lúc bấy giờ. Tôi chưa bao giờ để anh ta lỡ mất một buổi tối trò chuyện nào có thể mang tính giáo dục bởi anh ta đã bắt đầu bộc lộ nhiều hứa hẹn trong môn Latin và Hy Lạp khiến tôi tin rằng một ngày nào đó tôi sẽ có thể kỳ vọng nhiều ở anh ta. Sự thể là anh ta đã khiến cho tôi phải nghi ngại về một điểm. Theo trí nhớ của tôi thì Raphael tiên sinh có kể

rằng cây cầu bắc ngang qua con sông Vô-Thủy ở Không-Thành dài năm trăm thước, nhưng John lại muốn tôi cắt bớt hai trăm thước đi, vì anh ta nhớ rằng con sông ấy chỉ rộng chưa đến ba trăm thước ở quãng đó. Vậy bạn hãy làm ơn nhớ lại xem con số ấy chính xác là bao nhiêu. Nếu bạn đồng ý với John, tôi sẽ theo ngay lời bạn và giả dụ luôn là mình đã nhầm. Nhưng nếu bạn không thể nhớ được chính xác thì tôi sẽ cứ giữ con số của tôi, vì rõ ràng là tôi nhớ nó như vậy. Bạn thấy đấy, tôi cực kì cẩn thận để đảm bảo rằng những gì mình viết lại là đúng với sự thật, còn như có chỗ nào nghi vấn thì đó chỉ có thể là những sai lầm không cố ý, vì tôi thà làm người ngây ngô chứ không muốn làm kẻ láo cá.

Tuy nhiên, giải pháp đơn giản nhất là bạn hãy đích thân hỏi lại Raphael tiên sinh, nhắn miệng hoặc viết thư cho tiên sinh. Mà quả thực bạn phải làm việc này, vì còn có một khúc mắc nhỏ nữa mà tôi vừa phát hiện. Không biết là lỗi tại tôi, bạn hay là tại chính Rapael tiên sinh, mà hai chúng ta đã không nghĩ đến việc hỏi, và tiên sinh cũng chẳng nghĩ đến việc nói cho chúng ta hay về vị trí của Utopia trong Tân Thế Giới là ở đâu. Để sửa chữa được sai sót này, tôi xin sẵn sàng tiêu đến đồng xu cuối cùng của mình. Tôi cảm thấy mình giống hệt một thằng ngốc vì đã dám viết về quốc đảo đó mà lại không biết nó ở đâu. Hơn nữa, đang có một vài người ở Anh quốc muốn đến thăm Utopia. Đặc biệt, có một nhà thần học rất ngoan đạo⁴ đang náo nức muốn đến đó, không phải vì tò mò, mà là vì mong muốn củng cố sự phát triển của đạo Cơ Đốc vừa được du nhập thành công vào mảnh đất ấy. Vị này muốn chính thức hoá sứ mệnh của mình nên đã vận động để Đức Giáo Hoàng tấn phong cho mình làm Giáo Chủ tại Utopia và chính thức cử sang đảo quốc này. Con người này thật không quản ngại bất cứ chuyện gì để có thể có được những ân huệ như thế⁵. Ông ta tin rằng những chuyện ấy hoàn toàn chính đáng, không phải vì quyền lợi và ân huệ cho bản thân, mà chỉ vì vinh quang của giáo hội mà thôi.

Như thế đấy, bạn Peter ạ. Bạn hãy làm ơn thu xếp gặp Raphael tiên sinh nếu có thể được, hoặc không thì hãy viết thư cho tiên sinh, làm sao để cuốn sách của tôi chỉ truyền đạt sự thật và không có gì khác ngoài sự thật. Có lẽ tốt nhất là bạn hãy đưa cuốn sách này cho tiên sinh, vì chỉ tiên sinh mới là người có thể chỉnh sửa mọi sai sót, mà tiên sinh chỉ có thể làm việc đó khi có nó trong tay. Hơn nữa, làm như vậy bạn mới có thể biết tiên sinh sẽ phản ứng như thế nào với việc tôi là người viết lại những điều tai nghe mắt thấy của bản thân tiên sinh. Bởi lẽ nếu tiên sinh cũng đang có ý định tự mình làm việc đó thì chắc chắn là tiên

sinh sẽ không muốn ai làm việc này trước mình – vì hiển nhiên là cuốn sách ra trước của tôi sẽ khiến cho câu chuyện ra sau của tiên sinh mất hết sức hấp dẫn mới mẻ lạ lùng của nó.

Phải nói thật với bạn rằng tôi vẫn đang băn khoăn không biết có nên cho xuất bản cuốn sách này không. Thiên hạ muôn vàn thị hiếu khác nhau, có những người chẳng có chút đầu óc hài hước nào, lại còn vô cảm và thủ cựu một cách vô lý, đến mức thà rằng mình cứ mặc kệ vui chơi cho sướng cái thân chứ chả tội gì suốt đời trần trở mong giáo huấn hoặc mua vui cho một công chúng vốn sẽ chỉ biết khinh rẻ chứ mong gì đến chuyện biết ơn những nỗ lực của mình. Hầu hết độc giả có biết gì về văn chương đâu; nhiều người còn khinh miệt văn chương là đẳng khác. Với kẻ thô thiển thì bất kì cái gì không đủ thô thiển cũng đều là nặng đầu cả; còn với kẻ tinh tế thì hề không sắc mùi điển cổ là đều bị coi là thô lậu hết. Người thì chỉ biết thích những thứ cổ điển; người khác lại chỉ biết thích những tác phẩm của chính mình. Kẻ thì nghiêm cẩn đạo mạo đến mức ghét bỏ tất cả những gì là hài hước, kẻ thì đầu óc nửa vời đến độ không thể chịu được một ý tưởng thông minh sắc sảo. Có kẻ bị nô lệ vào câu chữ đến mức bất kỳ cái gì có vẻ ngầm chứa nghịch ý cũng làm cho họ giật mình sợ hãi như phải bỏng. Lại có kẻ cứ mỗi lần phát biểu là một lần lạc đề không biết vừa nãy mình mới nói gì. Rồi lại còn những nhà phê bình chỉ biết lớn tiếng phê phán tùy tiện như thể họ luôn say rượu giữa công chúng. Bọn người này tóm lấy những tác phẩm của bạn như thể đồ vật tóm lấy tóc đối phương và cứ thế kéo bạn xuống, trong khi họ vẫn nhơn nhơn vì không ai có thể tóm lấy một sợi tóc học vấn nào trên những cái đầu vô sinh hói nhẵn của họ.

Vẫn chưa hết, nhiều độc giả còn vô ơn đến mức ngay cả khi họ rất ưa thích một cuốn sách nào đó, họ vẫn không dành cho tác giả được một chút cảm tình nào. Họ giống như đám thực khách chỉ biết tọng đầy những sơn hào hải vị của bữa tiệc rồi cứ thế ra về không một lời cảm ơn chủ nhân. Vậy thì tại sao phải lao tâm khổ tứ soạn một bữa tiệc trí tuệ cho một công chúng có những thị hiếu khó chịu và chất chướng đến thế, với một ý thức biết ơn sâu sắc đến thế!

Nhưng thôi, như tôi đã nói, bạn hãy liên lạc với Raphael tiên sinh đi nhé. Vấn đề khác xin để sau hãy nghĩ - mặc dù chắc cũng là quá muộn rồi, vì dù sao thì tôi cũng đã vượt qua được mọi trở ngại để viết xong cuốn sách này. Vậy nếu Raphael tiên sinh không phản đối thì việc tôi có cho xuất bản nó hay không sẽ tùy thuộc vào lời khuyên của bằng hữu, nhất là lời khuyên của bạn.

Bạn Peter Gilles thân mến nhất của tôi, xin gửi đến bạn và người vợ kiều diễm của bạn mọi điều tốt lành nhất. Xin hãy tiếp tục dành cho tôi tấm lòng ưu ái của bạn - bởi lẽ hơn bao giờ hết, tôi đang gửi đến bạn tấm lòng ưu ái sâu sắc nhất của tôi.

Thân ái,

Thomas More

THƯ CỦA GILLES GỬI BUSLEIDEN

Antwerp

Ngày 1 tháng 11 năm 1561

Tôi, hạng hậu sinh Peter Gilles, kính thưa Busleiden¹ túc hạ.

Hôm trước, một bằng hữu lớn của túc hạ là Thomas More - chắc túc hạ cũng đồng ý tôi rằng ông là một trong những vĩ nhân của thời đại chúng ta - có gửi cho tôi cuốn Utopia mà tôi xin được chuyển tới túc hạ kèm theo dưới đây. Hiện thời có rất ít người biết đến quốc đảo này, mà nhẽ ra thì ai cũng nên biết đến nó, vì nó chẳng khác gì Nước Cộng Hoà của Plato, mà còn tốt đẹp hơn thế nữa, nhất là vì nó được mô tả bởi một tác giả tài năng như More đại nhân của chúng ta. Ông tái hiện xứ sở đó sinh động đến mức đọc những dòng chữ của ông tôi có cảm tưởng như đất nước đó còn hiện ra rõ ràng hơn cả khi tôi lắng nghe câu chuyện do chính Raphael tiên sinh trực tiếp kể lại - vì tôi cũng có mặt cùng với More đại nhân trong buổi chuyện trò ấy. Cũng phải nói rằng Raphael tiên sinh đã nói rất hay. Rõ ràng là tiên sinh không kể lại chuyện của người khác, mà đúng là đang mô tả những trải nghiệm của bản thân ở một nơi mà tiên sinh đã sống qua một thời gian dài. Bản thân tôi nghĩ rằng có thể tiên sinh còn đi nhiều biết rộng hơn cả Ulysses², và chắc rằng chẳng có ai được như tiên sinh trong suốt tám trăm năm vừa qua. Tiên sinh khiến ta cảm thấy như ngay cả Vespucci³ cũng chưa biết tí gì về thế giới vậy!

Raphael tiên sinh rõ ràng có biệt tài mô tả. Nhưng có lẽ chúng ta ai cũng có thể mô tả những gì mình tận mắt nhìn thấy rõ ràng hơn những cái do người khác kể lại. Thế mà khi đọc những dòng chữ đầy hình ảnh của More đại nhân, đôi khi tôi cảm thấy như mình đang thực sự sống ở Utopia vậy. Sự thực là tôi cảm thấy có vẻ như mình còn thấy được nhiều điều về đảo quốc đó trong cuốn sách này hơn cả bản thân Raphael tiên sinh trong cả năm năm trời sống ngay ở đó. Ta gặp biết bao nhiêu điều kì diệu trong từng trang sách, đến nỗi tôi không biết điều gì đã khiến mình khâm phục trước hết - sự chính xác tuyệt vời của trí nhớ tác giả đã viết được những đoạn kể chuyện triền miên đúng đến từng chữ - cái tài của tác giả trong việc phát hiện lập tức những nguyên nhân hiển nhiên cũng như tiềm ẩn của các tệ nạn xã hội mà cho đến nay không mấy ai biết đến - hay là văn phong mạnh mẽ khoáng hoạt của ông, khả năng đề cập đến hàng loạt các chủ đề khác nhau đến thế bằng một ngôn ngữ Latin chuẩn mực và chắc nịch đến như vậy - nhất là khi ta biết rằng tác giả còn phải lo biết bao công việc khác ở nhiệm sở cũng như ở gia đình. Nhưng có lẽ tất cả những điều này cũng không đến nỗi quá ngạc nhiên đối với một học giả uyên bác như túc hạ. Hơn nữa, túc hạ cũng rất thân thiết với More đại nhân, và hẳn là đã quen thuộc với trí tuệ thần đồng, nếu không muốn nói là siêu nhân, của ông.

Tôi không nghĩ ra được bất kì điều gì đáng bổ sung vào cuốn sách này, ngoại trừ bốn dòng thơ viết bằng văn tự Utopia mà Raphael tiên sinh tình cờ cho tôi xem sau khi More đại nhân đã ra về, cùng với một bảng chữ cái của ngôn ngữ ấy. Tôi cũng mạo muội thêm một vài ghi chú ngoài lề⁴. Nhân tiện tôi cũng xin nói rằng More đại nhân có bản khoản về việc ông không biết vị trí đích xác của đảo quốc này. Thực ra thì Raphael tiên sinh có nhắc đến chi tiết đó, nhưng tình cờ và qua loa mà thôi, như thể tiên sinh định bụng sẽ quay lại vấn đề ấy sau này, nhưng rồi cả hai chúng tôi đều quên không hỏi lại nữa. Lý do ư? Có lẽ định mệnh chăng? Đây nhé, đúng lúc Raphael tiên sinh đã động đến vị trí của hòn đảo thì có một gia nhân đến thì thầm vào tai More đại nhân chuyện gì đó. Tôi đã cố không để việc ấy làm nhãng tai mình thì ngay lúc bấy giờ tự nhiên một vị tháp tùng Raphael tiên sinh lại nổi một cơn ho ầm ĩ - có lẽ ông ta bị cảm lạnh lúc còn ở dưới thuyền ngoài biển - khiến tôi không thể nghe rõ được phần tiếp theo trong câu nói ấy của tiên sinh. Tuy nhiên, tôi nhất định sẽ làm sáng tỏ được điểm này, và sẽ cho túc hạ biết hòn đảo ấy ở đâu, với đầy đủ kinh vĩ độ của nó. Ấy là nếu Raphael tiên sinh vẫn còn khoẻ mạnh ở một nơi nào đó mà tôi sẽ tìm ra được,

vì cũng đã có nhiều lời đồn đại về tiên sinh. Có người nói tiên sinh đã qua đời ở đâu đó trên đường lãng du của mình. Có người nói tiên sinh đã trở về cố quốc. Lại có người nói tiên sinh đã về lại Utopia, phần vì luyến tiếc xứ sở ấy, phần vì không thể chịu nổi lối sống của người Châu Âu nữa.

Có lẽ túc hạ cũng tự hỏi tại sao không thấy có bất kì tài liệu địa lý nào từng nhắc đến Utopia. Raphael tiên sinh đã giải thích khá thuyết phục vấn đề này. Tiên sinh nói có thể người xưa biết đến nó, nhưng dưới một cái tên khác; mà cũng có thể là chưa từng có ai biết đến nó, và chẳng phải chúng ta hiện vẫn tiếp tục khám phá những xứ sở chưa hề được nhắc đến trong các sách địa lý đó sao? Dù sao đi nữa, tôi cũng chẳng cần phải biện thuyết gì thêm về điểm này một khi đã hoàn toàn tin tưởng vào uy tín của một người như More đại nhân.

Tôi hiểu và tôn trọng tinh thần khiêm nhường đã khiến cho More đại nhân thấy ngần ngại trong việc xuất bản cuốn sách này. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng một tác phẩm như Utopia không thể bị trì hoãn vì bất kì lí do gì, mà còn cần phải được phát hành càng sớm càng tốt, và hay nhất là với một bức thư của chính túc hạ để giới thiệu nó với toàn thế giới. Túc hạ là người thông hiểu thiên tài của More hơn ai hết, và còn có ai đủ phẩm chất để giới thiệu những tư tưởng lành mạnh này đến công chúng hơn là một người đã từng nhiều năm phục vụ công chúng và đã được vinh danh vì trí tuệ và nhân cách như túc hạ?

Xin hãy nhận ở đây lời chúc tốt lành nhất gửi đến một mệnh thường quân của học vấn, một vĩ nhân của thời đại chúng ta.

Nay kính,

Peter Gilles

QUYỂN MỘT

Một bất đồng tương đối nghiêm trọng¹ mới nảy sinh trong thời gian qua giữa đức ông hoàng đế - vua Henry VIII của nước Anh chúng ta, một bậc thầy vĩ đại của nghệ thuật cai trị - và ông hoàng Charles của công quốc Castile. Nhà vua đã cử tôi đi sang đất Flanders để thảo luận và giải quyết sự vụ này, cùng với một người bạn của tôi là Cuthbert Tubstall², một con

người xuất sắc mới được cử phụ trách ban nhân sự và tài chính của đoàn luật sư và được tất cả mọi người đều ủng hộ. Tôi sẽ không nói gì về học vấn và đức độ của con người này – không phải vì sợ mình thành thiên vị, mà vì những phẩm chất tốt đẹp của ông thật quá sức mô tả của tôi, và cũng đã quá nổi tiếng chẳng cần ai phải mô tả chúng nữa. Tôi chẳng nên cầm đèn mà rọi mặt trời³.

Khi chúng tôi đến thành Bruges, một phái đoàn đại diện của xứ Castile đã chờ đón chúng tôi tại đó theo như lịch định. Họ gồm toàn những nhân vật quan trọng do đích thân thị trưởng Bruges dẫn đầu, một con người tuyệt vời, những hầu hết câu chuyện lại do một nhân vật khác cầm trịch và lên tiếng, đó là ngài George de Theimsecke, hiệu trưởng đại học Cassel. Con người này là một diễn giả bẩm sinh, lại được tu nghiệp thật chu đáo để làm một chuyên gia luật pháp, cho nên quả thực ông ta có đầy đủ các phẩm tính và kinh nghiệm để làm một nhà thương thuyết thượng hạng. Sau vài buổi thảo luận, hai bên vẫn có một số vấn đề chưa nhất trí được với nhau, cho nên phái bộ chủ nhà đề nghị tạm chia tay để trở về xin ý kiến của triều đình họ tại Brussels. Tôi bèn dùng thời gian tạm nghỉ đó để đi Antwerp thu xếp vài việc riêng.

Ở Antwerp tôi gặp được khá nhiều người, nhưng nhân vật mà tôi thích nhất là một chàng trai bản địa tên là Peter Gilles. Anh này được dân chúng địa phương rất kính trọng, và giữ một trọng trách trong hội đồng bản hạt tại địa phương. Nhẽ ra anh ta xứng đáng được ở ngôi cao nhất tại thành bang ấy, bởi quả thực tôi cũng không biết điều gì ở anh ta đã gây ấn tượng mạnh mẽ đến như vậy: trí tuệ của anh ta, hay là những phẩm chất đạo đức của anh. Không những là người tinh tế lịch duyệt, anh còn là một học giả thông tuệ, cực kỳ công bằng với mọi người, mà đối với bằng hữu thì tỏ rõ một tấm lòng trung hậu bản nhiên, một tấm tình nồng nhiệt và thủy chung đến mức có lẽ chỉ có anh mới hội đủ những phẩm chất toàn diện nhất của tình bạn. Anh khiêm nhường hết sức, trung thực tuyệt đối, và mang một phong thái giản dị tinh tế rất riêng biệt. Anh còn là một diễn giả tuyệt vời, có thể rất sắc sảo mà vẫn không làm xúc phạm đến ai. Lúc ấy tôi đã xa nhà hơn bốn tháng trời và đang mong được trở về Anh quốc với vợ con, nhưng phải nói rằng nỗi nhớ nhà của tôi đã được người ngoại phần lớn là nhờ có anh và những cuộc trò chuyện thật hấp dẫn với anh.

Hôm ấy, tôi vừa dự lễ sáng tại nhà thờ lớn Notre Dame, một công trình tráng lệ luôn chật ních giáo dân, và vừa sắp quay gót về khách sạn thì chợt nhìn thấy Peter Gilles đang

nói chuyện với một người ngoại quốc đã đứng tuổi có gương mặt sạm nắng với bộ râu dài và một tấm áo khoác hờ hững một bên vai⁴. Nhìn nước da và trang phục của người ấy, tôi đoán chừng ông ta là thủy thủ. Đúng lúc ấy, Peter cũng nhìn thấy. Anh lập tức bước lại chào, và tôi chưa kịp đáp thì anh đã kéo tôi sang một bên.

“Đại huynh có thấy người kia không?” Anh hỏi, ra hiệu về phía người mà anh đang chuyện trò vừa nãy. “Đệ vừa mới dẫn ông ta tới chỉ cốt để tiếp kiến đại huynh đó.”

“Nếu đó là bạn của hiền đệ,” tôi đáp, “tôi sẽ rất sung sướng được tiếp kiến ông ta.”

“Nếu biết ông ta là người thế nào,” Peter nói, “thì chắc hẳn huynh sẽ thích cuộc hội ngộ nay đây - bởi lẽ không ai có thể kể cho huynh nghe nhiều chuyện về các xứ sở lạ lùng và những cư dân ở đó như người này. Mà đệ biết là huynh rất mê những câu chuyện như vậy.”

“Nếu quả như vậy thì tôi đoán cũng không sai lắm,” tôi nói. “Ngay lúc mới thấy ông ta, tôi đã nghĩ đó là một thủy thủ rồi.”

“Nhưng như thế thì huynh lại lầm to rồi,” Peter đáp “Đệ muốn nói rằng đây không phải là một thủy thủ kiểu Palinurus⁵ đâu. Ông ta thực sự giống như một Ulysses, thậm chí như Plato vậy. Huynh sẽ thấy, ông bạn Raphael này của chúng ta - bởi đó chính là tên ông ta, Raphael Hythlodæus⁶, thực sự là một học giả. Ông ta biết khá nhiều tiếng Latin và rất thông thạo tiếng Hy Lạp. Ông tập trung vào tiếng Hy Lạp vì ông quan tâm chủ yếu đến triết học, và thấy rằng sách vở Latin chẳng có gì quan trọng viết về chủ đề này, ngoài một vài tác phẩm của Seneca và Cicero⁷. Ông muốn đi để thấy thiên hạ, nên đã để lại cho người anh em cai quản tài sản của mình ở Bồ Đào Nha – chính là quê hương ông - rồi lên đường rong ruổi cùng với Amerigo Vespucci. Chắc huynh đã biết đến cuốn Bốn Chuyến Du Hành⁸ của Vespucci mà mọi người đều đang đọc chứ? Chẳng là, ông khách Raphael chính là bạn đồng hành của Vespucci trong suốt ba chuyến du hành về sau, chỉ khác một cái là họ đã không cùng trở về nhà với nhau. Raphael đã nài bằng được Vespucci phải cho ông được ở lại cùng với hai mươi tư người mà Vespucci đã cầm lại trên toà pháo đài nọ⁹. Và thế là ông ở lại đó để thoã mãn cái trí lãng du của mình, niềm đam mê duy nhất của ông. Ông ta không hề băn khoăn rồi mình sẽ chết ở đâu, và lúc nào cũng tâm đắc với hai câu nói, rằng “Người chết không mồ đã có trời xanh làm chiếu,” và “Ta có thể lên Thiên đàng từ bất cứ nơi nào” - một thái độ mà xin Thượng đế bao dung đại xá cho, có thể dẫn người ta vào những hoàn cảnh

khó lường nghiêm trọng. Thế rồi, khi Vespucci đã rời pháo đài đó, Raphael liền tổ chức nhiều chuyến thám hiểm cùng với 5 người trong số các thủy thủ ở lại với mình. Cuối cùng, nhờ cực kỳ may mắn mà họ đến được đảo Ceylon. Từ đó, ông ta đã tìm đường đến tận Calicut và gặp được vài con tàu Bồ Đào Nha ở đó, để rồi được họ cho quá giang về nhà một cách hoàn toàn bất ngờ.”

“Quả tình tôi phải cảm ơn hiền đệ rất nhiều,” tôi nói. “Nhất định là tôi sẽ rất sung sướng được tiếp chuyện một nhân vật như thế. Xin đa tạ hiền đệ đã cho tôi cơ hội này.”

Rồi tôi bước đến chỗ Raphael và bắt tay ông ta. Sau vài câu chào hỏi xã giao như lệ thường sơ kiến, chúng tôi cùng về khu vườn tại khách sạn nơi tôi đang tá túc, cùng ngồi xuống một chiếc ghế băng có nệm cỏ mềm và bắt đầu trò chuyện thoải mái.

Trước hết, Raphael kể cho chúng tôi nghe những chuyện đã xảy đến với ông và bọn người trên pháo đài sau khi Vespucci bỏ họ lại ở đó. Bằng thái độ lễ phép và những hành vi thân thiện, họ dần dần hoà mình được với cư dân bản địa. Chẳng mấy chốc, họ đã có quan hệ không những là hoà hảo mà còn thắm thiết nữa với dân chúng. Đặc biệt, họ giao hảo rất thân với một vị vua mà tên tuổi và quốc tịch tôi đã quên mất. Ông vua này hào phóng chu cấp cho Raphael và năm bạn đồng hành của ông đầy đủ lương thực và tiền bạc để thực hiện các chuyến thám hiểm, bao gồm cả việc sử dụng thuyền bè và ngựa xe. Ông vua còn cho họ một người dẫn đường rất đáng tin cậy, ra lệnh cho viên hướng đạo này phải đưa đoàn thám hiểm đến gặp nhiều vị vua khác, và còn viết thư giới thiệu đoàn với các vương quốc đó hẳn hoi. Và thế là sau nhiều ngày lênh đênh, họ đã đến được nhiều thành bang rộng lớn và nhiều vùng dân cư đông đúc có những cơ cấu tổ chức chính trị rất phát triển.

Tất nhiên, khi đi qua vùng xích đạo, họ đã thấy những hoang mạc mênh mông cháy bỏng dưới nắng trời triền miên. Mọi vật đều ảm đạm và hoang vắng, không hề có dấu hiệu canh tác nào, không thấy có giống vật nào ngoại trừ các loài rắn và thú dữ, hoặc những giống người cũng hoang dã và dữ tợn không kém. Nhưng đi xa hơn nữa, mọi vật lại dần dần khá hơn. Khí hậu đỡ khắc nghiệt, đất đai trở nên xanh tốt và dễ chịu hơn, con người và các loài vật cũng đỡ dữ dằn hơn. Cuối cùng, họ đến những vùng mà con người sinh sống trong các thành bang lớn nhỏ, không ngừng buôn bán bằng cả đường thủy và đường bộ. Không những họ buôn bán lẫn với nhau và với lân bang, mà còn với cả những nơi xa xôi nữa.

“Vậy là tôi đã có dịp đi rất nhiều,” Raphael nói, “Hễ thấy một con tàu sắp gương buồm ra khơi là tôi lại hỏi xin họ cho tôi và các bạn tôi cùng đi, và luôn luôn chúng tôi được người ta hồ hởi mời lên tàu. Những con tàu đầu tiên mà chúng tôi thấy là loại tàu đáy bằng, có buồm làm bằng lá cây papyrus(* một loài lá cọ) khâu lại với nhau, hoặc bằng mây tre đan, có khi bằng cả da thuộc. Nhưng các con tàu sau này thì đều có sống nhọn và buồm bằng vải bố, nói chung là tương tự như tàu thuyền của chúng ta. Thủy thủ các xứ ấy nói chung hiểu biết rất rõ về gió máy và thủy triều, nhưng họ đều rất quý trọng tôi khi tôi bày cho họ cách sử dụng la bàn dùng nam châm. Họ chưa từng nghe thấy dụng cụ này bao giờ, và vì vậy mà vẫn sợ hãi biển cả, chỉ dám ra khơi xa trong mùa hè mà thôi. Còn nay thì họ tin tưởng vào cái la bàn đến mức những chuyến ra biển mùa đông không còn là gì với họ nữa, mặc dù cái cảm giác an toàn mới mẻ ấy của họ chỉ hoàn toàn là chủ quan. Sự thể là tâm lý quá tự tin ấy của họ có thể còn biến cái phát minh đặc dụng của chúng ta là chiếc la bàn thành mối hiểm họa nữa là đằng khác.”

Nhắc lại những câu chuyện mà ông ta kể về từng vùng đất ấy sẽ mất rất nhiều thời gian; vả lại đó cũng không phải là mục đích của cuốn sách này. Có lẽ tôi sẽ dành một cuốn sách khác cho những câu chuyện đó, tập trung vào những chi tiết có tính giáo dục nhất, ví dụ như những nhận xét của ông ta về nhiều cách tổ chức xã hội rất có lí của nhiều cộng đồng văn minh khác nhau. Có những điểm chúng tôi hỏi ông rất cặn kẽ, và ông cũng trả lời rất chu đáo và nhiệt tình. Chúng tôi không hỏi xem ông có gặp phải loài quái vật nào không, vì quái vật không còn là gì mới mẻ nữa. Chẳng bao giờ thiếu những giống vật khủng khiếp vẫn rình ăn thịt người, cướp miếng ăn của người, và nuốt chửng cả từng dân tộc một; nhưng rất khó tìm được ví dụ về những phương cách tổ chức xã hội thông minh và nhân đạo.

Tất nhiên, ông ta đã thấy nhiều điều đáng lên án tại Tân Thế Giới, nhưng cũng phát hiện được nhiều quy củ có thể gợi ý để cải cách xã hội châu Âu. Những chuyện này, tôi xin nói ngay ở đây, cỡ lẽ sau này mới có thể đề cập đến. Ý định hiện nay của tôi chỉ là nhắc lại những gì ông ta nói về luật pháp và phong tục ở Utopia.

Tôi phải bắt đầu bằng cách ghi lại cuộc trò chuyện đã dẫn đến việc ông ta lần đầu tiên nhắc tới nước cộng hoà đó đã. Sau khi đã phê phán một cách rất sắc sảo những sai lầm mà con người đang phạm phải ở cả hai nửa địa cầu – mà hiển nhiên là rất nhiều – Raphael chuyển sang bàn thảo về những đặc điểm tinh tế hơn trong hệ thống luật pháp của hai thế

gió cũ và mới. Ông ta nắm vững các dữ kiện của từng quốc gia như thể đã suốt đời sống ở mỗi nước đó chứ không phải chỉ dừng chân qua đêm mà thôi. Anh bạn trẻ Peter Gilles đặc biệt bị lôi cuốn và ấn tượng rất mạnh.

PETER: Thưa Raphael tiên sinh, tôi thấy rất lạ tại sao tiên sinh không đăng triều phục vụ một đấng quân vương nào đó. Tôi dám chắc rằng bất kỳ một ông vua nào cũng sẽ không để mất cơ hội được trọng dụng tiên sinh. Với kiến thức và kinh nghiệm như thế, tiên sinh thực chính là người không những có thể làm vui họ, mà còn cho họ những giáo huấn và những lời khuyên bổ ích. Làm thế, tiên sinh lại còn có thể vun đắp cho những quyền lợi của chính mình cũng như bạn bè và thân quyến của mình nữa.

RAPHAEL: Tôi chẳng phải lo gì cho ai cả. Tôi nghĩ mình đã hoàn thành nghĩa vụ của mình với mọi người. Hầu hết người ta đều bám chặt lấy tài sản của mình cho đến khi không còn bám được nữa vì già yếu hoặc bệnh tật – mà rồi đến lúc ấy vẫn cứ không chịu buông bỏ một cách thanh thản. Còn tôi, tôi đã chia sẻ tài sản của mình với thân quyến bạn bè ngay từ lúc còn trẻ khỏe. Tôi chắc rằng họ đều thoả mãn cả rồi, và không ai có quyền mong tôi phải dần dần thêm nữa để vì quyền lợi của họ mà trở thành nô lệ cho một ông vua nào đó.

PETER: Xin Thượng đế tha tội! Phục vụ chứ không phải làm nô lệ! Đó là điều tôi muốn gợi ý.

RAPHAEL: Chữ thì có khác, nhưng thực chất nào có khác gì.

PETER: Tiên sinh nói vậy thì tôi xin chịu. Nhưng tôi vẫn nghĩ đó là con đường tốt nhất để tiên sinh có thể giúp đỡ người khác, cá nhân cũng như tập thể, đồng thời cũng là để cho cuộc sống của tiên sinh được vui thú hơn.

RAPHAEL: Làm sao có thể được như vậy khi tôi phải hành động trái với bản tính của mình? Hiện tôi đang sống đúng như mình muốn, mà điều đó, nói thật nhé, chưa chắc đã có ai trong đám triều thần dám nói. Hơn nữa, vua chúa lúc nào cũng có thừa người luôn tranh nhau để được yêu. Không có tôi hoặc vài người như tôi, thì họ đỡ vất vả hơn trong cuộc tranh giành ấy.

MORE: Thưa tiên sinh Raphael, rõ ràng là tiên sinh không màng đến tiền tài và quyền lực, và điều đó khiến tôi kính trọng tiên sinh bội phần, cho dù tiên sinh có là một đấng quân vương vĩ đại nhất địa nữa thì cũng không làm tôi kính trọng tiên sinh hơn được. Nhưng

chắc cũng chẳng có gì trái với tinh thần triết học đáng trân trọng của chúng ta nếu tiên sinh có thể dẫn thân, thậm chí chịu đựng một vài bất cập cá nhân, để đem tài năng và sức lực của mình phục vụ công chúng hay sao? Và cách hiệu quả nhất để thực hiện việc đó là tranh thủ được lòng tin của một ông vua, rồi phò tá ông ta với những lời khuyên thực sự hướng thiện của mình. Bởi lẽ mỗi ông vua là một nguồn ban ân phát tội không ngừng nghỉ như ngọn suối nhuần gội đến tất cả dân chúng vậy. Còn tiên sinh thù vừa thừa thãi trí thức lý thuyết lại vừa sâu dày kinh nghiệm thực tế, đến mức chỉ một trong hai năng lực ấy thôi cũng đã thừa đủ để tiên sinh là một thành viên lý tưởng của bất kỳ một nội các nào.

RAPHAEL: Bạn nhầm to rồi, ông bạn More thân mến của tôi, trước hết là nhầm về bản thân tôi, sau đó là nhầm về bản thân công việc mà bạn vừa nói đến. Tôi không tài giỏi đến mức như bạn nghĩ đâu, mà nếu có đi nữa thì tôi cũng chẳng thể đóng góp gì cho cộng đồng bằng cách tự mình mua thêm việc cho mình đâu. Này nhé, hầu hết vua chúa chỉ quan tâm đến khoa học chiến tranh – là cái mà tôi chẳng biết tí gì và cũng chẳng muốn biết - chứ chẳng mấy để ý đến các khoa học hữu ích trong thời bình. Họ luôn lo lắng và sẵn sàng ve vãn lừa phỉnh để tìm cách mở rộng bờ cõi, chứ không lo thu xếp cai trị cho thật đàng hoàng những gì đã có trong tay. Ngoài ra, các vị trưởng quan trong nội các thì một là đã thừa thông minh để không cần phải hỏi ý kiến ai, hai là thừa ngạo mạn để có thể lắng nghe lời khuyên của ai - mặc dù hiển nhiên là họ đều luôn sẵn sàng hưởng thụ mọi ân huệ của nhà vua bằng cách đồng tình với cả những ý kiến ngu xuẩn nhất của vua vậy. Nói cho cùng, bẩm tính muôn loài là chỉ biết mê đắm những tạo tác của chính mình. Cho nên lũ quạ con là nguồn vui thú của cha mẹ chúng, và đười ươi mẹ bao giờ chẳng thấy con mình là tuyệt sắc giai hầu.

Vậy là bạn có một nhóm người đầu óc đầy thành kiến sâu nặng với mọi tư tưởng của người khác, hoặc khá nhất thì cũng chỉ biết ưa những ý kiến của chính mình. Giả dụ bạn là một người trong nhóm đó, và bạn lên tiếng đề nghị một chính sách mà bạn đã thấy ở đâu đó, hoặc đã tổng kết được từ một tiền lệ lịch sử nào đó, vậy điều gì sẽ xảy ra? Bọn người ấy sẽ xử sự như thế uy tín chuyên môn của họ đang bị đe dọa nghiêm trọng, và họ sẽ trở thành một lũ ngốc đến hết đời nếu không tìm được một lời phản bác nào chống lại đề nghị của bạn. Mà nếu cùng đường thì phản ứng của họ sẽ là: “Vấn đề này ông cha ta đã vẫn giải quyết như từ xưa đến nay, chúng ta là ai mà dám nghi ngờ trí tuệ của tiền nhân?” Rồi họ sẽ ngả sâu vào ghế bành với cung cách của một người vừa nói những lời phát quyết cuối cùng, cứ

như thế sẽ là một tai họa tày trời nếu có ai bị bắt quả tang dám thông minh hơn tổ tiên mình vậy! Ấy thế nhưng họ lại luôn sẵn sàng lật ngược những quyết định có lý nhất của mình. Mà chỉ có những quyết định kém thông minh nhất là được họ bám chặt lấy như thể sắp chết vậy. Tôi đã trải qua tình cảnh hỗn độn này của lòng ngạo mạn, đầu óc ngu xuẩn và thái độ ngang bướng ở rất nhiều nơi. Thậm chí tôi đã một lần gặp tình trạng ấy ở chính nước Anh.

MORE: Thật vậy sao? Tiên sinh đã từng tới cố quốc của tôi sao?

RAPHAEL: Thưa vâng. Tôi đã ở đó nhiều tháng trời, ngay sau cuộc huynh đệ tương tàn vốn khởi sự từ cuộc tao loạn ở miền tây và kết thúc bằng vụ tàn sát thảm khốc phiến quân ngày đó. Trong thời gian ở Anh, tôi nhận được rất nhiều ưu ái của Đại đức John Morton¹⁰ - Tổng giám mục xứ Canterbury. Ngài cũng là một Hồng y Giáo chủ, và lúc bấy giờ đang là quan Thượng thư của triều đình Anh quốc. Tôi phải nói vài lời về Ngài để bạn Peter đây được biết, vì tôi chắc tức hạ More đã biết rất rõ về con người ấy. Đại đức Morton là người mà ai nấy đều kính phục, không những về trí tuệ và đạo đức, mà còn vì Ngài là một Hồng y Giáo chủ vĩ đại. Ngài tầm thước, và mặc dù tuổi tác đã cao nhưng dáng người vẫn thẳng. Ngài có gương mặt khiến người ta phải tôn kính mà không sợ hãi. Với ai Ngài cũng giản dị dễ chịu, mặc dù lúc nào cũng nghiêm trang và cẩn trọng. Phải công nhận rằng Ngài thường gay gắt với những người đến cầu cạnh việc làm, nhưng không phải là vì ác ý. Ngài xử sự như vậy để thử thách trí thông minh và tính nhạy bén của họ, những phẩm chất mà Ngài cho là không thể thiếu nếu được phát huy một cách kín đáo để phục vụ công chúng. Ngài là một diễn giả uyên bác và rất thuyết phục, và hiểu biết thấu đáo mọi thứ luật pháp. Trí lực Ngài thật đáng khâm phục, và trí nhớ Ngài thật vô song – hai tài năng bẩm sinh mà Ngài đã phát huy đến cao độ nhờ học vấn là luyện tập.

Hiển nhiên là nhà vua rất tin cậy Ngài, và trong thời gian tôi ở nước Anh thì hình như cả quốc gia đều nhờ cậy ở Ngài vậy. Cũng chẳng có gì quá ngạc nhiên, vì ngay sau khi tốt nghiệp đại học, vẫn còn trẻ măng, Ngài đã được đề bạt sang Toà án và từ đó suốt đời làm việc tại chốn công đường, từng trải biết bao sự vụ khó khăn và khủng hoảng để tự vun đắp trí thông sáng của mình. Chẳng có cách học nào bằng học từ thực tiễn là thế.

Có lần tôi tình cờ dùng bữa tối với Ngài và một luật sư ở đó. Tôi không nhớ tại sao chúng tôi lại đề cập đến chủ đề ấy, nhưng chỉ nhớ là vị luật sư nọ đang lên tiếng rất hùng hồn về những biện pháp cứng rắn mà họ áp dụng để giải quyết nạn trộm cắp.

“Chúng tôi treo cổ chúng khắp nơi,” ông ta nói, “tôi đã từng thấy tới hai mươi xác người lủng lẳng trên cùng một cái giá treo cổ. Và chính vì vậy mà tôi thấy lạ. Nếu chẳng có mấy tên chạy thoát, tại sao bọn trộm cắp vẫn cứ hoành hành nhan nhản như thế?”

“Chuyện ấy có gì là lạ,” tôi nói – tôi chẳng bao giờ ngại nói thẳng trước mặt đức Hồng y Giáo chủ. “Phương pháp của các ngài vừa bất công vừa có hại cho xã hội. Để trừng phạt thì như vậy là quá khắt khe, mà để răn đe thì lại hoàn toàn không có hiệu quả. Trộm cắp không phải là tội đáng tử hình, và không có hình phạt nào dưới gầm trời này có thể ngăn ngừa được trộm cắp nếu như đó là cách duy nhất để người ta sống sót. Về chuyện này thì người Anh các ngài, cũng như nhiều dân tộc khác, khiến tôi nghĩ đến các thầy giáo bất lực chỉ biết đánh học trò chứ không biết dạy dỗ chúng, Thay vì áp dụng những hình phạt khủng khiếp nọ, ta nên tìm mọi cách để ai cũng có phương tiện kiếm sống, sao cho không ai bị hoàn cảnh thúc ép mà phải trở thành trộm cắp, rồi thành một cái xác không hồn.”

“Nào có phải họ thiếu phương tiện kiếm sống đâu,” ông luật sư bẻ lại. “Có rất nhiều việc mà họ có thể làm. Đồng ruộng lúc nào chẳng thiếu người làm. Họ hoàn toàn có thể sống lương thiện nếu họ muốn thế, nhưng họ lại lựa chọn con đường phạm tội.”

“Các ngài không thể rũ bỏ vấn đề như vậy được,” tôi nói. “Để tranh biện việc này, ta hãy cứ gác lại một bên trường hợp của những thương binh, người đã mất chân cụt tay khi phục vụ triều đình và tổ quốc, chiến đấu tại quê hương hoặc hải ngoại – ví dụ như trong trận dẹp nội loạn¹¹ hoặc cuộc chiến với nước Pháp¹² vừa rồi chẳng hạn. Khi một thương binh như vậy trở về nhà, anh ta rơi vào tình cảnh tàn phế không thể làm nghề cũ của mình, hoặc là đã quá già để kịp bắt đầu tập một nghề mới. Nhưng như tôi đã nói, ta hãy gác trường hợp này sang một bên, bởi dù sao thì chiến tranh cũng là một hiện tượng nhất thời. Ta hãy cùng xét những trường hợp thường nhật cái đã.

“Vậy thì, trước tiên hãy xem đám quí tộc, là những người chỉ biết sống ăn bám trên lao động của người khác, hoặc chính xác hơn là lao động của tá điền, và luôn bóc lột họ đến tận xương tuỷ bằng cách liên tục tăng mức tô phải nộp. Đó là cách duy nhất để họ kiếm tiền chi

tiêu cho cuộc sống xa xỉ của mình. Nhưng xa xỉ một mình chưa đủ, họ còn tập hợp một lũ thực khách lâu la cũng chỉ biết lười biếng ăn chơi như mình, lũ người không bao giờ được dạy dỗ làm một nghề gì thực sự để kiếm sống. Khi chủ qua đời, hoặc bản thân ngã bệnh, bọn thực khách này lập tức bị sa thải, vì những quan thầy quý tộc chỉ có cảm tình với lười nhác chứ không ưa gì bệnh tật, hoặc giả con cháu thừa tự của họ không còn đủ tiền bạc để nuôi không những bấy thực khách đông đúc như thế nữa. Một thực khách bị sa thải như vậy sẽ hoặc là rơi vào tình cảnh đói khát tàn bạo, hoặc sẽ phải tàn bạo để khỏi đói khát. Vì anh ta làm gì có lựa chọn nào khác? Tất nhiên, anh ta có thể lang thang cho đến lúc thân tàn ma dại, và trong cảnh ấy sẽ chẳng tìm được một quý tộc nào muốn cưu mang mình. Và cũng chẳng có người trại chủ nào dám mướn anh ta, dám mong đợi một kẻ từ nhỏ đã chỉ biết sống trong nhung lụa, chỉ quen trưng diện và ngúng nguẩy, chỉ biết khinh rẻ mọi người, có thể chịu cày cuốc vất vả đổi lấy miếng ăn đạm bạc và đồng lương mạt hạng.”

“Nhưng đó lại chính là hạng người mà chúng ta cần nâng đỡ,” ông luật sư cự lại. “Khi có chiến tranh, họ chính là lực lượng nòng cốt của quân đội, đơn giản là vì họ có tinh thần và biết tự trọng hơn đám thương gia hoặc nông phu.”

“Ngài cũng có thể nói rằng,” tôi đáp, “chỉ vì muốn làm chiến tranh mà các ngài đã tạo ra nạn trộm cắp vậy. Khi nào mà xã hội còn có những kẻ ăn bám như thế thì còn có trộm cắp. Và tất nhiên là ý kiến của ngài rất chính xác: bọn trộm cắp có thể thành những người lính giỏi, và lính có thể trở thành những tay trộm cừ khôi nhất. Hai cái nghề ấy có rất nhiều đặc tính giống nhau. Tuy nhiên, vấn đề này không phải nước Anh mới có, mặc dù tình trạng của các ngài có vẻ khá nghiêm trọng. Đây quả thực là một nạn dịch của cả thiên hạ. Ví dụ như nước Pháp, họ cũng đang bị nạn trộm cắp hoành hành dữ dội. Ở đó, ngay trong thời bình, nếu có thể gọi là như thế, xã hội cũng nhan nhản bọn lính đánh thuê mà người ta tuyển về chỉ để thoả mãn nhu cầu lâu la của các dòng họ quý tộc. Ngài thấy đấy, các chuyên gia đã quyết định rằng vì quyền lợi an ninh quốc gia, họ phải có một đội quân thường trực hùng mạnh bao gồm toàn các cựu binh chuyên nghiệp. Và họ không tin vào lính mộ tân binh đến mức lúc nào cũng tìm cách gây hấn để có chiến tranh, cốt để cho đám lính chuyên nghiệp kia của họ có cơ hội cắt cổ người “cho khỏi chùn tay,” như Sallust¹³ tiên sinh đã viết rất hay như vậy.

“Vậy là nước Pháp đã phải cay đắng rút ra bài học về hiểm họa của việc nuôi dưỡng những kiều binh man dợ kia. Nhưng các xứ khác cũng chẳng thiếu những bài học như vậy. Hãy đọc lịch sử của La Mã, Carthage, Syria và nhiều quốc gia khác nữa. Đã biết bao nhiêu lần, các lực lượng quân đội thường trực kia đã tận dụng thời cơ để lật đổ chính vương triều đang thuê mình, tàn phá lãnh thổ và chính các thành bang mà họ có nhiệm vụ phải bảo vệ. Vì vậy mà việc thuê mướn họ là hoàn toàn không cần thiết. Rõ ràng, thực tế đã cho thấy là quân đội chuyên nghiệp của Pháp không phải lúc nào cũng đánh bại được lực lượng tân binh tuyển mộ trong thời chiến của các ngài. Tôi xin phép không dám nói thêm vì sợ có thể các ngài sẽ cho tôi là có ý phỉ bình chẳng.”

“Ngoài ra, không thể vơ đũa cả nắm rằng hai loại người mà ngài đã nhắc tới là đám thương gia ở thành phố và đám nông phu ở đồng quê đều sợ hãi bọn tùy tùng của quý tộc kia đến như vậy, trừ khi họ rơi vào cảnh lực bất tòng tâm hoặc tinh thần họ đã bị cảnh nghèo hèn kéo dài là suy sụp. Thực tế là đám tùy tùng thực khách nọ ban đầu đều rất cường tráng, vì chẳng có quý tộc nào thềm làm hỏng một kẻ kém cỏi, nhưng rồi họ đều dần trở thành bị thối trong cảnh ăn không ngồi rồi, hoặc chỉ làm nổi những việc mà bất kì một phụ nữ nào cũng có thể làm được. Cho nên sự thực là sẽ chẳng hại gì đến giá trị tu mi nam tử của đám tùy tùng thực khách này nếu họ được huấn luyện làm những việc có ích và sử dụng sức vóc của họ đáng mặt đàn ông. Nhưng trong hoàn cảnh nào đi nữa thì tôi cũng không thể chấp nhận việc lấy cớ bảo vệ công chúng để chuẩn bị chiến tranh bằng cách nuôi dưỡng một lực lượng luôn quấy rối hoà bình, trong khi hoà bình lại quan trọng hơn gấp bội phần, và chiến tranh chỉ là việc cùng bất đắc dĩ mới phải làm.

“Nhưng đó không phải là điều duy nhất khiến cho người ta phải trộm cắp. Còn có những yếu tố khác nữa, tôi nghĩ thế, đặc biệt chỉ có ở đất nước các ngài.”

“Xin hỏi đó là những gì?” Đức Hồng y lên tiếng.

“Là những con cừu, thưa ngài,” tôi đáp. “Những con vật hiền lành thường ăn rất ít này bây giờ đã trở thành một bọn ăn thịt người không biết no. Đồng ruộng, nhà cửa, thành thị, tất cả đều bị chúng nuốt chửng. Nôm na hơn, ở những nơi mà vương quốc các ngài đang sản xuất ra những thứ len lông cừu hảo hạng và đắt tiền nhất, các nhà quý tộc và trưởng giả, ấy là chưa kể đến những thầy tu thánh thiện, đã đang ngày càng không thoả mãn với những

thu nhập mà cha ông họ đã từng kiếm được từ điền sản của mình. Họ không còn bằng lòng với cuộc sống sung túc nhàn hạ vốn đã chẳng có ích gì cho xã hội của họ nữa, mà phải tích cực làm hại xã hội bằng cách khoanh hết đất đai họ có thể chiếm cứ được để biến chúng thành đồng cỏ, không còn để lại chút gì để canh tác nữa. Thậm chí họ còn triệt hạ cả nhà cửa và cả từng thị trấn nữa - tất nhiên là họ vẫn nhớ để lại các nhà thờ mà họ dùng để làm chuồng nhốt cừu. Hình như vẫn chưa bằng với việc đã phí phạm đất đai cho cả các khu săn bắn và nuôi dưỡng thú mồi của mình, những con người tử tế này đã đang phá huỷ mọi dấu vết cư trú của con người và biến từng mảnh ruộng một thành đất hoang.”

“Vậy điều gì sẽ xảy ra? Từng cá nhân tham lam ấy cứ thế nhào xuống mảnh đất quê hương của mình như một loài nấm độc lan nhanh nuốt chửng hết thửa ruộng này đến thửa ruộng khác, rồi bao bọc hàng ngàn hàng vạn mẫu đất trong một hàng rào duy nhất của mình. Kết quả là hàng trăm ngàn nông dân bị đuổi đi. Họ bị lừa phỉnh hoặc bị đe dọa để tự nguyện dâng nộp ruộng đất của mình, hoặc bị áp bức một cách có hệ thống cho tới khi bắt buộc phải bán xới tất cả để đi nơi khác. Cách nào đi nữa thì những con người khốn khổ ấy cũng phải ra đi, đàn ông đàn bà, chồng, vợ, cô nhi và quả phụ, mẹ trẻ con thơ, đàn đàn lũ lũ cùng với những người vẫn làm công cho họ mà số lượng đông đảo của đám này không hề phản ánh mức độ khá giả của họ chỉ đơn thuần cho thấy một thực trạng là họ không thể cày cấy chăm bón ruộng đất mà không có thật nhiều nhân lực. Họ phải rời bỏ quê hương thân thuộc của mình và không thể tìm thấy nơi nào để làm lại cuộc đời. Họ phải bán xới hết đồ đạc, nhưng cho dù có cố đợi đến lúc đó có người chịu trả giá xứng đáng thì cũng chẳng được là bao. Mà họ lại không thể nấn ná như vậy được, nên đành phải bán rẻ được đồng nào hay đồng nấy để rồi còn phải ra đi. Lang thang cho đến khi đã ăn hết chỗ tiền ít ỏi đó, thử hỏi họ còn có thể làm gì ngoài trộm cắp, để rồi phải lên đoạn đầu đài? Vâng thì họ có thể thà làm kẻ vô gia cư và đi ăn xin, nhưng rồi cũng sẽ vì vậy mà bị bắt bỏ ngục vì tội lang thang lêu lổng nếu nếu không có ai chịu thuê mướn họ vào việc gì. Bởi họ bình sinh chỉ thạo nghề nông trại, mà nông trại đâu có con nũa để có ai cần đến họ làm gì. Quả thực, mỗi vùng đồng cỏ thả cừu hoặc bò chỉ cần một người chăn, trong khi muốn trồng ngô cũng trên một vùng ấy thì phải có rất nhiều người làm.”

“Chính vì thế mà giá ngô ở nhiều nơi tăng lên rất cao. Giá len cũng tăng vọt đến mức nhiều nhà làm nghề dệt đan không thể mua được nguyên liệu cho mình, có nghĩa là lại thêm

rất nhiều người bị mất việc làm. Nguyên nhân của tình trạng này một phần là do nạn dịch giết chết một số lớn đàn cừu ngay sau khi người ta bắt đầu biến đồng ruộng thành đồng cỏ. Hình như đã có một sự trừng phạt nào đó giáng xuống tôi tham lam của bọn địa chủ - chỉ tội là đáng nhẽ chính bọn tham lam này phải chịu bệnh dịch ấy chứ không phải bầy cừu.”

“Mà cho dù có nhiều cừu đến mấy thì giá cả cũng chẳng giảm, bởi lẽ thị trường đã thành ra, nếu như không phải là độc quyền - tức chỉ là có một người bán, thì cũng là hội quyền. Nghĩa là thị trường cừu đã hoàn toàn bị kiểm soát bởi một hội cự phú chỉ có vài người với nhau, và họ chỉ bán ra khi thấy cần thiết và được giá. Việc này cũng làm cho giá cả các gia súc khác tăng lên, nhất là trong tình hình ngày càng hiếm người chăn nuôi do thiếu đất nông trại cũng như sự suy thoái chung của nông nghiệp. Bởi vì bọn cự phú mà tôi vừa nói đến không hề chăn nuôi cừu hoặc các gia súc khác theo đúng nghĩa của việc này. Họ chỉ bỏ tiền ra mua rẻ những đàn gia súc gầy còm của người khác, vỗ béo chúng trong những đồng cỏ riêng của mình, rồi bán lại lấy lãi. Tôi cho rằng người ta vẫn chưa thấy hết được hậu quả của tình hình này. Cho đến nay, họ mới chỉ làm giá cả gia tăng ở những vùng họ bán ra, nhưng nếu họ cứ tiếp tục chuyển gia súc từ vùng này qua vùng kia nhanh chóng hơn tốc độ sinh sôi của chúng, thì ngay những vùng chăn nuôi con giống kia cũng sẽ đến lúc cạn kiệt và dẫn đến tình trạng khan hiếm ở khắp nơi.”

“Và thế là một số ít người tham lam đã biến những thuận lợi tự nhiên lớn lao của nước Anh thành một thảm họa của cả dân tộc ấy. Bởi lẽ thức ăn đắt đỏ sẽ buộc người ta phải giảm bớt nhiều người làm công, cũng có nghĩa là biến họ thành ăn mày hoặc trộm cướp. Mà con người ta thì càng có chí tiến thủ bao nhiêu lại càng dễ thành trộm cướp bấy nhiêu.”

“Tệ hơn nữa, cảnh nghèo khổ càng khốn nạn thì thói xa hoa lại càng thêm thêm đáng điểm. Từ giai nhân, thương gia, cho đến cả tá điền, và thực tế là mọi tầng lớp của xã hội, ai cũng say mê đua đòi ăn ngon mặc đẹp. Và thử nghĩ xem đã có bao nhiêu nhà thổ mọc lên, kể cả những nhà thổ trá hình làm nhà nghỉ, khách sạn và trà đình tửu điểm. Rồi thì những trò chơi giải trí vô luân như xóc đĩa, tổ tôm, bài lá, bóng quần, bóng ném... tất thấy chẳng qua chỉ là những phương cách tiêu xài phung phí và đem con người ta vào thẳng con đường tởm lỏi và trộm cướp.”

“Hãy xóa bỏ hết những thói chơi bơi tệ hại ấy. Hãy ra một luật lệ bắt tất cả những ai đã triệt hạ một nông trại hoặc một thị trấn phải tự mình xây lại nó hoặc trao lại đất đai ấy cho người nào muốn làm việc đó. Hãy ngăn cấm bọn cự phú không để chúng lũng đoạn thị trường và thiết lập những độc quyền của chúng. Hãy giảm bớt số người bị hoàn cảnh buộc phải thất nghiệp. Hãy khôi phục nông nghiệp và ngành sản xuất len sao cho có thật nhiều việc làm chính đáng để thu hút tối đa lao động chưa được sử dụng – trong đó có cả những người còn đang phải trộm cắp, những người đang phải lang thang vô gia cư có nguy cơ trở thành trộm cắp. Cho đến lúc làm được những việc đó, các ngài không có quyền khoe những biện pháp trừng trị trộm cắp của mình, bởi lẽ thứ luật pháp ấy chỉ ra oai ở cái tên mà hoàn toàn vô dụng và có hại cho xã hội. Các ngài để mặc người ta phải lớn lên trong khổ đau và bị tha hoá một cách có hệ thống kể từ lúc mới ra đời, cho đến lúc người ta phải phạm những tội lỗi theo đúng số phận của mình thì các ngài lại trừng phạt người ta. Nói thẳng ra, các ngài tạo ra trộm cắp rồi lại trừng phạt chúng!”

Rất lâu trước khi tôi ngừng lời, vị luật sư kia có vẻ nóng lòng muốn phản bác. Ông ta rõ ràng là một người mà phương pháp tranh luận chỉ lặp đi lặp lại những gì đối phương đã nói chứ không phải dùng lí lẽ để đáp lại chúng, cứ như thể chỉ cần có trí nhớ tốt là đủ.

“Thật là một nỗ lực phi thường,” ông ta lên tiếng, “nhất là của một người ngoại quốc chỉ có thể có những thông tin thứ cấp và do vậy thiếu chính xác mà tôi sẽ chứng minh ngắn gọn ngay đây. Tôi sẽ bắt đầu bằng cách nhắc lại tất cả những điểm mà ngài đã nêu lên. Sau đó tôi sẽ cho thấy ngài sai lầm ở chỗ nào do không hiểu hết tình hình của đối phương. Và cuối cùng tôi sẽ phản bác tất cả các luận điểm của ngài. Theo trình tự đó, tôi nghĩ rằng ngài đã nêu ra bốn...”

“Hãy gượng đã,” Đức Hồng y bỗng ngắt lời. “Sau những lời mở đầu như vậy thì nhất định là đáp từ của ông sẽ không ngắn gọn như ông nói đâu. Tôi đề nghị hãy dừng ở đây đã, và ông nên giữ những ý kiến nóng hổi ấy cho buổi họp mặt sau. Và nếu cả hai vị đều có thì giờ thì ta có thể gặp lại nhau vào ngày mai cũng được chứ nhỉ? Con bây giờ, thưa Raphael tiên sinh, tôi rất muốn được biết tạo sao ông phản đối án tử hình đối với tội trộm cắp, và theo ông thì hình phạt gì sẽ có tác dụng và ích lợi hơn cho xã hội. Bởi có lẽ bản thân ông, tôi tin vậy, cũng thấy rằng cần phải ngăn chặn nạn trộm cắp. Nếu nó vẫn nhon nhon tiếp diễn mặc dù đã có tội tử hình, thì sức mạnh nào trên thế gian này có thể ngăn chặn nổi nó, biện pháp

rắn đe nào có thể có tác dụng nếu lòng sợ chết đã bị loại trừ? Chẳng nhẽ mỗi sự giảm án chẳng phải là một khuyến khích phạm tội sao?”

“Thưa đức ông,” tôi nói, “tôi cho rằng lấy mạng sống của một con người chỉ vì người đó lấy trộm tiền là không công bằng. Theo tôi, không có một tài sản nào có thể quý giá bằng mạng người. Nếu biện hộ rằng hình phạt ấy không phải vì tội trộm tiền, mà vì tội vi phạm pháp luật, thì chẳng phải chính quan điểm luật pháp tuyệt đối ấy cũng là tuyệt đối phi pháp hay sao? Không ai có thể chấp nhận một chế độ độc tài đến mức chỉ một bất tuân nhỏ nhất cũng bị trừng phạt bằng cái chết, hoặc một bộ luật dựa trên nghịch lý của triết học khắc kỷ rằng mọi vi phạm đều như nhau – nghĩa là không có gì khác về mặt luật pháp giữa tội trộm cắp và tội giết người, mặc dù hai tội đó thực sự hoàn toàn khác nhau.”

“Thượng đế đã dạy “Không được giết người” - chẳng lẽ việc lấy trộm một số tiền cũng đủ khiến cho chúng ta làm việc đó? Nếu lại nói rằng Thượng đế chỉ cần giết người phi pháp, nghĩa là ta có thể giết nhau một cách hợp pháp, thì nhân loại nhất định sẽ thông đồng với nhau để hợp pháp hoá cả những tội hãm hiếp, dâm loạn, hoặc man trá vậy. Nếu biết rằng Thượng đế đã cấm cả những hành động tự tử, liệu ta có thực sự tin rằng con người có quyền tự thu xếp để điều khiển việc giết lẫn nhau và dảm miễn tội cho cả những tay đao phủ khỏi ràng buộc bởi lời răn thứ Sáu¹⁴ của Thượng đế? Chẳng phải như vậy cũng có nghĩa là lời dạy của Thượng đế chỉ có giá trị khi được luật pháp của con người cho phép hay sao? Mà nếu thế thì nguyên tắc này sẽ được phát triển đến vô hạn, cho tới khi trong mọi phương diện của cuộc sống con người đều tự quyết sẽ nên tuân thủ những lời dạy của Thượng đế đến mức độ nào thì có lợi cho mình hơn cả.

“ Theo luật pháp của Moses, vốn đã rất khắc nghiệt về đủ mọi mặt vì nó được xây dựng để cai trị nô lệ và những kẻ làm loạn thời bấy giờ, bọn trộm cắp không bị xử绞, mà chỉ bị phạt mà thôi. Chúng ta khó lòng tự cho mình được phép khắc nghiệt hơn tiền nhân, và hơn nữa luật pháp muôn đời vẫn phải biểu hiện lòng nhân từ của Đức Chúa Cha đối với con cháu của Ngài.”

“Đó là những ý kiến phản biện của tôi dựa trên căn bản đạo đức. Còn trong thực tiễn, rõ ràng là việc trừng phạt tội trộm cắp và tội giết người hệt như nhau không những là thậm vô lý mà còn rất nguy hiểm cho xã hội. Nếu một tên trộm biết rằng bị buộc tội giết người thì

cũng hết như bị buộc tội trộm cắp, hẳn sẽ tự nhiên muốn giết luôn nạn nhân. Có bị bắt thì tội hẳn cũng vẫn thế, mà lại có khả năng thoát tội nhiều hơn vì nhân chứng đã bị thủ tiêu rồi. Cho nên càng muốn khùng bố bọn trộm cắp, chúng ta lại vô hình chung khích lệ bọn chúng giết người vô tội nhiều hơn.”

“Bây giờ đến câu hỏi hình phạt nào tốt hơn?” Nếu Đức ông hỏi tôi “Hình phạt nào sẽ là tồi tệ hơn” thì mới khó, chứ trả lời câu hỏi này không khó. Về vấn đề này, tại sao chúng ta lại nghi ngại không áp dụng hệ thống mà những nhà cai trị La Mã đại tài đã thi hành rất hữu hiệu trong một giai đoạn lịch sử lâu dài như thế? Chúng ta đều biết rằng họ kết án những người phạm trọng tội phải chung thân làm việc trong những mỏ khoáng chất hoặc mỏ đá.”

“Tuy nhiên, cách hay nhất mà tôi từng biết khi chu du qua đất Persia là cách làm ở một xứ sở có tên gọi là Tallstoria¹⁵. Người Tallstoria sống tụ hội với nhau thành một cộng đồng lớn rất có tổ chức và hoàn tự trị. họ chỉ phải triều cống cho quốc vương Persia. Vì ở xa biển và hoàn toàn bị núi non bao bọc, họ chỉ sống bằng sản phẩm từ mảnh đất rất phì nhiêu của chính mình và rất ít quan hệ với người ngoại quốc. Họ không bao giờ có ý muốn bành trướng lãnh thổ, vốn đã được an toàn nhờ núi non hiểm trở bao quanh và quan hệ triều cống với quốc vương Persia. Điều đó có nghĩa là họ không cần đến quân đội, và có thể sống sung túc mà không cần phải xa hoa, hạnh phúc mà không cần đến danh tiếng hoặc vinh quang. Tôi tin rằng ngoài một vài láng giềng ở ngay kề, thiên hạ chẳng ai biết đến họ hết.”

“Vậy là ở Tallstoria, kẻ phạm tội trộm cắp sẽ phải trả lại hết những gì mà họ đã lấy của thân chủ, chứ không phải nộp cho nhà vua như ở hầu hết các nước khác. Ở Tallstoria, nhà vua và tên trộm đều chẳng có quyền gì đối với tài sản của mọi người. Nếu những món đồ ăn trộm đã bị tiêu tán, tên trộm sẽ phải đền bù bằng tài sản của chính mình cho đủ giá trị tương xứng. Phần tài sản còn lại của hắn sẽ được giao cho vợ con hắn. Còn bản thân hắn thì bị kết án khổ sai. Nếu không trộm cướp bằng vũ lực, hắn sẽ không bị ngồi tù hoặc đeo gông, mà được hoàn toàn tự do và phải làm việc công ích. Nếu hắn vứt bỏ dụng cụ hoặc chậm chạp trong công việc, họ sẽ không làm cho hắn chậm chạp hơn bằng cách bắt hắn đeo xiềng, mà dùng roi quất cho hắn phải nhanh nhẹn hơn. Nếu làm việc chăm chỉ, hắn sẽ không bị đối xử tàn tệ. Hắn vẫn phải điểm danh hàng sáng, phải nhốt qua đêm và phải làm việc nhiều hàng ngày, nhưng ngoài ra hắn hoàn toàn được sinh hoạt bình thường như những người khác.”

“Chẳng hạn, vấn đề thức ăn được thu xếp rất hợp lý, do công quỹ chi trả, vì tội đồ đều phải làm việc công ích cả. Thủ tục gây quỹ để nuôi tội đồ thì mỗi nơi mỗi khác. Có nơi thì dân chúng tự nguyện đóng góp. Nghe thì khó tin nhưng thực tế là dân chúng ở những nơi ấy rất phúc hậu và tiền góp cho công quỹ của họ là hơn các nơi khác rất nhiều. Có nhiều nơi lại có ngân sách riêng hoặc đặt ra một khoản thuế riêng để làm việc này. Lại có những nơi tội đồ không phải làm việc công ích mà được điều đi làm thuê cho các cơ sở tư nhân. Ai cần người làm thì việc ra chợ lựa chọn và có quyền trả công thấp hơn là thuê nhân công tự do. Chủ thuê cũng có quyền roi vọt tội đồ nếu họ không chịu làm việc chăm chỉ. Chế độ này đảm bảo tội đồ nào cũng có việc làm để tự nuôi lấy miệng mình và đóng góp cho công quỹ hàng ngày.”

“Tất cả họ phải mặc đồng phục có màu đặc biệt mà không ai khác được mặc. Họ không bị cạo trọc đầu, nhưng tóc phải cắt ngắn trên tai, và một bên tai thì bị xéo đi một mẩu nhỏ. Bạn bè được phép cho họ đồ ăn thức uống và cả quần áo bình thường, nhưng nếu cho họ tiền thì thành trọng tội, và họ nhận tiền cũng là trọng tội. Cũng như vậy, người tự do không được nhận tiền của nô lệ - tội đồ thường được gọi là nô lệ - dưới bất kì lí do gì; và nô lệ không được động chạm đến bất kì một thứ vũ khí gì.”

“Nô lệ nào cũng phải đeo phù hiệu để mọi người đều biết anh ta là người thuộc quận nào, và anh ta sẽ bị khép trọng tội nếu không đeo phù hiệu, dám đi sang quận khác, hoặc dám nói chuyện với một nô lệ thuộc quận khác. Chạy trốn thì ngay âm mưu cũng đã khó chứ đừng nói đến chuyện thực hiện. Hình phạt dành cho việc giúp nô lệ bỏ trốn là tử hình đối với nô lệ và nô lệ đối với người tự do – trong khi đó nếu tố giác được một âm mưu chạy trốn thì người tự do sẽ được thưởng tiền còn nô lệ thì sẽ được tự do. Người tố giác ấy đã kịp thời ngăn chặn được âm mưu chứ không phải tố giác một chuyện đã rồi.”

“Đó, chế độ ấy nó như vậy, và rõ ràng là một chế độ nhân đạo và tiện ích nhất. Nó thẳng tay với tội ác, nhưng cứu chuộc mạng sống của tội nhân, xử với họ theo một phương cách khiến họ buộc phải trở thành công dân tốt và dành cả quãng đời còn lại của mình để chuộc lại những lỗi lầm trong quá khứ.”

“Thực tế là nguy cơ để họ lại ngựa quen đường cũ ít đến mức người ta còn sử dụng họ làm hướng đạo cho du khách, những người sẽ thuê họ theo chặng, vào quận nào thì thuê nô

lệ của quận ấy. Các ngài cũng thấy rằng nô lệ không có phương tiện gì để cướp bóc ai trên đường cả. Họ không được phép mang vũ khí. Nếu họ bị phát hiện có tiền trong người, đó là đủ để họ bị khép trọng tội, và sẽ lập tức trừng trị. Nhất cử nhất động của họ đều khó lòng lọt khỏi mắt mọi người vì họ buộc phải mang đồng phục tội đồ, và cho dù họ có liều cải trang hoặc thậm chí khoả thân đi nữa thì mẩu tai bị cắt xén của họ sẽ tố giác họ ngay.”

“Tất nhiên, về lý thuyết người ta vẫn có thể ngại rằng họ có thể đồng mưu lật đổ chính phủ. Nhưng nô lệ bị quản thúc chặt trong từng quận làm sao có thể tổ chức một hành động lớn nếu không liên lạc và phát động nô lệ ở các quận khác? Mà việc đó thì hoàn toàn không thể được. Nô lệ bị cấm ngặt không được gặp gỡ và trò chuyện với nhau, thậm chí một câu chào cũng không được, nói gì đến việc gian nhân hiệp đảng với nhau. Hơn nữa, thử tưởng tượng xem liệu có ai muốn dung túng việc nô lệ của quận mình âm mưu với nhau một khi nguy hiểm tày trời mà nếu tố giác thì lợi lộc vô kể đến vậy? Mặt khác, nô lệ nào cũng có chút hy vọng được trả tự do nếu cứ chấp hành nghiêm chỉnh mọi mệnh lệnh và chứng tỏ rằng mình đã hoàn toàn phục thiện. Và sự thực là năm nào cũng có một số nô lệ được phóng thích và trở lại thành người tự do vì đã cải tạo tốt.” Sau đó tôi nói thêm rằng tôi chẳng thấy có lí do gì để nước Anh không thử áp dụng chế độ ấy. Nó sẽ có kết quả tốt hơn nhiều so với cái được gọi là “công lý” mà vị luật sư nọ đã hết lời ca ngợi.

Đến đó thì anh bạn thông thái của chúng ta – nghĩa là vị luật sư - liền lắc đầu quầy quậy.

“Một chế độ như thế,” ông ta tuyên bố với một nụ cười khinh thị, “nếu đem áp dụng ở nước Anh nhất định sẽ gây ra những nguy hiểm nghiêm trọng.”

Đó là tất cả những gì ông ta nói - thế mà tất cả mọi người ở đó đều đồng tình với ông ta.

Đến lượt Đức Hồng Y lên tiếng.

“Ta thấy cũng khó nói chắc được,” ông nói, “là chế độ ấy có tác dụng hay không, nếu không thử nghiệm nó trong thực tế. Cứ giả dụ là đức Vua ra lệnh hoãn thi hành án tử hình trong thời gian thử nghiệm, sau khi đã cho bãi bỏ tất cả các quyền tị nạn. Nếu thấy có kết quả tốt, chúng ta sẽ phê chuẩn cách làm đó thành luật. Còn nếu không, ta lại cho thi hành các án như cũ như không có việc gì đã xảy ra, vẫn đảm bảo công lý và công ích như ta vẫn tin tưởng, mà cũng chẳng sợ bị tai hại gì nghiêm trọng. Mà quả thực, ta thấy có khi cũng nên

thử nghiệm việc này với cả đám vô gia cư. Chúng ta vẫn đặt ra luật này lệ kia với đám người này, mà cho đến nay vẫn chẳng thấy có chút tác dụng gì.”

Một câu nói ấy của Đức Hồng y cũng đủ làm cho mọi người cuồng nhiệt tán tụng chính cái ý tưởng mà khi tôi nêu ra họ đã hoàn toàn phớt lờ không thèm để ý. Đặc biệt, họ rất tâm đắc với ý đồ muốn thử nghiệm với đám vô gia cư vì đó là một ý kiến đóng góp riêng của Đức Hồng y.

Có lẽ tôi không cần phải thuật lại phần sau của cuộc trao đổi vì thực sự nó chẳng có gì hệ trọng. Nhưng tôi lại nghĩ không nên thế, vì nó hoàn toàn vô hại mà lại là một ý nghĩa liên đới nhất định với vấn đề đang được đề cập tới. Chả là, có một thực khách chuyên nghiệp¹⁶ trong số những người có mặt hôm đó và ông ta muốn giả bộ ngốc nghếch để làm trò, nhưng thực tế lại nhập vai quá thuần thực, Ông ta luôn cố pha trò, nhưng chỉ khiến mọi người thấy buồn cười cho chính ông ta. Ấy thế nhưng đôi lúc ông ta cũng nảy được vài ý khiến ta phải nhớ đến câu tục ngữ “Có công mài sắt có ngày nên kim”. Vậy là, vừa lúc đó có người nhận xét rằng Đức Hồng y và tôi đã cùng nhau giải quyết được vấn đề đối với bọn trộm cướp và đám vô gia cư, và nhà nước chỉ còn phải tìm cách giải quyết nốt vấn đề của đám già nua bệnh tật phải ăn xin để kiếm sống mà thôi, thì ông ta liền lên tiếng.

“Cứ để tôi lo việc đó,” ông ta nói. “Để tôi nói cho các ngài nghe cần phải làm gì. Quả thực, tôi rất nóng lòng muốn khuất mắt trông coi bọn người này. Tôi đã đến khổ vì những lời xin tiền như hát hay của họ - một lối hát chưa bao giờ nhử được một xu nào ra khỏi túi của tôi. Chẳng là thế này: hoặc là tôi chẳng muốn cho họ một tí gì, hoặc là muốn mà cũng chẳng có gì để mà cho. Đến nỗi giờ thì họ đã chẳng thèm mất công xin tôi nữa. Thấy tôi đi qua thì họ cứ để mặc cho tôi đi qua chứ không thèm hé răng đến nửa lời. Họ biết rằng tôi cũng chỉ đáng như một thầy tu, cũng chỉ giúp họ được đến thế. Vậy thì, tôi xin đề nghị một đạo luật bắt buộc đưa tất tật đám ăn xin ấy vào các chủng viện dòng Benedictine, đàn ông sẽ thành các đồng đạo - nghĩa là thành thầy tu, còn đàn bà thì thành nữ tu ráo.”

Đức Hồng y mỉm cười, rồi bốn cột đồng tình. Và thế là tất cả mọi người khác cũng đồng tình theo, với vẻ hoàn toàn nghiêm chỉnh. Chỉ trừ một thầy tu có vẻ đã từng nghiên cứu thần học. Vẫn thường nghiêm cẩn như tất cả các vị tu sỹ có học, ấy thế mà khi thấy mọi người trêu chọc giới tu hành như thế, thầy tu này cũng bắt đầu muốn tỏ ra khôi hài.

“Á à, nhưng quý vị không thể thủ tiêu ăn mày dễ như thế được đâu,” ông ta nói. “Quý vị sẽ làm gì với bọn tu hành khát thực như chúng tôi?”

“Cái gì? Tôi tưởng việc đó đã giải quyết xong rồi chứ?” Ông thực khách chuyên nghiệp đốp lại. “Quý vị không nhớ Đức Hồng y đây của chúng ta đã có những qui định sáng láng về việc quản lí và sử dụng bọn lang thang vào những việc có ích hay sao?”

Mọi người đều liếc mắt về phía Đức Hồng y, và khi thấy ngài không để lộ một dấu hiệu bất bình nào thì liền vỗ tay tán thưởng ầm ĩ - chỉ trừ ông thầy tu. Ông này, mà cũng chẳng có gì ngạc nhiên, mất hết bình tĩnh khi bị một gáo nước giễu cợt lạnh đến thế dội vào đầu, bỗng hung hăng hấn lên, và réo chửi ông thực khách chuyên nghiệp kia bằng đủ thứ tên thô tục nhất, kết thúc bằng những lời rửa sả khủng khiếp trích từ Kinh Thánh.

Đến lúc ấy thì anh hề thực khách kia lộ nguyên hình là một anh hề thực sự.

“Ông bạn tu sỹ thân mến,” hấn lên tiếng, “ông không nên nổi giận như thế. Chẳng phải Kinh Thánh có nói rằng “hãy gìn giữ linh hồn người trong nhẫn nại đó sao.”

“Hỡi tên khốn khiếp kia!” Ông thầy tu hét lên – và đó chính là những lời mà ông ta đã dùng. “Ta không nổi giận đâu. Mà nếu ta có thế nữa thì ta hoàn toàn có quyền nổi giận, bởi Kinh Thánh cũng nói rằng “Hãy nổi giận, nhưng chớ phạm tội”, phải , đó chính là một câu trong sách Thi Thiên vậy!”

Đức Hồng y nhẹ nhàng khuyên ông thầy tu nên giữ bình tĩnh.

“Bình tĩnh ư thưa Đức ông?” Ông ta đáp. “Tôi vẫn hoàn toàn bình tĩnh. Chỉ có lòng nhiệt tâm công chính của tôi đang bắt tôi phải nói lên những lời như vậy, một tấm lòng nhiệt tâm công chính đã từng làm nên các vị thánh vậy, thưa Đức ông. Cho nên sách Thi Thiên mới viết: “Lửa nhiệt tâm của nhà người đã thiêu đốt ta”, hoặc như lời của bài tụng mà chúng ta vẫn hát trước thánh đường rằng “Kẻ giễu cợt Elisha sẽ bị lời rửa xả nhiệt tâm của chính Elisha trừng trị”. Và tôi dám nói rằng tên ngốc bần thủ miệng lưỡi độc ác kia cũng sẽ bị trừng trị như thế.”

“Ta tin rằng tình cảm của người là hoàn toàn chính đáng,” Đức Hồng y nói, “nhưng có lẽ hành vi của người sẽ thánh thiện hơn, hoặc chắc hẳn là sẽ khôn ngoan hơn nhiều, nếu như

người biết kiềm chế và không biến mình thành một thằng ngốc vì đã tranh khôn tranh dại với một thằng ngốc.”

“Thưa Đức ông không phải thế,” ông thầy tu bẻ lại, “chẳng có khôn ngoan gì hơn đâu, bởi còn có ai khôn ngoan hơn Solomon? mà Solomon đã nói, “Hãy đối đáp với kẻ ngu ngốc theo trình độ của chính nó” – đó chính là điều tôi đang làm vậy. Tôi đang cho nó thấy cái vực thẳm không đáy mà nó sẽ phải rơi xuống nếu không biết tỉnh ngộ. Trong chuyện của Elisha, có những bốn mươi hai kẻ xúm vào giễu cợt một người hói đầu, thế mà tấm lòng nhiệt tâm của ông ta đã đủ sức trừng trị tất cả bọn đó. Vậy con người kia sẽ còn bị trừng phạt đến thế nào khi dám làm một tên duy nhất dám giễu cợt toàn bộ giới tu hành Cơ Đốc Giáo mà phần lớn đều hói đầu! Hơn nữa, chúng tôi còn có cả một đạo luật của Giáo Hoàng nghiêm cấm rõ ràng bằng giấy trắng mực đen rằng kẻ nào dám giễu cợt chúng tôi sẽ phải bị rút phép thông công nữa kia.”

Thấy sự việc có thể sẽ lắng xuống mãi mà không đi đến đâu, Đức Hồng y ra hiệu cho ông thực khách chuyên nghiệp nọ phải rút lui, rồi khôn khéo lái sang chủ đề khác. Mấy phút sau, Đức Hồng y đứng dậy và cho chúng tôi rút lui vì ngài còn tiếp chuyện một số người khác đã có hẹn với ngài.

Ôi chao, ông bạn More thân mến, tôi thật có lỗi đã bắt ông phải nghe tôi dài dòng như vậy. Cũng chỉ vì ông đã thực bụng muốn nghe, và đã lắng nghe tôi chăm chú đến mức tôi không dám bỏ sót điều gì. Dù sao thì cuộc đối thoại ấy cũng đáng được nhắc lại, dù chỉ đại để, để ông thấy được phần nào cách suy nghĩ của họ. Và ông thấy đấy, tất cả những gì tôi nói ra đều bị người ta khinh thường hết, cho đến đã rõ ràng là Đức Hồng y không có ý phản đối thì lập tức người ta lại trở mặt hoan nghênh chúng nhiệt liệt. Để nịnh ông ấy, họ còn sẵn sàng hoan nghênh và nghiêm chỉnh chấp nhận cả những ý kiến vớ vẩn của một kẻ tùy tòng của ông, khi Đức ông vĩ đại mới chỉ ồm ờ tán thưởng những ý kiến ấy. Thế thì ông có thể đoán thấy ngay là họ sẽ nghe tôi hay tiếp nhận ý kiến của tôi ở chốn công đường như thế nào!

MORE: Thưa Raphael tiên sinh, tôi thích thú câu chuyện của tiên sinh đến từng lời. Có biết bao nhiêu tinh hoa trí tuệ ẩn chứa trong những lời nói ấy của tiên sinh. Hơn nữa, câu chuyện của tiên sinh đã đem tôi trở lại không phải chỉ là nước Anh, mà cả tuổi ấu thơ của tôi

nữa. Nó nhắc tôi nhớ lại biết bao kỷ niệm thú vị về Đức Hồng y, vì chính tôi đã được giáo dưỡng ngay trong gia đình Ngài. Ngay từ lúc mới gặp tôi đã rất có thiện cảm với tiên sinh, nhưng chắc tiên sinh không thể biết là tấm thiện tình ấy của tôi đối với tiên sinh đã gia tăng đến thế nào sau khi câu chuyện của tiên sinh đã khiến tôi bồi hồi nhớ tới Đức Hồng Y của tôi như vậy. Vậy mà tôi vẫn không thể gạt bỏ được mong muốn rằng giá như tiên sinh chỉ cần vượt qua sự khó chịu của tiên sinh đối với đời sống công đường để những lời châu ý ngọc của tiên sinh có thể giúp ích cho đời thì hay biết bao nhiêu. Có nghĩa là giá tiên sinh lấy đó làm trách nhiệm của mình, là nghĩa vụ của một chính nhân quân tử vậy. Tiên sinh cũng biết là thân hữu Plato của tiên sinh đã nói rằng chỉ khi nào những bậc hiền triết lên làm vua, hoặc người làm vua biết chịu khó học triết học, thì mới có được một xã hội an lành hạnh phúc. Vậy thời tiên sinh cũng thử nghĩ xem một xã hội như vậy sẽ còn xa với đến đâu nếu các đấng hiền nhân quân tử không chịu ban cho vua chúa một lời khuyên thực sự!

RAPHAEL: Chao ôi, các nhà hiền triết đâu có đến nổi thế. Họ còn luôn muốn khuyên bảo người khác nữa chứ. Sự thực là rất nhiều người đã viết cả những lời khuyên của họ thành sách. Giá như những người cầm quyền biết lắng nghe họ thì mọi việc đã khác rồi. Và điều mà Plato nói thật sự là như vậy. Ông ta nhận ra rằng vua chúa đã bị những tư tưởng sai lầm chi phối từ thuở ấu thơ đến độ không thể làm theo bất kỳ một lời khuyên minh triết nào, trừ phi họ phải tự mình trở thành minh triết. Plato đã rút ra bài học ấy từ kinh nghiệm của chính mình với Dionysius¹⁷. Ông thử nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra nếu tôi lên tiếng khuyên bảo một ông vua phải ban hành những luật lệ hợp lý, hoặc phải cố gắng loại bỏ những tư tưởng xấu sẽ sinh ra các luật lệ chết người khỏi tâm trí của ông ta? Tôi sẽ lập tức bị tổng khứ khỏi triều đình hoặc trở thành đối tượng chê cười của mọi người mà thôi.

Lấy ví dụ nhé, thử tưởng tượng tôi đang ở nước Pháp, và đang dự một cuộc họp cơ mật của nội các. Chính nhà vua đang ngồi chủ tọa, và xung quanh bàn tất cả các cận thần xuất sắc nhất của ngài, đều đang chăm chú bàn thảo đường lối và phương tiện để giải quyết các vấn đề sau: Làm thế nào để Bệ hạ kiểm soát được chặt thành Milan, và bắt thành Naples phải quỳ lại phục tùng mình? Làm thế nào để Bệ hạ chinh phục được Venice và hoàn tất việc hàng phục nước Ý? Sau đó làm thế nào để ngài thiết lập được quyền kiểm soát các xứ Flanders, Brabant, và cuối cùng là toàn bộ cùng Burgundy? Đây là chưa kể tất cả các nước khác mà Bệ hạ đã từng chinh phục được trong các giấc mơ của ngài.

Một vị đề xuất nên có một hiệp ước với người Venice và chừng nào Bệ hạ còn cảm thấy thoải mái với nó thì nó còn có hiệu lực. Bệ hạ nên làm cho họ tin mình, thậm chí thả cho họ một chút chiến lợi phẩm. Sau này khi đã được cả rồi thì Bệ hạ lấy lại chẳng khó khăn gì. Vị thứ hai khuyến cáo nên sử dụng lính đánh thuê người Đức. Và vị thứ ba thì muốn Bệ hạ hối lộ bọn Thuỵ Sĩ. Vị thứ tư khuyên Bệ hạ nên làm thân với Vương quốc La Mã Thần Thánh bằng cách hy sinh một ít vàng làm quà tặng. Vị thứ năm nghĩ Bệ hạ nên cải thiện quan hệ với vua của xứ Aragon và tỏ thiện chí hoà bình của mình bằng cách trả đất Navarre – là vùng đất thật ra cũng chẳng phải của Bệ hạ. Trong khi đó, vị thứ sáu đề xuất nên dụ cho Hoàng Thân xứ Castile vào phe với nước Pháp bằng một liên minh qua hôn nhân, và nên bí mật trả lương cho một số triều thần của Hoàng Thân để mua lấy sự ủng hộ của bọn họ.

Và bây giờ thì đến vấn đề hóc búa nhất- với nước Anh thì Bệ hạ phải làm gì đây? Rõ ràng, bước đầu tiên là phải thu xếp, tổ chức một hội nghị hoà bình để ký được một hiệp ước liên minh tuyệt đối không có ý nghĩa gì hết. Nói cách khác, phải gọi họ là bạn nhưng xem họ là thù. Và như vậy thì phải làm sao giữ bọn Scotland luôn luôn sẵn sàng trực chiến, nếu người Anh định động thủ là phai cất quan đánh vào nước Anh ngay khi có lệnh của Bệ hạ. Và cũng nên bí mật nuôi dưỡng và hứa hẹn ngai vàng cho một số quý tộc Anh lưu vong vốn có tham vọng ấy – vì không thể làm việc này công khai trong hiệp ước. Có vậy Bệ hạ mới kiểm soát được nhà vua Anh mà Bệ hạ vẫn coi là hoàn toàn bất tín.

Đến lúc ấy, trong khi tất cả mọi lực lượng đang được sắp xếp và tất cả những vị hiền nhân quân tử nọ đang đưa ra kế hoạch và những chiến dịch trái ngược nhau, thì chàng Raphael bé nhỏ của các bạn đứng dậy và lên tiếng đề nghị một chính sách hoàn toàn ngược lại. Tôi khuyên nhà vua hãy quên nước Ý và nên ở nhà. Tôi nói rằng nước Pháp đã quá rộng lớn để Bệ hạ có thể cai trị một cách đàng hoàng, cho nên Bệ hạ thực sự không nên lo mở rộng thêm bờ cõi làm gì.

Sau đó tôi nhắc đến một sự kiện trong lịch sử xứ Nolandia¹⁸, một vương quốc giáp giới với Utopia về phía đông nam. Dựa vào mối quan hệ hôn nhân từ ngày xưa, Vua Nolandia tin rằng mình phải được thừa kế một vương quốc khác, và thế là người ta phát động một cuộc chiến để chiếm vùng đất ấy cho nhà vua. Cuối cùng thì họ cũng thắng trận, chỉ để nhận ra rằng vương quốc ấy quả thực chiếm được đã khó nhưng giữ nó còn khó hơn. Nội loạn và ngoại xâm luôn là mối đe dọa thường trực. Họ phải liên tục đánh nhau để đàn áp hoặc bảo

vệ những thần dân mới của họ. Họ không có cơ hội nào để giải giáp quân đội, và đất nước họ biến thành một nơi hoang phế. Quê hương họ bị chảy máu tiền bạc ra hải ngoại, và con dân họ phải chết để phục vụ cho tham vọng vật vãnh của người khác. Tình hình trong nước ngày càng bất ổn, đạo đức suy đồi, giết người cướp của ngày càng tăng. Dân chúng không còn tôn trọng luật pháp nữa, vì nhà vua bị chi phối bởi hai vương quốc và không thể tập trung cai trị tử tế được một nơi nào.

Khi đã thấy rằng tình trạng vô vọng ấy không thể để kéo dài mãi, người dân Nolandia bèn quyết định phải hành động, và họ lên tiếng hỏi nhà vua của mình bằng một lời lẽ rất phải phép rằng “Bệ hạ muốn giữ vương quốc nào?”

“Bệ hạ không thể giữ cả hai”, họ nói toạc ra như vậy, “bởi vì chúng tôi đông lắm và không thể cai trị bằng một nửa ông vua được. Tại sao ư, vì ngay cả nếu chúng tôi là một bầy lừa thì việc chăn dắt chúng tôi cũng đã là một công việc đòi hỏi toàn bộ thời gian của nhà vua rồi.”

Và thế là vị vua gương mẫu nọ đành phải trao cái vương quốc mới chiếm được kia cho một người bạn của mình. Nhưng ông vua này chẳng mấy chốc cũng bị đánh đuổi về cố quốc và phải bằng lòng với lãnh thổ cũ của mình thôi.

Tôi cũng nhắc nhở vua nước Pháp rằng ngay cả nếu ông ta có phát động hết mọi cuộc chiến tranh ấy và tạo nên tình trạng hỗn loạn ở tất cả những mảnh đất ấy như ý muốn, nhất định cuối cùng ông ta cũng thấy rằng mình đã tự huỷ hoại mình và huỷ hoại thần dân mình một cách vô ích mà thôi. Cho nên tôi khuyên ông ta hãy tập trung vào mảnh đất mà cha ông đã trao lại cho ông ta, và hãy làm cho nó giàu đẹp bằng hết sức của mình, hãy yêu mến thần dân của mình và xứng đáng với tình yêu của họ, hãy sống với họ và cai trị họ với tấm lòng từ ái, và từ bỏ mọi ý đồ bành trướng lãnh thổ, bởi lẽ những cái ông ta có đã quá đủ rồi.

Đấy, ông bạn More thân mến của tôi, ông thử nghĩ xem nhà vua sẽ phản ứng thế nào với lời khuyên ấy của tôi?

MORE: Chắc hẳn là không được hoan nghênh lắm, phải công nhận thế.

RAPHAEL: Bây giờ ta lại hình dung một hoàn cảnh khác nhé. Giả dụ như các cận thần tài chính của nhà vua đang thảo luận xem làm thế nào để gia tăng vốn liếng của ngài lên. Một người gợi ý nên tăng giá đồng tiền khi bệ hạ phải chi trả, và đánh hạ giá nó một cách bất

thường khi mọi người khác phải thanh toán tiền cho bệ hạ. Như thế thì tăng được thu và giảm được chi cho bệ hạ. Người thứ hai khuyên nhà vua nên giả đồ phát động chiến tranh. Bệ hạ sẽ có cớ để đánh thêm nhiều thứ thuế. Rồi lúc nào thích thì bệ hạ lại trình trọng tuyên bố hoà bình trong tư thế của một đấng minh quân luôn hết sức tránh cho quần thần và dân chúng phải đổ máu. Người thứ ba nhắc đến một thứ luật cũ rích đã bị mối xông từ lâu và cũng đã lỗi thời từ lâu đến nỗi bây giờ mọi người ai cũng đang vi phạm nó cả mà không hề biết, rồi khuyên nhà vua nên tiến hành phạt tiền cho những vi phạm này. Việc này rất có lợi cho nhà vua về phương diện tài chính lẫn đạo đức, vì chiến dịch phạt tiền này sẽ tiến hành dưới chiêu bài công lý. Người thứ tư khuyên nhà vua ban hành một đạo luật cho phép phạt rất nặng một số vi phạm nào đấy, nhất là những hành vi lập dị khác đời. Sau đó thì bệ hạ lại có thể bán một thứ quyền miễn trừ đối với đạo luật này cho những ai vẫn muốn sống theo ý riêng của họ. Việc này vừa đảm bảo uy tín và danh tiếng của bệ hạ nói chung, lại vừa tạo cho bệ hạ một nguồn thu nhập kép – vì bệ hạ vừa có tiền phạt của những kẻ rơi vào bẫy của đạo luật này, vừa có tiền thu được do bán quyền miễn trừ cho những ai không rơi vào bẫy đó. Và tất nhiên là giá bán những quyền miễn trừ này sẽ có tỉ lệ tương xứng với phẩm chất đạo đức của nhà vua. Nguyên tắc đạo đức của bệ hạ càng cao thì Người càng không muốn để ai có những hành vi khác đời phản xã hội, và do vậy mà quyền miễn trừ sẽ phải được bán với giá rất cao.

Người thứ năm khuyến cáo phải làm sao sai khiến được các quan toà để họ phải nhớ luôn luôn nghị án theo ý của nhà vua. Bệ hạ cũng nên vời họ vào hoàng cung và tham vấn họ về quan điểm luật pháp của chính mình. Quan điểm của bệ hạ có thể rõ ràng là hoàn toàn sai, nhưng thế nào cũng có một vị thẩm phán tìm ra được một kẽ hở trong luật pháp để lật ngược công lý. Mà dù bệ hạ muốn làm việc ấy vì lý do gì đi nữa- hoặc chỉ vì thích ngông ngạo ngược đời, ghét những cái đã hiển nhiên, hoặc đơn thuần chỉ là một ý muốn được cảm thấy mình muốn làm gì thì làm - kết quả sẽ cũng như nhau mà thôi. Chẳng mấy chốc, vấn đề sẽ được các thẩm phán nhìn nhận mỗi người một khác, và trường hợp rõ ràng hiển nhiên ấy sẽ trở thành rắc rối phức tạp, rồi ngay cả những dữ kiện rạch ròi nhất cũng bị nghi ngờ. Tình hình ấy sẽ cho bệ hạ 1 cơ hội tuyệt vời để diễn giải luật pháp theo hướng có lợi cho riêng mình. Vì sợ hãi hoặc vì muốn giữ lễ với bệ hạ, tất cả mọi người sẽ thuận theo hướng đó, và cuối cùng thì quan chánh án sẽ tuyên đúng như vậy. Mà thật ra thì thiếu gì cách biện hộ cho

1 bản án có lợi cho ngai vàng. Nào là viện đến lẽ công bằng, đến câu chữ trong luật, đến những ý nghĩ lạ đời của chính những câu chữ đó, và nếu cùng đường thì sẽ viện đến những nguyên tắc có sức nặng hơn bất kỳ luật định nào trong thiên hạ - đó là “đặc quyền không ai chối cãi được của nhà vua”.

Tất cả đều nhất trí với giáo điều của Crassus¹⁹ rằng ta không bao giờ có đủ tiền nếu ta phải duy trì một lực lượng quân đội. Và thiên hạ cũng nhất trí rằng nhà vua không thể sai lầm trong bất cứ chuyện gì, mà cho dù Người có muốn phạm sai lầm cũng chẳng được, bởi lẽ cái gì mà chẳng phải là của nhà vua, kể cả từng mạng người trong vương quốc, và cũng làm gì có tài sản cá nhân, trừ phi nhà vua rũ lòng nhân từ chưa nở lấy của ai. Nhà vua phải luôn hạn chế những tài sản cá nhân này ở mức tối thiểu, vì sự an khang của Người phụ thuộc vào việc ngăn không cho thần dân của mình có quá nhiều của cải hoặc tự do. Giàu có và tự do sẽ khiến cho dân chúng có tinh thần phản kháng lại những điều bất công và áp bức, còn nghèo đói và khốn khổ sẽ khiến họ ù lì nhẫn nhục và bóp nghẹt tinh thần chống đối cao thượng của họ.

Đến lúc ấy, tôi đứng dậy và lên tiếng rằng tất những việc đó đều là vô luân và đại dột đối với một nhà vua, bởi lẽ uy tín và ngai vàng của vua có vững chắc hay không là nhờ vào sự thịnh vượng của muôn dân chứ không phải vào kho báu của triều đình.

“Hãy nghĩ lại xem tại sao dân chúng lại đưa bệ hạ lên ngai vàng cái đã”, tôi nói. “Không phải là vì quyền lợi của bệ hạ đâu, mà là vì quyền lợi của chính họ. Họ muốn bệ hạ cố gắng sức lực để làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, và bảo vệ họ khỏi những điều bất công ngang trái cho nên công việc của bệ hạ là làm sao cho muôn dân được sung sướng chứ không phải là bản thân bệ hạ được sung sướng. Cũng hệt như công việc của người chăn chiên là chăm bẵm đàn chiên chứ đâu phải là chăm bẵm chính bản thân mình. Còn cái lý thuyết cho rằng dân có nghèo thì nước mới yên là hoàn toàn phản thực tế. Thử xem có bộ phận dân chúng nào bất an và lung củng như đám cùng đinh? Ai sẽ sẵn sàng làm cách mạng bằng những kẻ đang bất mãn với cuộc sống của chính mình? Ai có thể hăng hái lật nhào mọi thứ để tìm lợi ích cho bản thân bằng những kẻ chẳng còn gì để mất?”

“Không đâu, nếu 1 ông vua bị thần dân oán ghét và khinh bỉ đến mức độ chỉ có thể cai trị thông qua bần cùng hoá bằng võ lực, áp chế và tịch biên gia sản, thì tốt nhất là ông vua ấy

hãy thoái vị ngay đi. Cách cai trị ấy chỉ duy trì được cái danh hão của ngai vàng, nhưng huỷ hoại mọi oai phong thực chất của một đấng quân vương vậy. Có oai gì khi cai trị 1 lũ ăn mày? Dân có giàu có thịnh vượng thì vua mới oai phong. Đó chính là điều mà nhân vật Fabrisius²⁰ đáng khâm phục muốn nói khi ông ta tuyên bố rằng thà cai trị những người giàu có còn hơn làm bạn với họ. Hiển nhiên là 1 kẻ mãi mê sống xa hoa trong khi mọi người khác rên xiết quanh mình thì không thể được gọi là vua - hẳn chỉ đáng được gọi là 1 tên cai tù mà thôi.

“Tóm lại, bác sĩ dốt thì chữa được bệnh này lại gây ra bệnh khác, còn vua mà cai trị bằng hạn chế, cấm đoán, và bần cùng hoá thì không đáng làm vua của những người tự do. Hẳn nên tự hạn chế, cấm đoán những thói hư tật xấu của bản thân trước đã – lòng ngạo mạn hoặc tính lười biếng chẳng hạn, vì đây là những khuyết tật dễ làm cho ông vua bị oán ghét nhất. Hẳn nên sống bằng nguồn sống riêng của mình và đừng quấy nhiễu người khác. Hẳn phải biết liệu cơm gắp mắm trong chi tiêu. Hẳn phải biết ngăn chặn tội ác bằng cách cai trị lành mạnh chứ không phải nuôi dưỡng tội ác rồi lại trừng trị chúng. Hẳn đừng nên ban hành luật lệ gì đã bị bỏ đi rồi và không còn tác dụng gì nữa. Và hẳn chớ bao giờ gây ra 1 tội ác để lấy có phạt tiền người ta - chẳng có 1 người lương thiện nào có thể cho phép mình làm như vậy.”

Sau đó tôi kể cho họ nghe về 1 chế độ đang thịnh hành tại Happiland²¹, một nước không xa Utopia là mấy. Ở đó, khi tuyên thệ đăng quang, nhà vua phải thề sẽ không bao giờ có hơn 1000 lượng vàng hoặc bạc trong ngân khố. Chế độ này được 1 vị vua rất anh minh của họ đặt ra, là 1 người chỉ biết chăm lo cho sự thịnh vượng của dân chúng. Ông này tin rằng hạn chế của cải của triều đình đến mức ấy sẽ không làm nghèo dân chúng, và chọn con số 1000 lượng vàng là vì ông biết rằng như vậy là đủ để trấn áp 1 cuộc bạo loạn hoặc đẩy lui một cuộc ngoại xâm, nhưng không đủ để nhà vua sinh lòng muốn đi chinh phạt ở hải ngoại. Đó chỉ là một trong rất nhiều những ý tưởng hay của ông ta. Ông ta cũng hy vọng rằng luật định ấy sẽ bảo đảm luôn có đủ tiền lưu thông vì những mục đích trao đổi, và nhà vua sẽ không có lý do để gây quỹ một cách bất chính bởi vì ông ta cũng không thể có nhiều tiền hơn số lượng quy định ấy. Vậy là ở đó ta sẽ thấy 1 kiểu vua mà người xấu phải sợ và tốt phải yêu. Nhưng nếu tôi nói những chuyện này với những bọn người khăng khăng với những quan điểm đối địch của họ thì ông nghĩ họ có chịu nghe tôi không chứ?

MORE: Lẽ dĩ nhiên là họ sẽ không nghe, mà tôi cũng chẳng dám trách họ. Mà quả thực là nói những chuyện như thế, hoặc khuyên những điều mà mình biết là chẳng ai chịu nghe thì chỉ vô ích mà thôi. Làm sao có ích được kia chứ? Làm sao có thể mong họ chấp nhận 1 đường lối tư tưởng hoàn toàn xa lạ và trái ngược với xác tín sâu sắc của họ? Lối nói kiểu ấy có thể là rất hay trong cuộc trò chuyện bạn bè, nhưng ở 1 cuộc họp nội các, nơi phải quyết định những chính sách quan trọng, thì kiểu triết lí ấy hoàn toàn lạc lõng.

RAPHAEL: Đó chính là điều mà tôi muốn nói - sự minh triết không có chỗ ở chốn công đường.

MORE: Mà nó cũng chẳng có chỗ cho trí tuệ mà họ vốn chỉ biết nghĩ sao nói vậy bất luận trong hoàn cảnh nào. Nhưng cũng có một hình thức minh triết khác thuần hoá hơn, biết rõ hoàn cảnh, có ý thức nhập cuộc và biết thủ một vai trò thích hợp trong màn diễn hiện tại. Đó là thứ minh triết mà tiên sinh nên theo. Nếu không thì chẳng khác gì đang trong một màn hài kịch toàn những nô lệ ba lẳng nhăng tự nhiên lại có một nhà hiền triết nhảy vào lên tiếng về những điều đại loại như những lời của Seneca khuyên nhủ Nero phải sống như một đấng minh quân chứ không nên làm bạo chúa vậy. Hiển nhiên là ta thà im lặng còn hơn là sắm vai nhảm vở kiểu râu ông nọ cắm cằm bà kia như thế. Bởi vì nếu như cả vai diễn bi hài ấy của ta có làm cho màn kịch ấy xôm trò được một lúc thì nó cũng vẫn lạc lõng và chắc chắn sẽ làm hỏng hết cả buổi diễn. Không nên thế. Hãy cố hết sức để đóng góp cho vở kịch được thành công. Chớ nên làm hỏng nó chỉ vì ta tình cờ nhớ đến 1 vở khác mà ta ưa thích hơn vậy.

Cái quy luật ấy đúng cho cả chính trị và chốn công đường. Nếu ta không thể xoá bỏ hết những tư tưởng sai trái, hoặc không thể giải quyết những tệ nạn mãn tính một cách hữu hiệu như mong muốn, thì đó vẫn không phải là lí do chính đáng để ta treo ấn từ quan. Ta không nên bỏ mặc con tàu của mình trong bão tố chỉ vì không thể hô mưa gọi gió theo ý mình. Mặt khác, cũng không nên cố truyền bá những tư tưởng mới lạ hiển nhiên sẽ chẳng có chút thuyết phục nào đối với những người vốn đã có nhiều thành kiến chống lại chúng. Ta phải tìm cách tác động một cách gián tiếp. ta phải đối nhân xử thế hết sức tế nhị, và cái gì mà ta không thể chấn chỉnh được thì cố hạn chế tối đa những tác hại của nó mà thôi. Bởi lẽ đã nhân vô thập toàn thì sao có thể mong muốn sự hoàn thiện được. Và biết đến khi nào con người chúng ta mới có thể được hoàn thiện!

RAPHAEL: Có lẽ ưu điểm duy nhất của phương pháp ấy là tôi sẽ không hoàn toàn phát điên khi gắng sức chữa trị chứng loạn óc của người khác mà thôi. Nhưng nếu cho phép tôi nói thật, thì tôi sẽ đành nói những điều mà bạn nhất định sẽ phản đối đấy. Tôi không biết liệu một con người minh triết có được phép nói dối hay chẳng, nhưng tôi thì chắc chắn là không. Hơn nữa cho dù những điều tôi nói có thể làm họ khó chịu, nhưng chẳng có lí do gì để họ có thể coi đó là những điều bất thường đến mức độ khủng khiếp như thế. Nào tôi đã dám khuyên họ phải áp dụng những chế độ như trong nhà nước cộng hoà tưởng tượng của Plato, hoặc như của nước Utopia bây giờ đâu. Nhưng chế độ ấy, trong khi rõ ràng là tốt đẹp hơn những chế độ của chúng ta, còn có thể làm họ thấy lạ lùng hơn nữa bởi chúng đều dựa trên công hữu chứ không phải tư hữu.

Tất nhiên là họ sẽ không thích các đề nghị của tôi rồi. Sau khi đã dấn đuổi vào một dự án nào đó, hiển nhiên là họ rất ghét ai chỉ cho họ thấy những hiểm hoạ trước mắt và bảo họ hãy từ bỏ tất cả những cái đó đi. Nhưng ngoài chuyện ấy ra, có cái gì trong những điều tôi nói là không thể hoặc không nên đâu kia chứ? Nếu chúng ta không bao giờ nên nói bất kỳ điều gì có thể bị coi là bất thường vì sợ sẽ trở thành lỗ bịch, thì tốt hơn cả là hãy tim thin thít, đừng nhắc lại cả những lời dạy của đấng Christ nữa, ngay cả khi đang ở giữa một nước Cơ Đốc Giáo. Mà đó chính là điều mà Ngài ghét nhất Chẳng phải Ngài đã bảo các Tông Đồ rằng những điều mà Ngài thì thầm vào tai họ sẽ phải được lớn tiếng rao giảng từ trên nóc nhà²² đó sao? Và hầu hết những lời dạy của Ngài còn trái với lệ thường hơn bất kỳ những điều gì mà tôi đề nghị, chỉ có điều là những tư tưởng ấy của Ngài đã được những nhà giảng đạo biến báo đi một cách thiên tài – mà chắc là ông bạn More đây cũng có dự phần vào việc đó!

“Ta sẽ không bao giờ biết được con người hành xử theo giáo lí Cơ Đốc”, chắc là những nhà giảng đạo ấy đã bảo nhau thế, “cho nên ta hãy tìm cách làm cho giáo lí Cơ Đốc thích ứng với cách hành xử của con người vậy. Như vậy thì chí ít cũng còn có 1 liên hệ nào đó giữa hai bên”.

Nhưng tôi không thấy có tí ích lợi gì trong việc làm ấy của họ. Họ chỉ khiến cho người ta có khả năng phạm tội với 1 lương tâm thanh thản – và đó là tất cả những gì mà tôi có thể làm tại một cuộc họp nội các. Bởi lẽ tôi chỉ có thể hoặc là bỏ phiếu trống, tức là ngang với

việc không bỏ phiếu, hoặc là bỏ phiếu thuận, tức là trở thành đồng loã và a dua với 1 lũ mất trí vậy.

Còn về cái mà bạn nói là tác động một cách gián tiếp, và khi sự việc không thể chấn chỉnh được thì phải có giải pháp tể nhị để hạn chế tối đa tác hại của tình hình, quả thật tôi không hiểu như vậy là thế nào. Tại công đường, đã không thể giữ chính kiến của mình thì chỉ còn cách để mặc cho mọi người làm theo ý họ, cũng như là đồng loã mà thôi. Mà còn phải công khai ủng hộ những chính sách xấu xa, và phải chấp thuận cả những nghị quyết ma quỷ nhất. Nếu không tỏ rõ thái độ nhiệt tình ủng hộ những thứ đó, bạn sẽ bị coi là gián điệp hoặc thậm chí là một tên phản quốc. Bên cạnh đó, với một đám đồng sự như thế thì liệu bạn có cơ hội gì để làm được việc thiện cơ chứ! Bạn sẽ không bao giờ cải tạo được họ - mà họ thì hoàn toàn có khả năng tha hoá con người bạn, cho dù phẩm chất của bạn có tốt đẹp đến mấy chăng nữa. Đã cùng hội cùng thuyền với họ, bạn sẽ hoặc là mất hết nhân cách của mình, hoặc là sẽ dùng nhân cách ấy ra để che đậy cho những hành vi điên cuồng xấu xa của họ mà thôi. Đấy, kết quả của cái phương pháp tác động gián tiếp ấy của bạn là như vậy đấy!

Plato đại nhân có một hình ảnh rất hay có thể lí giải tại sao một con người có lí trí và tình cảm nên tránh xa khỏi chính trường. Ông ta thấy mọi người đều đổ xô ra đường giữa lúc trời mưa và ai cũng ướt như chuột lột. Ông ta không thể thuyết phục họ trở vào nhà để được khô ráo. Ông ta biết nếu mình ra theo họ thì mình cũng bị ướt như vậy. Và thế là ông ta cứ ở trong nhà, và, vì không thể làm gì được trước sự điên rồ của mọi người, ông ta bèn tự an ủi mình rằng “Dù sao thì ta cũng không điên rồ như họ.”

Dù sao, cũng phải nói chân tình với ông bạn More thân mến đây rằng bản thân tôi cũng chẳng thấy có phương cách gì để có thể có được công lí và thịnh vượng đích thực một khi vẫn còn có tư hữu, và mọi thứ đều được đánh giá bằng tiền, trừ phi ta chấp nhận coi việc kẻ xấu ác nhất lại được sung sướng nhất là công bằng, hoặc chấp nhận coi 1 quốc gia là thịnh vượng trong khi chỉ có 1 nhóm người chiếm hữu hết của cải tài sản của cả nước – mà vẫn chẳng thấy sung sướng, còn tất cả mọi người khác đều vẫn khổ nhọc như thường.

Sự thực là khi tôi nghĩ đến những cách thu xếp công bằng và hợp lí ở Utopia, nơi mà mọi việc đều chạy hiệu quả đến thế mà với ít luật lệ đến thế, còn việc công nhận giá trị cá nhân thì gắn chặt với sự thịnh vượng chung của toàn xã hội – khi tôi so sánh Utopia với vô

số các nước tư bản vẫn luôn không ngừng ban hành luật lệ mới mà không bao giờ có qui củ thực sự, nơi mỗi ngày người ta thông qua hàng tá những luật lệ mà vẫn không đủ để đảm bảo cho người dân hoặc kiểm được, hoặc giữ được, hoặc định dạng được một cách an toàn cái gọi là tài sản tư hữu của mình - hoặc như việc tại sao những vụ kiện cáo lại liên miên không dứt như thế? – khi tôi xem xét tất cả những cái đó, tôi cảm thấy thông cảm hơn nhiều với Plato đại nhân, và không còn thấy ngạc nhiên khi đại nhân từ chối xây dựng luật pháp cho một thành bang²³ không chịu chấp nhận các nguyên tắc bình đẳng. Hiển nhiên là với một trí tuệ thâm hậu như của Plato đại nhân, điều kiện thiết yếu nhất của một xã hội lành mạnh là việc phân phối công bằng mọi của cải của xã hội ấy - điều mà tôi cho là không thể có được trong chế độ tư bản. Bởi lẽ khi ai cũng có quyền thả sức kiếm lợi cho bản thân thì tất cả tài sản của xã hội, cho dù có dồi dào đến mấy đi nữa, cũng sẽ rơi vào tay một thiểu số nhỏ bé, có nghĩa là những người khác sẽ chẳng có gì cả. Và tài sản sẽ có khuynh hướng biến đổi theo tỉ lệ nghịch với nhân phẩm. Người giàu sẽ trở thành những nhân vật tham lam, liều lĩnh và hoàn toàn vô dụng, còn người nghèo sẽ là những người khiêm nhường và giản dị có những công việc thường ngày mang lại lợi ích cho cộng đồng nhiều hơn là cho chính bản thân họ.

Nói cách khác, tôi hoàn toàn tin rằng sẽ không bao giờ có phân phối xã hội công bằng hoặc một cách tổ chức đời sống nhân sinh thoả đáng nếu không xoá bỏ hoàn toàn tư hữu. Khi nào còn tồn tại tư hữu thì đại đa số nhân loại, và là đại đa số ưu tú, sẽ còn phải lằm than dưới gánh nặng nghèo đói và lo âu. Tôi không nói rằng không thể giảm nhẹ gánh nặng đó, nhưng sẽ không bao giờ cất hẳn nó đi được. Tất nhiên là ta có thể hạn chế số tiền và đất đai của từng cá nhân. Ta cũng có thể dùng luật pháp để duy trì quân bình quyền lực giữa nhà vua và thần dân. Ta cũng có thể dùng luật pháp để ngăn chặn việc mua bán quan tước hoặc thậm chí việc xin xỏ một chức phận chính quyền, và khiến cho quan chức nhà nước không cần phải tiêu gì đến tiền của mình nữa – nếu không họ sẽ tìm cách bù lại bằng cách biển thủ hoặc ăn hối lộ, và thế là đồng tiền chứ không phải tài năng sẽ trở thành tiêu chuẩn cho các chức vụ chính quyền. Những luật pháp như vậy chắc sẽ giảm nhẹ được các hội chứng, cũng hết như một người tàn phế kinh niên có thể thấy dễ chịu khi liên tục uống thuốc vậy. Nhưng không thể có hy vọng bình phục một khi tư hữu vẫn còn đó. Cố ngăn chặn một căn bệnh phát ra ở chỗ này trong cơ thể chính trị thì những triệu chứng ấy lại bùng lên ở chỗ khác mà

thôi. Cái có thể là thuốc tiên cho người này thì lại là độc dược cho người khác – bởi vì lúc nào thì ta cũng chỉ có thể giết gấu và vai mà thôi²⁴.

MORE: Tôi không đồng ý. Tôi không tin là ta có thể có được một sức sống hợp lý dưới chế độ mà tất cả tài sản là của chung. Lúc nào cũng sẽ có những thiếu thốn này nọ, vì chẳng ai còn làm việc hết sức mình. Không có động cơ lợi nhuận thì ai cũng sẽ lười biếng, và đều dựa dẫm vào người khác trong công việc. Thế rồi khi mọi thứ đều khan hiếm thì kết quả tất yếu là người ta sẽ làm loạn và giết lẫn nhau, bởi vì không ai có một biện pháp hợp lệ nào để bảo vệ thành quả lao động của chính mình – nhất là khi xã hội không còn có tinh thần tôn trọng chính quyền, hoặc giả là tôi vẫn chưa thấy có cách nào để xã hội phi giai cấp có thể có được cái đó.

RAPHAEL: Bạn có quan điểm như vậy chẳng qua là vì bạn vẫn chưa thể hình dung ra một xã hội như thế sẽ ra làm sao, hoặc là chưa thể hình dung chính xác được. Nhưng nếu bạn được ở cùng với tôi ở Utopia và tận mắt chứng kiến mọi chuyện như tôi – tôi đã sống ở đó hơn năm năm, bạn biết đấy, và lí do duy nhất mà tôi trở về là vì muốn kể cho mọi người biết về thế giới mới mẻ ấy – thì chắc bạn sẽ là người đầu tiên công nhận rằng chưa có một nước nào được tổ chức hay đến thế.

PETER: Tôi phải mạo muội nói rằng tôi thấy rất khó tin vào chuyện Tân Thế Giới được tổ chức tốt hơn là Cựu Thế Giới này của chúng ta. Tôi nghĩ chúng ta cũng thông minh như họ, mà nền văn minh của chúng ta lại lâu đời hơn. Vì thế mà chúng ta có nhiều thành quả của kinh nghiệm hơn, có nghĩa là tất cả những phương án và nỗ lực mà chúng ta từng thử nghiệm nhằm làm cho cuộc sống tốt đẹp và dễ chịu hơn - ấy là chưa nói đến những phát kiến ngẫu nhiên hoàn toàn không phải do dự định mà có.

RAPHAEL: Có lẽ bạn sẽ đủ điều kiện đánh giá về tuổi tác của nền văn minh ấy nếu bạn được đọc các sách lịch sử của họ. Nếu tin vào những sách ấy thì Tân Thế Giới đã có những thành bang phát đạt từ lúc Cựu Thế Giới này của chúng ta còn chưa có con người. Còn về những cái mà bạn nói liên quan đến trí thông minh và những phát kiến ngẫu nhiên, tôi thấy ta chẳng có lí do gì để giả định rằng chỉ có chúng ta mới có những yếu tố ấy. Chúng ta có thể thông minh hơn hoặc không thông minh bằng họ, nhưng tôi dám chắc một điều là họ hơn hẳn chúng ta về khả năng học tập trung và sức làm việc. Theo những ghi nhận của họ thì

trước khi chúng ta đến đó, họ chưa hề có quan hệ gì với thế giới của chúng ta mà họ gọi là khu vực Liên Xích Đạo, chỉ trừ một trường hợp duy nhất, cách đây đã 1200 năm, khi một con tàu bị bão đánh dạt và bờ biển Utopia. Một vài người sống sót đã bơi được lên bờ, trong đó có cả người La Mã và người Ai Cập, và họ đã định cư tại đó mãi mãi.

Chuyện ấy cho ta thấy phần nào về khả năng tận dụng cơ hội của họ. Này nhé, thông qua những người La Mã ấy, họ học được tất cả những kĩ thuật hữu dụng của đế quốc La Mã, hoặc nhờ những người này dạy lại, hoặc chỉ cần nghe kể rồi tự họ sáng kiến ra. Họ đã có được tất cả những kĩ thuật đó chỉ nhờ một lần tiếp xúc với thế giới của chúng ta. Nhưng thử tưởng tượng nếu cũng vì một tai nạn tương tự mà có một người Utopia đến được với chúng ta ở đây, có lẽ chúng ta sẽ nhanh chóng quên anh ta ngay, cũng hết như người ta nhanh chóng quên rằng tôi đã từng ở đó. Chỉ cần có một lần tiếp xúc mà họ đã lập tức tìm hiểu và chấp nhận mọi tư tưởng tốt đẹp nhất của Châu Âu. Nhưng tôi nghĩ chắc gì chúng ta sẽ khẩn trương học hỏi và chấp nhận bất kì một lẽ lối nào của họ vốn dĩ đều ưu việt hơn cách làm ăn sinh sống của chúng ta. Và đó là lí do chính để tôi tin rằng mặc dù có thể không thông minh gì hơn và cũng chẳng có tài nguyên thiên nhiên gì hơn chúng ta, họ vẫn là những người đi trước chúng ta về mặt chính trị và kinh tế.

MORE: Nếu vậy, thưa Raphael tiên sinh, xin tiên sinh hãy vì cái thiện mà chịu khó kể cho chúng tôi nghe thêm về đảo quốc ấy. Tiên sinh không cần phải quá chính xác, hãy cứ cho chúng tôi một câu chuyện chi tiết về mọi mặt địa lý, xã hội, chính trị, luật pháp – nghĩa là hãy kể cho chúng tôi tất cả những gì mà tiên sinh nghĩ là chúng tôi nên biết, nghĩa là tất cả những gì mà chúng tôi còn chưa biết vậy thưa tiên sinh.

RAPHAEL: Tôi xin rất vui lòng được làm việc đó, bởi tất cả vẫn còn nóng hổi trong kí ức của tôi đây. Nhưng câu chuyện sẽ dài đấy các bạn ạ.

MORE: Không sao cả, thưa tiên sinh. Xin hãy cùng dùng bữa trưa với chúng tôi ngay bây giờ, rồi chúng ta sẽ có cả buổi chiều nay để nghe câu chuyện của tiên sinh.

RAPHAEL: Xin lĩnh ý.

Thế là chúng tôi cùng vào nhà và ăn bữa trưa. Sau bữa ăn, chúng tôi trở lại chỗ cũ, ngồi lại trên chiếc ghế băng có trải nệm cỏ và bảo đảm gia nhân không được cho ai quấy rầy. Rồi

cả Peter Gilles và tôi lên tiếng xin Raphael tiên sinh cho nghe chuyện. Thấy chúng tôi thực lòng, tiên sinh bèn để một lúc để sắp xếp câu chuyện trong đầu, rồi bắt đầu kể như sau.

QUYỂN HAI

RAPHAEL: Ta bắt đầu nhé. Hòn đảo ấy rộng nhất ở khoảng giữa, chừng hai trăm dặm từ bờ này sang bờ kia. Những chỗ khác cũng chẳng đẹp hơn là bao, chỉ trừ hai đầu là thu hẹp dần và lượn vòng như thể vẽ bằng com-pa, đến nỗi toàn bộ đảo thành ra như một vòng tròn có đường kính khoảng năm trăm dặm vậy. Đúng hơn là hãy tưởng tượng nó như một hình lưỡi liềm rất cong có hai mồm chóp chỉ cách nhau bởi một eo biển rộng xấp xỉ mười dặm. Biển tràn vào trong lòng đảo qua eo này, làm thành một vùng hồ menh mông ở giữa đảo. Được bao bọc khắp xung quanh, nước hồ lúc nào cũng êm ả. Vậy là cái vịnh yên tĩnh ngay giữa lòng đảo ấy trở thành một hải cảng lớn rất thuận tiện, thuyền bè có thể dong buồm ngang dọc trên đó theo đủ mọi hướng.

Vùng eo biển hẹp thì lại rất hiểm trở với những đồi cát và đá ngầm. Một hòn núi đá nhô cao hẳn lên mặt nước ở ngay giữa eo, và người ta xây một lâu đài trên đó, lúc nào cũng có lính canh, chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn. Không có hoa tiêu người Utopia thì tàu thuyền ngoại quốc không thể nào vào trong đảo. Dân địa phương qua lại eo biển phải thành thạo hệ thống cọc tiêu dẫn đường dựng ở trên bờ, và chỉ cần họ thay đổi vị trí hệ thống cọc tiêu ấy là những hạm đội thù địch sẽ bị nhử vào chỗ chết. Tất nhiên là còn có nhiều bến cảng dọc bờ biển của đảo nhưng chúng đều được phòng thủ rất kiên cố do địa hình thiên nhiên hoặc các pháo đài, và chỉ cần một nhóm người cũng có thể dễ dàng ngăn chặn một lực lượng xâm lăng lớn muốn đổ bộ lên đảo.

Người ta nói, mà cũng có thể quan sát thấy, rằng Utopia lúc đầu không phải là một hòn đảo mà là một bán đảo. Sau đó có người tên Utopos đến chinh phục bán đảo này rồi lấy tên mình đặt cho nó - trước đây nó được gọi là Sansculottia. Cũng chính Utopos đã cải tạo

những bộ lạc man rợ bản địa thành dân Utopia bây giờ - và có lẽ là dân tộc văn minh nhất thế giới hiện nay. Ngay khi kiểm soát được lãnh thổ này, Utopos lập tức cho đào một eo biển cắt ngang qua điểm nối bán đảo với đất liền. Không muốn dân bản xứ oán ghét mình, ông huy động toàn bộ quân đội cùng tham gia công trình này và hoàn tất nó rất nhanh chóng trước sự kinh hoàng và thán phục của tất cả mọi người.

Trên đảo có tất cả năm mươi tư thành bang sầm uất, đều có cùng ngôn ngữ, hệ thống luật pháp, phong tục tập quán, và các thiết chế xã hội. Tất cả đều được xây dựng theo cùng một quy hoạch, và nếu có cùng một địa hình thì chúng rất giống nhau. Khoảng cách tối thiểu giữa các thành bang là 24 dặm và tối đa không đến một ngày đường đi bộ.

Mỗi thành bang cử ba công dân lớn tuổi và nhiều kinh nghiệm đến dự cuộc họp hằng năm tại Không Thành¹ để bàn thảo những công việc chung trên đảo. Không Thành được coi là thủ đô, vì nó ở vị trí trung tâm đảo, thuận tiện để các thành bang khác về hội tụ. Đất đai được quy hoạch sao cho mỗi thành bang có lãnh thổ rộng ít nhất là 20 dặm theo mọi hướng, và nếu ở phía nào có khoảng cách đến thành bang khác vượt quá mức tối đa thì được kéo dài thêm. Chẳng có thành bang nào có ý định mở rộng lãnh thổ, vì họ không coi đất đai là tài sản, mà là đất phải canh tác.

Trong khắp các vùng nông thôn, người ta dựng nhà tại những địa điểm có khoảng cách đều nhau trong đó có đầy đủ nông cụ, và người dân thành phố thay phiên nhau về sống tại những ngôi nhà đó. Mỗi ngôi nhà có thể chứa ít nhất là bốn mươi người lớn và hai nô lệ được điều về đó thường xuyên, và được đặt dưới quyền quản lý của một cặp vợ chồng lớn tuổi, có sự giám sát của quận trưởng, là người phải chịu trách nhiệm về hoạt động của ba mươi người ngôi nhà trong khu vực của mình. Mỗi năm có hai mươi người trong một ngôi nhà như vậy được trở về thành phố sau khi đã làm việc đồng áng trong 2 năm liền, và có 20 người khác đến thay. Những người mới này học làm các công việc đồng áng từ những người đã làm việc ở đó được một năm và đã thành thạo hơn họ. Mười hai tháng sau, những người học việc này lại trở thành những người hướng dẫn, và cứ vậy tiếp diễn. Chế độ này giảm thiểu nguy cơ bị khan hiếm thực phẩm có thể xảy ra nếu toàn bộ dân cư nông nghiệp đều thiếu kinh nghiệm như nhau.

Hai năm là thời gian vừa phải cho công việc đồng áng, và không ai bị cưỡng bức làm lâu hơn thế. Những ai ưa thích đời sống thôn dã - mà cũng có nhiều người như vậy - thì có thể xin phép được ở lại lâu hơn. Những người làm nông nghiệp có trách nhiệm cày cấy ruộng đất, chăn nuôi gia súc, khai thác gỗ và chở chúng về thành phố bằng đường bộ hoặc đường thủy tùy theo tình hình. Họ nuôi rất nhiều gà bằng một phương pháp rất khác thường. Đáng lẽ phải dùng gà mái ấp trứng thì họ lại dùng nhiệt để ấp hàng tá trứng một lúc - kết quả là lứa gà nở ra lại coi người ấp nó như mẹ và cứ chạy theo người đó khắp nơi!

Họ chỉ có vài con ngựa, mà cũng không thuần hóa chúng hoàn toàn, chỉ dùng để tập cưỡi mà thôi. Cày bừa và kéo xe thì dùng bò. Phải công nhận là bò không thể đi nhanh hơn ngựa, nhưng người Utopia thì nói là chúng khỏe mạnh hơn và ít bệnh tật hơn. Nuôi bò thì cũng ít vấn đề hơn và đỡ tốn kém hơn, còn khi chúng không làm việc được thì lại mổ chúng lấy thịt.

Người ta chỉ dùng ngô để làm bánh vì không ai uống bia. Họ chỉ uống rượu vang, nước táo, nước dâu, hoặc nước trắng - đôi khi uống thẳng nước lã nhưng thường là có pha thêm mật ong hoặc men gạo, là hai thứ rất sẵn. Chính quyền của mỗi thành bang tính toán rất kỹ mức tiêu thụ thực phẩm hàng năm của toàn bộ lãnh thổ mình, nhưng họ luôn cho trồng thêm nhiều ngô và chăn nuôi thêm nhiều gia súc để có dự trữ cho mình cũng như cho các thành bang láng giềng.

Nông cụ và các thiết bị cần thiết ở nông thôn đều do thành phố cung cấp. Có một ngày nghỉ hàng tháng để mọi người đều về thành phố mình. Hôm ấy, nếu ai thiếu thiết bị gì thì chỉ cần hỏi một công chức trông coi về việc đó và sẽ lập tức được cấp phát ngay, không phải trả bất cứ một thứ tiền gì.

Ngay khi vào mùa gặt, trưởng quận thông báo cho chính quyền thành phố biết số lượng lao động sẽ cần phải bổ sung cho nông thôn. Và đúng ngày thu hoạch thì số người phải bổ sung ấy cũng có mặt đầy đủ. Nếu thời tiết tốt, thì họ chỉ cần gặt hái trong 24 giờ là xong xuôi.

Nhưng tôi phải kể cho các bạn nghe thêm về các thành phố. Thật ra, khi đã thấy một thì cũng coi như các bạn đã thấy tất cả các thành phố khác, bởi nếu địa hình tương tự thì chúng hoàn toàn giống nhau. Cho nên tôi chỉ cần kể một ví dụ là đủ. Tuy vậy, có lẽ tôi nên chọn

Không Thành, vì thật sự việc Nghị viện họp ở đó đã khiến nó trở thành quan trọng, và tôi cũng biết thành phố đó rõ nhất vì đã có năm năm sống ở đó.

Không Thành được xây dựng trên một triền đồi thoải, và được quy hoạch gần như vuông vắn. Nó chạy ngay từ dưới đỉnh đồi xuống đến bờ con sông Vô Thủy cách chừng hai dặm và chạy dọc theo bờ sông chừng hai dặm.

Nguồn của Vô Thủy và một ngọn suối nhỏ cách đó khoảng 80 dặm về phía nội địa, nhưng nó hội tụ nhiều chi nhánh, và có 2 chi nhánh khá to, nên khi chảy về Không Thành thì nó đã thành một con sông rộng chừng 50 thước. Nó cứ rộng dần ra nữa, cho đến khi đổ ra biển, cách thành phố 60 dặm. Những con nước triều mạnh mẽ cứ sáu tiếng lại đổi dòng và lan đến tận thành phố và nhiều dặm nữa về phía thượng nguồn. Khi thủy triều lên, biển lấn sông vào phía đất liền tới 30 dặm khiến sông thành nước lợ cả một khúc dài lên thượng nguồn. Nhưng sau đó, vị mặn mất dần đi và khi chảy về qua Không Thành thì nước sông đã tươi mát trở lại. Khi triều xuống, sông lại đồn biển ra ngoài và tiếp tục dòng chảy tinh khiết của nó ra đến tận bờ biển.

Thành phố được nối với bờ kia của con sông bằng một cây cầu uốn cong tuyệt đẹp có những trụ xây bằng đá chứ không phải chỉ có trụ gỗ. Cầu được xây ở biên giới phía nội địa, nên thuyền bè từ biển vào cập bến dọc thành phố không bị ngăn trở gì. Còn có một con sông nữa, không to lắm nhưng rất êm đềm. Nó bắt đầu bằng một ngọn suối phun lên ngay trên đỉnh đồi và chảy xuống qua giữa lòng thành phố để hợp vào với sông Vô Thủy. Nguồn suối phun ở ngay ngoài thành phố, nhưng người ta xây tường tường thành chạy bao lấy nó vào trong phòng khi có chiến tranh thì quân địch không thể bịt hoặc đầu độc nguồn nước ấy của họ. Từ chỗ ấy, nước sông chảy qua các quận trên thành phố được dẫn vào một hệ thống ống xây bằng gạch để sử dụng. Những chỗ không làm được như thế thì họ xây những bể chứa nước mưa rất lớn để dự trữ nước sinh hoạt, cũng hiệu quả không kém.

Thành phố được bao bọc bởi một bức tường dày và cao, có những tháp canh và lô cốt ở từng chặng. Ba phía tường thành còn có một con hào cạn rất rộng và sâu có trồng cây dày đặt các bụi gai. Mặt còn lại thì có sông làm thành một con hào phòng thủ tự nhiên. Phố xá được thiết kế rất tốt cho xe cộ đi lại cũng như có tác dụng chắn gió bão. Nhà cửa cũng rất ấn tượng, vì chúng đều có dạng mái bằng dùng làm sân trời nằm đối diện nhau và chạy dọc

theo hai bên đường phố. Mặt tiền các ngôi nhà được phân cách nhau bởi một lối đi rộng sáu thước cho xe ngựa ra vào. Đằng sau là một khu vườn rộng nối nhau dọc suốt phố và hoàn toàn được che chắn bởi phía sau của các dãy phố khác. Mỗi ngôi nhà chỉ có một cửa trước ra phố và một cửa sau ra vườn. Cả hai đều là loại cửa xoay hai cánh chỉ cần chạm tay vào là mở cửa rồi lại tự động khép lại sau lưng ta. Ai cũng có thể ra vào tự do vì không có gì gọi là tài sản riêng tư cả. Bản thân các ngôi nhà được phân phối theo lối rút thăm, cứ mười năm lại chuyển đổi một lần.

Họ cực kì yêu thích mảnh vườn ấy, và trồng ở đó các cây ăn quả, kể cả nho cũng như những thảm cỏ và các loại hoa. Họ chăm sóc chúng tuyệt vời đến nỗi quả tình tôi chưa thấy vườn tược ở đâu có thể tươi tốt đẹp dễ hơn. Dân chúng ở Không Thành giỏi vườn tược như vậy không phải chỉ vì họ thích làm vườn, mà còn các cuộc thi vườn đẹp tổ chức giữa các phố với nhau. Hoạt động ấy vừa rất thú vị vừa có ích cho cộng đồng, quả thực khó có một hoạt động nào ở thành phố được trù tính khéo như vậy, đến nỗi tôi cho rằng làm vườn chắc hẳn phải là một niềm say mê đặc biệt của người đã sáng lập ra đảo quốc này.

Là tôi muốn nói đến Utopos, tương truyền chính là người đã thiết kế quy hoạch toàn bộ thành phố ấy ngay từ đầu. Tuy nhiên, ông ta cũng để cho hậu thế làm cho nó đẹp thêm với những chi tiết hoàn chỉnh, một công việc mà ông biết rằng sẽ phải làm trong nhiều thế hệ. Theo những tài liệu lịch sử của họ, ghi chép những sự kiện trong suốt 1.760 năm kể từ ngày lập quốc và vẫn thường xuyên được bổ sung cẩn thận, thì những căn nhà đầu tiên chỉ chỉ giống như những túp lều hoặc những căn nhà nhỏ dựng vội bằng cây, vách trát bùn và mái dốc lợp có tranh đơn giản. Nhưng bây giờ thì nhà nào cũng cấu trúc ba tầng đường bệ. Tường đều có ốp loại đá đen không thì là 1 loại đá cứng khác, nếu không thì là tường gạch trát vữa bê tông sỏi. Mái dốc đã được thay thế bằng mái bằng, và được làm bằng một loại bê tông rất rẻ mà lại có tác dụng chống mưa nắng tốt hơn cả chì, đồng thời lại không bắt lửa. Họ ngăn gió bằng cách lắp kính vào các cửa sổ - đúng vậy, họ dùng rất nhiều kính - hoặc lắp những màn che làm bằng vải lanh mịn có xử lí bằng dầu hoặc nhựa thông để vừa có độ trong suốt vừa thêm kính chắn gió.

Bây giờ đến chuyện hệ thống chính quyền địa phương của họ. Dân chúng được chia thành từng cụm 30 hộ gia đình. Mỗi cụm bầu ra một cụm trưởng làm việc theo nhiệm kì 1

năm. Cùm và Cùm trưởng là tên ngày xưa, còn bây giờ thì họ gọi là Phường và Trưởng phường. Cứ mười phường thì thành 1 quận, và có 1 Trưởng quận phụ trách.

Mỗi thành phố có 200 Phường, và các Trưởng phường trực tiếp bầu ra Thị trưởng. Họ bầu bằng phiếu kín, sau khi đã tuyên thệ chỉ bỏ phiếu cho người mà họ cho là xứng đáng nhất. Cả thành phố có 4 ứng cử viên cho chức Thị trưởng, do 4 khu vực đề cử lên cho Hội đồng các Trưởng quận. Thị trưởng sẽ đương nhiệm cho đến hết đời, trừ khi bị dân chúng nghi ngờ là có ý định chuyên chế. Các Trưởng quận được bầu ra hàng năm, nhưng thường là không có thay đổi gì. Còn thì tất cả các chức dịch của thành phố đều làm việc theo nhiệm kỳ 1 năm mà thôi.

Cứ 3 ngày một lần, và khi cần thì thường xuyên hơn, các Trưởng quận họp với Thị trưởng để thảo luận các sự vụ công cộng, và nếu có tranh chấp gì trong dân chúng thì giải quyết ngay. Các cuộc họp này của Hội đồng Thành phố đều có hai Trưởng phường thay nhau tham dự hằng ngày và thông lệ là bất cứ việc gì liên quan đến dân chúng nói chung cũng phải thảo luận trong 3 ngày rồi mới được đi đến kết luận. Ai đem những việc này ra bàn thảo ở bên ngoài cuộc họp đều bị xử trọng tội. Quy định này là để tránh tình trạng các Thị trưởng và Trưởng quận có cơ hội âm mưu đi ngược lại nguyện vọng của dân và thay đổi hiến pháp. Cũng vì lý do ấy mà bất kỳ một vấn đề quan trọng nào cũng phải được đưa sang cho Hội đồng các Trưởng phường để phổ biến cận kề đến dân chúng, lấy ý kiến thống nhất của dân chúng và báo cáo lại với Hội đồng Thành phố. Nếu cần thiết thì Hội đồng Thành phố lại chuyển lên Quốc hội để xin ý kiến giải quyết.

Hội đồng Thành phố còn có 1 quy định là không được thảo luận một nghị quyết nào ngay trong ngày mà nó được đề nghị, mà chỉ được thảo luận nó trong buổi họp đầy đủ của ngày hôm sau. Nếu không thì thế nào cũng có người hấp tấp phát biểu những điều bộc phát trong đầu mình, rồi bắt đầu chỉ tìm mọi cách để biện hộ cho ý kiến bộc phát đó chứ không quan tâm gì đến quyền lợi của dân chúng nữa. Kiểu người ấy thường sẵn sàng hy sinh công ích để giữ đặc quyền của mình, mà lý do thì rất vớ vẩn, nghĩa là đã chót nói cái gì ra rồi thì không thể chấp nhận là mình có thể sai. Cho nên tốt nhất là hãy bắt mọi người ai cũng phải có thì giờ suy nghĩ cho chín trước khi thảo luận.

Thế còn điều kiện làm việc của họ thì sao? Phải nói rằng có một việc mà mọi người đều phải làm, bất kể là đàn ông hay đàn bà, và đó là việc đồng áng. Đứa trẻ nào cũng được học làm các việc đồng áng. Chúng học lý thuyết ở trường, và thường xuyên được đưa về các khu vực nông thôn quanh thành phố, không phải chỉ để quan sát, mà để thực tập các công việc cụ thể.

Ngoài nông nghiệp là công việc mà ai cũng phải làm, thì mỗi người còn được huấn luyện một nghề riêng của mình. Có thể đó là nghề chế biến len da, hoặc là nghề thợ xây, thợ rèn, thợ mộc. Đó là những nghề cần đến nhiều sức lao động. Họ không có ai làm thợ may hoặc cắt quần áo, vì mọi người trên đảo đều có cùng một kiểu trang phục - chỉ khác chút ít để phân biệt giới tính và tình trạng hôn nhân - còn kiểu dáng thì không bao giờ thay đổi. Những trang phục ấy cũng rất hay, rộng rãi thoải mái và trời nóng hay trời lạnh cũng đều dễ chịu - và hay nhất là mọi người tự làm lấy ở nhà. Vậy là mọi người đều được học một trong những nghề mà tôi nói đến, và tôi nói mọi người có nghĩa là cả đàn ông và đàn bà, mặc dù phái yếu thì làm những công việc nhẹ nhàng hơn như quay sợi và dệt vải, còn đàn ông thì làm những việc nặng nhọc hơn.

Hầu hết trẻ em được nuôi dưỡng để làm cùng với cha mẹ, vì chúng thường quen thuộc tự nhiên với những nghề của gia đình mình. Nhưng nếu 1 đứa trẻ thích làm một nghề gì khác, nó sẽ được làm con nuôi của 1 gia đình theo cái nghề ấy. Tất nhiên là người cha và cả chính quyền địa phương đều có trách nhiệm lựa chọn một người đàn ông đáng kính trọng làm cha nuôi của đứa trẻ. Một khi đã học thành thạo được một nghề, bạn cũng có thể xin phép học một nghề khác nữa - và khi đã thuần thục cả hai nghề thì bạn có thể thích nghề nào làm nghề ấy nếu không được yêu cầu phải làm nghề mà xã hội đang cần đến nhiều hơn.

Công việc chính của Trưởng phường - mà thực ra họ chỉ có mỗi việc ấy - là thu xếp sao cho không có ai ăn không ngồi rồi và tất cả mọi người đều làm tốt công việc của mình. Nhưng họ không ép dân làm từ sáng đến tối mịt như trâu ngựa. Đó chỉ là cuộc sống nô lệ, ấy vậy mà nó chính là cuộc sống của mọi giai cấp cần lao ở hầu khắp thế giới này. Ở Utopia người ta làm việc 6 tiếng một ngày - 3 tiếng buổi sáng rồi ăn trưa, nghỉ hai tiếng rồi đến 3 tiếng buổi chiều rồi vào bữa tối. Họ lên giường vào lúc 8 giờ tối và ngủ trong 8 tiếng. Toàn bộ thời gian trong ngày, họ được làm những gì mình thích - nhưng không ai được ngồi không hoặc ăn chơi vô lối, mà đều dùng thời gian ấy cho những hoạt động rất chính đáng.

Hầu hết người ta tranh thủ thời gian để học thêm, bởi ngày nào cũng có những lớp học cho công chúng ngay từ đầu buổi sáng. Đây là những lớp học hoàn toàn tự nguyện, trừ một số bắt buộc phải dự vì được chọn để đào tạo thành tri thức, nhưng lớp nào cũng đông chật cả đàn ông và đàn bà - tôi muốn nói là họ đều theo học những lớp mà họ thích và lớp nào cũng đông cả. Tất nhiên, nếu bạn thích thì không ai ngăn cản bạn dùng thời gian rỗi trong ngày để làm nghề riêng của bạn. Rất nhiều người như vậy vì họ biết mình không có khả năng chữ nghĩa, và họ vẫn được xã hội trọng vọng như thường vì tinh thần lao động phục vụ của họ.

Sau bữa tối, mọi người có một giờ để giải trí, hoặc ở ngoài vườn, hoặc ở ngay trong các nhà ăn tập thể, tùy thời tiết từng mùa. Người thì đàn hát, người thì chuyện trò. Họ không hề biết đến những trò ngu ngốc và hư đốn như là xúc xắc đỏ đen, nhưng họ có hai trò chơi hơi giống như trò đánh cờ của ta vậy. Một trò thì tương tự như một cuộc thi tài số học trong đó con số này có thể “ăn” những con số khác. Còn trò kia là một cuộc giao tranh quyết liệt giữa đức hạnh và các thói hư tật xấu, minh họa rất tài tình khuynh hướng mâu thuẫn của các thói hư tật xấu ra làm sao và chúng biết co cụm lại với nhau để chống lại đức hạnh như thế nào. Trò này cũng cho thấy những tật xấu nào là đối nghịch với những đức hạnh nào, sức mạnh của chúng khi tấn công vào đức hạnh là đến đâu, những chiến thuật gián tiếp của chúng là gì, đức hạnh cần có những hỗ trợ gì để chống trả, phương pháp tốt nhất để tránh đụng độ là gì, và cái gì cuối cùng sẽ quyết định chiến thắng của phe này hay phe kia.

Nhưng ở đây ta phải đặt biệt lưu ý một điểm, nếu không sẽ rất dễ hiểu lầm. Vì họ chỉ làm việc 6 tiếng một ngày, ta có thể nghĩ rằng nhất định họ phải thiếu thốn nhiều thứ nhu yếu phẩm. Nhưng ngược lại, 6 tiếng đồng hồ ấy là đủ và thừa đủ để làm ra mọi thứ cần thiết cho một cuộc sống hoàn toàn dễ chịu. Và ta sẽ hiểu được điều này nếu để ý rằng một phần lớn dân số ở các nước khác là hoàn toàn thất nghiệp. Trước tiên, ta có hầu hết phụ nữ - vậy là đã có gần 50%. Và ở những nước mà phụ nữ làm việc thì đàn ông lại có khuynh hướng ăn không ngồi rồi. Sau đó, ta có đám thầy tu và các thành viên của cái gọi là các giáo phái - bọn này thì làm ra được bao nhiêu? Rồi cộng thêm tất cả bọn trưởng giả, nhất là đám địa chủ, mà thiên hạ vẫn gọi là quý tộc hay vương tôn công tử. Kể cả bọn tùy tùng của họ nữa - nghĩa là những băng đảng du côn có võ trang mà tôi đã có nhắc đến trước đây. Cuối cùng phải thêm tất cả đám ăn mày khỏe mạnh chỉ giả vờ ốm đau để lười biếng ăn xin. Khi đã cộng hết

cả loại người ấy, ta sẽ kinh ngạc thấy rằng hóa ra chỉ có rất ít người thật sự làm ra tất cả những gì mà cả nhân loại đang tiêu xài vậy.

Còn bây giờ hãy thử nghĩ xem có mấy người trong số rất ít những người lao động ấy đang làm những công việc thật sự cần thiết – bởi lẽ khi đồng tiền là tiêu chuẩn giá trị duy nhất thì đương nhiên là phải có hàng chục những nghề nghiệp không cần thiết chuyên cung ứng những thứ xa hoa hoặc những trò giải trí. Tại sao vậy? Vì ngay cả khi cái lực lượng lao động ít ỏi hiện nay chỉ tập trung làm những cái cần thiết để phục vụ một cuộc sống dễ chịu hợp lý, sản phẩm xã hội cũng đã thừa mứa khiến cho giá cả bị hạ thấp đến mức lương bổng của người lao động sẽ không đủ nuôi sống họ nữa. Trong khi đó nếu ta huy động tất cả những người đang làm những nghề không cần thiết kia, và tất cả những ai còn chưa chịu tham gia lao động – mà mỗi một người lười biếng này thường tiêu thụ gấp đôi thành quả lao động của chính người lao động – nếu ta đưa hết số người này vào làm những công việc có ích, ta sẽ thấy chỉ cần vài tiếng đồng hồ làm việc mỗi ngày là thừa đủ để chu cấp cho một cuộc sống sung túc thoải mái - và thì giờ còn lại sẽ giành cho những khoái lạc tự nhiên và đích thực của con người.

Nhưng ở Utopia thì những cái nếu mà ta vừa nói đã trở thành thực tế cuộc sống. Ở đó, trong số tất cả đàn ông đàn bà có khả năng lao động ở một thành phố và nông thôn phụ cận, chỉ có nhiều nhất là năm trăm người không tham gia sản xuất. Đây là kể cả những trưởng phùng, mặc dù được miễn lao động, vẫn tự nguyện tham gia để nêu gương cho mọi người. Con số đó cũng bao gồm cả những người được miễn toàn bộ các nghĩa vụ khác chỉ để tập trung vào học tập. Đặc quyền này chỉ giành cho những ai được các giáo sĩ giới thiệu và được các Trưởng phùng nhất trí bằng phiếu kín- mà nếu sinh viên nào có kết quả học tập không thỏa đáng đều sẽ phải trở lại với giai cấp lao động. Mặt khác, cũng không hiếm những trường hợp người lao động chịu khó tranh thủ lao động học hỏi, có tiến bộ trong học tập và được miễn tham gia sản xuất để gia nhập hàng ngũ trí thức.

Các nhà ngoại giao, giáo sĩ, thành viên hội đồng thành phố và tất nhiên là các Thị trưởng nữa, đều được tuyển chọn từ tầng lớp trí thức. Nhân đây cũng xin nói rằng ngày xưa người Utopia gọi các Thị trưởng của họ là “Già làng”, nhưng bây giờ thì thường gọi là “Võ nhân”. Khi hầu như không có ai thất nghiệp hoặc làm việc kém hiệu quả, ta có thể thấy ngay là khối lượng công việc mà họ có thể làm được trong vài giờ đồng hồ là lớn đến đâu. Vấn đề

lao động của họ được giảm thiểu nữa bởi một thực tế là họ sẽ mất ít công sức hơn chúng ta rất nhiều. Ví dụ, lý do tại sao nghề xây dựng thường thu hút nhiều lao động đến thế là vì người ta xây những ngôi nhà mà con cháu lại bỏ mặc cho hư hại đi. Và thế là thế hệ sau lại xây những ngôi nhà mới, tốn kém hơn nhiều so với việc bảo trì những ngôi nhà cũ. Thực tế diễn ra như sau: A xây một ngôi nhà rất đắt tiền, nhưng lại không thỏa mãn được thị hiếu của B. Vậy là B bỏ mặc cho ngôi nhà ấy tàn tạ dần, và tìm chỗ khác xây cho mình một ngôi nhà cũng đắt tiền không kém. Nhưng ở Utopia, nơi mà nhà nước quản lý tất cả mọi việc, rất ít khi người ta phải xây mới nhà cửa ở một địa điểm khác, mà tập trung vào công việc bảo trì nhà khi cần thiết, thậm chí còn sớm hơn nữa. Như vậy nhà cửa có độ bền tối đa mà lao động đòi hỏi lại là tối thiểu, Vậy là nhiều khi thợ xây dựng không có việc gì để làm. Trong trường hợp ấy, họ được giải tán về nhà làm những việc như cưa xẻ gỗ ván hoặc đẽo dũa cho vuông vắn để có nguyên vật liệu sẵn sàng cho những công trình mới được thi công thật nhanh chóng.

Lại thử nghĩ xem họ còn tiết kiệm được bao nhiêu lao động về khoản trang phục nữa. Lúc làm việc họ chỉ mặc một loại áo liền quần bằng da rộng rãi có thể dùng trong bảy năm mới hỏng. Khi ra nơi công cộng, họ khoác thêm ra ngoài một kiểu áo choàng có cùng một màu tự nhiên của len. Vậy là không những mức tiêu thụ len dạ của họ là thấp nhất thế giới, mà giá của họ cũng vậy. Vải lanh còn dễ sản xuất hơn, và vì vậy còn được chuộng hơn - nhưng chỉ cần vải len trắng và len sạch, còn thì sợi thô hay mịn đối với họ không quan trọng. Như vậy là trong khi ở các nước khác ta không thể tìm thấy ai thỏa mãn với năm sáu bộ quần áo cùng với sơ mi lụa đi kèm, còn loại thích trưng diện thì phải có ít nhất hàng chục bộ, thì ở Utopia mọi người hoàn toàn bằng lòng với chỉ một bộ trang phục cứ hai năm mới phải thay một lần. Bởi vì họ cần gì hơn thế? Quần áo có làm cho họ ấm áp hơn hoặc đẹp mắt hơn đâu cơ chứ!

Khi tất cả mọi người đều làm những việc có ích, và với khối lượng công việc đã được giảm đến mức tối thiểu, họ tích lũy được một khối lượng dự trữ khổng lồ từ tất cả mọi sản vật và thảnh thơi có thể huy động một khối lượng lao động lớn để tu sửa đường xá. Và nhiều khi, nếu không có việc gì đại loại như thế, chính quyền tuyên bố ngày làm việc ít giờ hơn. Họ không bao giờ bắt dân làm việc một cách không cần thiết, vì mục tiêu chính của toàn bộ nền kinh tế của họ là giúp cho mỗi người có được càng nhiều thời gian không phải

làm việc chân tay càng tốt, để ai cũng có thời giờ di dưỡng tinh thần- việc mà họ xem là bí quyết của một cuộc sống hạnh phúc.

Nào, bây giờ đến chuyện họ thu xếp cuộc sống chung của họ ra làm sao-xã hội được tổ chức như thế nào, họ cư xử với nhau ra sao, hàng hóa được phân phối thế nào và những chuyện khác nữa. Vậy là đơn vị xã hội nhỏ nhất của họ là một hộ, tức cũng là một gia đình. Con gái lớn lên lấy chồng thì về nhà chồng, nhưng con trai cùng một thế hệ thì ở với gia đình mình và chịu quyền giáo dục của người đàn ông lớn tuổi nhất trong nhà- khi người này già yếu thì người cao tuổi kế tiếp sẽ thay quyền làm gia trưởng.

Mỗi thành phố có sáu ngàn hộ, chưa kể số hộ nông thôn, và để duy trì mức dân số tương đối ổn định rằng không hộ nào được có dưới mười người hoặc trên mười sáu người lớn- còn số trẻ em thì họ không quy định cụ thể là bao nhiêu. Để chấp hành luật này, người ta chỉ việc điều số người lớn quá tiêu chuẩn sang các hộ ít người hơn. Nếu cả thành phố đã quá đông, người ta điều bớt dân sang những thành phố còn vắng người. Nếu cả quốc đảo rơi vào tình trạng nhân mãn, mỗi thành phố sẽ lựa ra một số người để lập thành một đoàn đi xây dựng một thuộc địa ở một vùng đất nào đó còn rộng rãi và chưa có người khai trương trong đất liền, càng gần càng tốt. Những thuộc địa này do người Utopia cai quản, nhưng dân bản địa cũng được phép tham gia khai khẩn và canh tác nếu họ muốn. Trong trường hợp ấy, người Utopia và người bản địa sẽ nhanh chóng tạo thành một cộng đồng duy nhất có cùng một lối sống, và cả hai sẽ cùng có lợi ích như nhau- bởi lẽ dưới sự quản trị của người Utopia, mảnh đất mà trước đây tưởng như không thể nuôi sống được nhóm người nay đã có thể sinh lợi dồi dào cho cả hai.

Nếu người bản địa không chịu làm theo lệnh, họ sẽ bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ đã được đặt dưới quyền của người Utopia. Nếu họ định kháng cự, người Utopia sẽ tuyên chiến- bởi họ coi chiến tranh là hoàn toàn chính đáng khi có một nước không chịu để cho một nước khác thực hiện tự quyền của mình được khai khẩn một vùng đất đã bị chủ cũ bỏ hoang và chỉ giữ để đầy như một thứ tài sản vô giá trị.

Nếu có một thành phố lâm vào tình trạng thiếu hụt dân cư đến mức không thể điều hòa dân số bằng cách chuyển dân cư từ các thành phố khác đến đó- tình trạng này chỉ xảy ra có hai lần trong lịch sử và đều là hậu quả của dịch bệnh- người ta sẽ triệu hồi những người đi

khai khẩn thuộc địa trở về, vì nguyên tắc của họ là thà bỏ đi một thuộc địa còn hơn để cho một bộ phận của Utopia suy yếu. Nhưng ta hãy trở lại chuyện tổ chức xã hội của họ đã. Mỗi một hộ, như tôi đã nói, được đặt dưới quyền của người đàn ông cao tuổi nhất trong hộ. Vợ phải phục tùng chồng, con phải phục tùng cha mẹ, và nói chung là người trẻ phải nghe theo người lớn tuổi hơn mình. Mỗi thành phố được chia thành bốn bộ quận bằng nhau, mỗi quận có một trung tâm sản vật riêng ở giữa quận. Sản phẩm của tất cả các hộ gia đình đều được thu về nhà kho, rồi được phân về các cửa hàng tùy theo mẫu mã. Khi trưởng hộ cần thứ gì cho mình hoặc cho gia đình mình, ông ta chỉ việc đến lấy ở một trong những cửa hàng đó, không phải trả bất cứ một khoản nào kể cả bằng tiền hay bằng hiện vật. Cũng chẳng có lý do gì để e ngại chuyện đó. Mọi thứ đều sẵn sàng thừa thãi cả, chẳng ai cần lấy nhiều hơn mức cần thiết. Chẳng ai muốn tích trữ một khi biết rằng sẽ không bao giờ thiếu thốn gì. Thực ra, tham lam không phải là bản tính của muôn loài, mà chỉ là phản ứng của nỗi sợ hãi thiếu thốn. Nhưng với con người thì lòng tham bắt nguồn từ tính phù hoa, cái cảm giác rằng ta hơn người bởi vì ta có thể trưng diện nhiều thứ của cải hơn người. Thế nhưng ở Utopia thì không có chỗ cho những thứ như thế.

Những trung tâm sản vật này bao gồm cả những điểm phân phối thực phẩm, nơi mọi người đến lấy thịt cá, bánh mỳ, và rau quả. Thực phẩm đều đã được làm sạch sẽ ở những nơi quy định bên ngoài trước khi đưa vào thành phố. Giết mổ và pha thịt là công việc của nô lệ. Họ không cho công dân làm những việc này vì nghĩ rằng nó sẽ làm hỏng những cảm giác tự nhiên về lòng nhân ái, và không ai được phép mang những thứ bẩn thỉu hoặc mất vệ sinh vào trong thành phố, vì họ sợ bị ô nhiễm không khí và phát sinh dịch bệnh.

Khi đi ngoài phố, cứ mỗi chốc ta lại gặp một ngôi nhà lớn có tên riêng của nó. Đó là nơi ở của Trưởng phường, và cũng là nơi mà ba mươi hộ dưới sự cai quản của ông ta - mười lăm hộ ở bên này ngôi nhà và mười lăm hộ ở bên kia - đến dùng bữa hàng ngày. Những người phục vụ trong các nhà ăn tập thể ấy hàng ngày ra các điểm phân phối thực phẩm báo cáo số suất cơm đã đăng ký ở phường mình và nhận khẩu phần cho ngày hôm đó.

Nhưng bệnh nhân trong bệnh viện mới là người được ưu tiên hàng đầu - thừa vâng, có bốn bệnh viện ở ngoại ô, ngay bên ngoài tường bao của thành phố. Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ. Ý tưởng là vừa tránh cho bệnh nhân bị quá tải, vừa tạo điều kiện tốt cho việc cách li những chứng bệnh lây lan truyền nhiễm. Những bệnh viện này

được quản lý rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị, với những đội ngũ bác sĩ và hộ lí xứng đáng là “lương y như từ mẫu”, đến nỗi hề ốm đau là ai cũng muốn vào bệnh viện chứ không muốn nằm nhà.

Vậy là, sau khi các bệnh viện đã nhận được đủ phần thực phẩm theo yêu cầu của các bác sĩ, tất cả những thực phẩm ngon lành nhất sẽ được phân phối đều về các nhà ăn tập thể ở phường – tất nhiên là theo số lượng đăng ký của từng phường. Chỉ có một số người có quyền đăng ký thực phẩm theo ý riêng của mình, như Thị trưởng, Giám mục, những người trong Hội đồng Thành phố, và những nhà ngoại giao. Người ngoại quốc cũng có quyền ấy. Mặc dù không phải lúc nào cũng có người ngoại quốc tá túc ở Utopia, nhưng hề có thì họ được chu cấp thực phẩm theo tiêu chuẩn đặc biệt.

Đến giờ ăn trưa cũng như ăn tối, người ta thổi kèn báo hiệu, và toàn bộ dân trong địa bàn phường kéo nhau đến nhà ăn của mình, chỉ trừ những người ốm đang ở bệnh viện hoặc ở nhà. Tuy nhiên, bạn có thể hoàn toàn tự ra chợ lấy thực phẩm về nhà ăn riêng sau khi các nhà ăn đã nhận xong phần thực phẩm trong ngày của mình. Mọi người đều hiểu rằng bạn chỉ làm thế khi bắt buộc. Tôi muốn nói là chẳng ai thích ăn ở nhà cả, mặc dù không có qui định gì ngăn cản việc ấy. Thứ nhất là vì ai cũng nghĩ ăn riêng ở nhà mình là không hay. Thứ hai là chẳng ai muốn mất công đi chợ nấu cơm khi mà những món ngon lành nóng sốt đang dọn sẵn cho mình ở nhà ăn cách chỉ có mấy bước chân.

Trong các nhà ăn này, nô lệ làm hết những việc nặng nhọc và bẩn thỉu, còn việc nấu nướng và sắp đặt thực đơn thì do những phụ nữ của hộ trực nhật làm hết, vì mỗi ngày có một hộ gia đình chịu trách nhiệm đi chợ nấu cơm cho cả phường. Tất cả người lớn ngồi ăn ở ba hoặc nhiều bàn hơn, tùy theo số lượng. Đàn ông ngồi ở phía sát tường, còn đàn bà thì ngồi ở phía ngoài, phòng khi nhớ có bà nào tự nhiên mệt nhọc – mà các bà đang có mang thường như vậy – thì có thể đứng dậy và đi vào nhà trẻ một cách dễ dàng.

Nhà trẻ là một phòng dành riêng cho các bà mẹ đang có cho con bú, lúc nào cũng đầy đủ lửa sưởi và nước sạch. Trong phòng có nhiều nôi và các bà mẹ có thể đặt cho con ngủ. Họ cũng có thể cởi hết quần áo cho con và để chúng chơi đùa quanh lò sưởi. Trẻ con đều được bú mẹ. Nếu người mẹ bị ốm hoặc qua đời, bà vợ ông Trưởng phường lập tức có biện pháp tìm một vú nuôi cho đứa trẻ. Việc này không khó, vì người phụ nữ nào có thể làm vú cũng

đều sẵn sàng xung phong làm việc đó. Bạn thấy đấy, cử chỉ hiền mẫu ấy ở đâu cũng được khâm phục và bản thân đứa trẻ cũng sẽ luôn luôn coi mẹ vú của nó cũng như mẹ đẻ vậy.

Nhà trẻ cũng là nơi tụi nhỏ dưới năm tuổi ăn với nhau. Những đứa trẻ khác, nghĩa là tất cả bọn con trai con gái chưa đến tuổi thành hôn, đều phục vụ tại các bàn ăn, hoặc nếu chúng còn bé quá chưa làm được việc đó thì đều đứng ở đó và phải tuyệt đối giữ im lặng. Cả bọn trẻ ấy đều không có giờ ăn riêng, mà đều được người lớn cho ăn ngay tại chỗ lúc ấy.

Chỗ danh dự là ở giữa chiếc bàn ăn cao đặc trên một cái bục ở một đầu nhà, từ đó có thể nhìn bao quát toàn bộ nhà ăn. Ông Trưởng phòng và bà vợ ngồi ở đó cùng với hai người cao tuổi nhất trong phường – vì ghế ngồi đều làm theo kiểu bốn chỗ một ghế. Nếu trong phường có nhà thờ thì vợ chồng ông mục sư sẽ ngồi cùng ghế với vợ chồng ông Trưởng phòng. Ở hai bên cạnh họ sẽ là bốn người trẻ tuổi hơn, rồi đến bốn người cao tuổi hơn, cứ thế cứ tiếp nối nhau chạy vòng quanh nhà ăn. Nói cách khác, bạn ngồi ăn với người cùng tuổi với mình, nhưng cũng kề với một nhóm những người khác tuổi. Cái lí của lối xếp chỗ như thế, họ bảo tôi, là vì lòng kính trọng đối với người lớn tuổi sẽ khiến cho bọn trẻ biết kiềm chế những hành vi không hay của chúng, vì chúng biết rằng bên cạnh chúng lúc nào cũng có những bậc lão thành.

Khi chia đồ ăn cho mọi người, họ không đi lần lượt từ đầu bàn đến cuối bàn. Họ bắt đầu bằng cách chia món ăn ngon nhất cho những nhóm cao niên mà chỗ ngồi được đánh dấu rõ ràng, rồi mới chia đều phần còn lại cho các nhóm khác. Tuy nhiên, nếu có món đặc sản nào không đủ chia cho khắp thì người già cũng lập tức san sẻ phần của họ với những người bên cạnh. Như vậy là bảo đảm được việc tôn kính tuổi già – mà cuối cùng thì mọi người ai cũng có phần thích đáng như vậy.

Bữa trưa và bữa tối đều bắt đầu bằng việc đọc một đoạn văn răn dạy nào đó – nhưng họ chọn những đoạn rất ngắn để không ai thấy chán. Sau đó, người lớn tuổi bắt đầu bàn luận những vấn đề hệ trọng nhưng không phải với giọng điệu khô khan hoặc buồn thảm. Mà họ cũng không cướp diễn đàn của bữa ăn. Ngược lại, họ rất thích nghe ý kiến của thanh niên, có thể thấy được tính cách và trí lực của từng người vốn thường dễ bộc lộ hơn trong không khí thân mật và thoải mái của bữa ăn.

Bữa trưa qua nhanh vì sau đó mọi người còn phải làm việc, nhưng họ thường thích kéo dài bữa tối mà sau đó chỉ là một đêm ngủ dài – được coi là rất tốt cho tiêu hoá. Trong bữa tối họ thường có âm nhạc, và luôn tráng miệng bằng các loại hoa quả và bánh kẹo. Họ cũng đốt trầm, và vấy hương liệu thơm trong nhà ăn. Tóm lại là họ làm đủ thứ để cho mọi người đều được vui vẻ. Họ tin rằng tất cả những khoái lạc vô hại đều hoàn toàn chính đáng.

Đó, cuộc sống trong thành phố là như vậy. Còn ở nông thôn thì vì dân chúng ở rải rác xa nhau nên mọi người đều ăn uống ở nhà mình. Đương nhiên là thức ăn của họ chẳng kém gì ở thành phố vì thực tế chính họ là người làm ra những đồ thực phẩm cho thành phố.

Bây giờ đến chuyện các phương tiện đi lại. Nếu bạn muốn đi thăm bạn bè ở thành phố khác, hoặc giả chỉ muốn tham quan thành phố đó, bạn có thể dễ dàng lấy giấy phép đi đến đó nếu như bạn đang không có nhiệm vụ gì khẩn cấp của thành phố mình, bằng cách làm đơn lên Trưởng phòng hoặc Hội đồng Thành phố. Bạn sẽ được gia nhập một đoàn có một hộ chiếu do Thị Trưởng ký trong đó có ghi rõ khi nào bạn phải trở về. Thành phố sẽ cấp cho đoàn một chiếc xe gì đó có bò kéo và một nô lệ làm xà ích – nhưng trừ phi trong đoàn có phụ nữ, phần lớn đàn ông đều thấy đi kiểu ấy là phiền toái và thường không nhận đi bằng xe như vậy. Bạn không cần phải mang theo hành lý gì, vì đi đến đâu bạn cũng sẽ thấy hết như ở nhà và được chu cấp đầy đủ mọi thứ. Nếu ở đây quá hai tư tiếng, bạn sẽ có trách nhiệm tham gia vào công việc mà bạn vẫn làm ở nhà, và sẽ được đồng nghiệp địa phương nhiệt liệt hoan nghênh.

Nếu bạn bị bắt gặp ở bên ngoài quận của mình mà không có hộ chiếu, bạn sẽ bị giải về nhà và bị trừng phạt như một kẻ đào ngũ. Nếu bị lần thứ hai thì bạn sẽ bị giáng xuống làm nô lệ. Tuy nhiên, nếu bạn thấy thôi thúc muốn được đi lang thang trong vùng quê bên ngoài thành phố, bạn có thể tự do thực hiện điều đó nếu cha bạn cho phép và vợ bạn không phản đối. Tất nhiên, muốn được ăn uống trong chuyến đi đó, bạn phải tham gia lao động một buổi sáng hoặc một buổi chiều ở nơi bạn đến. Ngoài ra thì bạn được tự do đi lại bất cứ đâu trong lãnh thổ thành phố của mình, và ở đâu bạn cũng là một thành viên có ích cho xã hội.

Bạn thấy đấy, bất kỳ ở đâu, bạn cũng luôn luôn phải làm việc. Không có lý do gì để ăn không ngồi rồi. Cũng không có quán rượu, quán bia, nhà thổ, không có cơ hội sa ngã, không

có hội kín hội hở. Mọi người đều để mắt đến bạn, cho nên thực tế là bạn bắt buộc phải làm công việc của mình, và sử dụng thời gian rảnh của mình cho chính đáng.

Dưới một chế độ như thế thì nhất định là mọi thứ đều thừa thãi, và vì ai cũng được phân phối như nhau, rõ ràng là không thể có người nghèo và ăn xin. Mỗi một thành phố, bạn nhớ không, được cử ba đại diện đến dự cuộc họp hàng năm mà họ gọi là hội nghị Nói Dối của Quốc hội tại Không Thành. Tại đó, họ thu thập chi tiết của tình hình sản xuất trong năm, và khi đã thấy rõ những sản phẩm nào thừa ở đâu và sản phẩm nào thiếu ở đâu, họ thu xếp ngay một loạt những chuyển đổi để thăng bằng lại toàn bộ hệ thống phân phối xã hội. Những chuyển đổi này thật ra là một chiều giữa hai thành phố - nhưng khi thành phố A chuyển cho thành phố B những sản phẩm theo kiểu viện trợ không hoàn lại thì nó lại nhận được những sản phẩm kiểu ấy từ thành phố C. Cho nên toàn bộ đảo quốc giống như một hộ gia đình lớn vậy.

Khi họ đã có đủ dự trữ cho tất cả mọi nhu cầu - và họ chỉ thấy là đủ khi những dự trữ đó có thể nuôi sống họ một năm cho dù có chuyện gì xảy ra trong mười hai tháng tới - thì họ cho xuất khẩu những phần sản phẩm còn lại. Chúng bao gồm những khối lượng rất lớn những thứ như ngô, mật ong, len, sợi, gỗ, vải, điều và tim, da nguyên con, da thuộc, sáp, nhựa và gia súc. Một phần bảy tổng số hàng xuất sang một nước nào đó được tính là hàng viện trợ người nghèo ở nước đó, số còn lại được tính với giá phải chăng. Hoạt động ngoại thương này không những đủ chi cho những thứ phải nhập - thường chỉ là sắt nguyên liệu - mà còn đem lại một khoảng tiền rất lớn. Thực tế là sau một thời gian dài, họ đã dự trữ được những kho vàng và bạc khổng lồ. Cho nên hiện nay họ không bận tâm nhiều về chuyện xuất khẩu lấy tiền mặt hay là tín dụng nữa, và hầu hết thương mại của họ đều qua tín dụng. Tuy nhiên, khi lấy tín dụng, họ không lấy của tư nhân mà đòi hỏi phải có hợp đồng và dấu triện đảm bảo của chính quyền nước mua hàng của họ. Khi đến hạn thanh toán, chính quyền ấy sẽ thu tiền của các tư thương liên đới cho vào công quỹ và tha hồ sử dụng tiền đó cho đến khi nào người Utopia gọi đến - mà chuyện ấy thực ra không bao giờ có, vì người Utopia nghĩ rằng khi họ chưa cần mà người khác lại đang cần thì đòi của người ta là không công bằng.

Tuy nhiên, nếu họ thấy cần phải cho một nước nào khác vay một phần số vốn này thì họ sẽ đòi - và họ đã từng làm vậy khi có chiến tranh, là hoàn cảnh duy nhất khiến họ phải huy

động đến số tiền khổng lồ của mình. Bạn thấy không, số tiền được dùng để bảo vệ họ trong trường hợp xảy ra biến động hoặc khủng hoảng bất thường. Chức năng chính của nó là trả lương rất cao cho các đội quân lê dương ngoại quốc – vì họ không muốn hi sinh tính mạng của dân chúng Utopia. Họ cũng thừa biết rằng ngay cả kẻ thù cũng rất dễ bị mua chuộc, nếu cho chúng những món lợi lớn, để chúng phản bội và đánh lẫn nhau. Và đó cũng là lý do duy nhất khiến họ duy trì những kho vàng bạc khổng lồ. Không phải vì họ coi vàng bạc là quý. Nói thực là tôi chưa dám kể cho bạn nghe về việc họ coi vàng bạc như thế nào vì sợ bạn sẽ không tin. Tôi sợ thế là hoàn toàn hợp lý thôi bởi chính tôi cũng không tin được chuyện này nếu không được tận mắt chứng kiến. Quả thực, cái gì xa lạ với nếp nghĩ của mình đều rất khó tin. Tuy vậy, có lẽ cũng là phi lí khi ta ngạc nhiên về cách người ta dùng vàng bạc ở Utopia, vì phải thấy rằng mọi phong tục tập quán của họ đều khác hẳn với chúng ta. Tôi đang đặc biệt nghĩ đến việc họ không dùng đến tiền, mà chỉ giữ tiền để dùng khi những trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra mà cũng có thể không bao giờ xảy ra.

Vậy là vàng với bạc, những nguyên liệu làm ra tiền, chẳng được ai coi trọng quá với giá trị hữu dụng của chúng – nghĩa là còn kém xa so với sắt. Không có sắt thì không thể có cuộc sống con người, cũng hết như là không có lửa hoặc không có nước vậy. Nhưng chúng ta hoàn toàn có thể sống mà không cần đến vàng hoặc bạc, nếu vứt bỏ cái quan niệm ngu xuẩn về giá trị của những thứ hiếm hoi. Trong khi đó, Mẹ Thiên nhiên đã cố tình phô bày mọi phước lành vĩ đại nhất của mình như đất đai, không khí và nước ra ngay dưới mũi chúng ta, và giấu đi hết những thứ chẳng có ích gì cho chúng ta.

Nào, nếu họ cất những thứ kim loại ấy trong một nhà kho kiên cố, người dân có thể nghi ngờ rất ngớ ngẩn – bạn cũng thừa biết là dân chúng giỏi nghi ngờ ra sao – rằng có thể ông Thị trưởng và Hội đồng Thành phố đang lừa dối dân chúng, đang kiếm lợi riêng bằng cách nào đó từ cái kho ấy. Tất nhiên họ có thể chuyển các kim loại ấy thành những bát đĩa trang trí hoặc đồ nghệ thuật khác. Nhưng như vậy thì mọi người sẽ đem lòng ái mộ chúng đến nỗi sẽ rất đau khổ nếu phải đem nấu chảy hết những thứ đó để trả lương cho lính đánh thuê.

Để tránh những phiền toái này, họ đã nghĩ ra được một giải pháp hoàn toàn nhất quán với những nền nếp xã hội khác của họ nhưng lại trái ngược hẳn với chúng ta – nhất là với thái độ tôn quý của chúng ta đối với vàng. Cho nên có thể là bạn phải kỳ mục sở thị mới có thể tin được. Thế này nhé, tất cả đồ bát đĩa dùng trong ăn uống, dù được thiết kế đẹp đến

đâu, cũng đều được làm bằng những vật liệu như thuỷ tinh hoặc gốm. Nhưng vàng và bạc thì được dùng để làm những đồ gia dụng khiếm tốn nhất trong gia đình cũng như ở nhà ăn tập thể, tức là bỏ đi ỉa đi đại. Họ cũng dùng xiềng và xích làm bằng vàng khối để cùm giữ nô lệ, và bất kì ai phạm một tội gì đáng xấu hổ đều bị phạt phải công khai đeo vòng vàng ở tai, nhẫn vàng ở ngón tay, kiềng vàng và cổ, và mũ miện vàng trên đầu. Sự thực là họ làm đủ cách để khiến cho những kim loại này bị khinh miệt. Có nghĩa là nếu họ bất thành lĩnh phải chia ta với số vàng bạc mà họ có trong kho – một số phận mà các nước khác sẽ tương tự như bị moi gan mổ ruột – thì cũng chẳng có một ai ở Utopia thấy ngần ngại lấy một tích tắc.

Đối với các thứ châu báu cũng vậy. Họ có hạt trai ngoài biển, kim cương và hồng ngọc trên núi, nhưng chẳng bao giờ cất công đi tìm. Tuy nhiên, nếu tình cờ gặp phải, họ cũng nhặt chúng và đánh bóng lên cho con nít đeo. Bọn trẻ lúc đầu rất tự hào về những đồ châu báu ấy, cho đến khi chúng đủ lớn để nhận ra rằng chỉ những bọn nhóc ở nhà trẻ mới đeo những thứ đó. Lúc ấy, chẳng cần phải để cha mẹ chúng nhắc nhở, chúng cũng tự động bỏ đi những vật đó vì lòng tự trọng bản nhiên, hệt như trẻ lớn lên sẽ rời bỏ những đồ chơi thuở bé của chúng như búp bê, vỏ sò hoặc bùa may vậy. Thói quen khác lạ này đã từng gây nên những phản ứng khác lạ không kém, như tôi đã từng chứng kiến ở những nhà ngoại giao đến từ một nước gọi là Huên Hoang.

Những nhà ngoại giao này đến viếng Không Thành khi tôi còn ở đó, và vì họ đến để thảo luận một vấn đề quan trọng nên mỗi thành phố đều cử ba đại diện là thành viên Quốc hội đến tiếp kiến họ. Phải nói rằng trước đó, tất cả những đoàn ngoại giao từng đến Không Thành đều là những nước lân bang ngay bên kia eo biển, do đó đều quen thuộc với những tư tưởng và phong tục của Utopia. Họ đều biết đó là một nước mà quần áo đất tiền không được nể phục, lụa là bị khinh rẻ, và vàng là một thứ bẩn thỉu, cho nên họ đều ăn diện giản dị hết mức trong cuộc hội kiến ngoại giao. Nhưng nước Huên Hoang thì ở rất xa và chưa có tiếp xúc gì nhiều với Utopia. Họ chỉ biết rằng ở Utopia mọi người đều mặc cùng một kiểu trang phục khá thô thiển, có thể là vì không có gì tốt hơn để mặc. Và thế là họ bảo nhau áp dụng một chính sách còn ngạo mạn hơn cả ngoại giao, tức là tất cả cùng ăn vận diêm dúa loè loẹt như thánh thần để làm cho người Utopia phải choáng ngợp trước vẻ hoành tráng của họ.

Khi phái bộ đó đến nơi, thì hoá ra họ chỉ có ba người, nhưng lại được tháp tùng bởi hàng trăm thuộc hạ, tất cả đều mặc quần áo nhiều màu lòe loẹt, chủ yếu may bằng lụa. Còn bản thân ba yếu nhân – vì họ đều là yếu nhân tại quốc gia mình – thì đều mặc vải dệt sợi vàng, với những xuyến vàng đầy leng keng trên cổ, vòng vàng lủng lẳng trên tai, nhẫn vàng lấp lánh trên các ngón tay. Mũ họ được trang trí với đầy những dải trân châu và các thứ ngọc khác. Tóm lại là họ tự trang bị cho mình với tất cả những thứ mà ở Utopia người ta chỉ dùng để trừng phạt nô lệ, làm nhục tội đồ, hoặc mua vui cho trẻ nhỏ.

Nói thực là không gì có thể làm tôi quên được cảnh ấy. Ba vị yếu nhân nọ với vẻ cực kỳ tự mãn khi so sánh bộ dạng của mình với người bản địa – vì lẽ nhiên là đường phố lúc ấy đông nghẹt người ra xem. Cái hiệu quả mà họ mang lại lúc bấy giờ là hoàn toàn bất ngờ và thất vọng cho họ. Vì bạn thấy đấy, theo quan niệm của người Utopia – chỉ trừ một số ít đã có dịp đi ra nước ngoài – tất cả những hào nhoáng ấy chỉ là biểu hiện của suy đồi mà thôi. Thế là họ chỉ dành những lời chào hỏi trọng thị cho những thành viên ít lòe loẹt nhất trong đoàn, còn thì hoàn toàn phớt lờ mấy vị quan chức ngoại giao, cho rằng những người phải đeo vòng vàng ấy chỉ là mấy nô lệ mà thôi.

Ôi chao, bạn phải được nhìn thấy vẻ mặt của bọn thiếu niên đã qua thời đeo đồ trang sức khi chúng thấy những châu báu trên mũ của mấy vị đặc sứ kia mới hay. Chúng không ngừng huých mẹ chúng và nói thầm:

“Con bảo này, mẹ nhìn thằng cu lớn xác kia mà xem! Lớn thế mà còn đeo trang sức!”

Còn bà mẹ thì trả lời con bằng giọng nghiêm nghị:

“Suyt, khê mồm chứ con, có thể ông ta là anh hề trong sứ bộ của họ đấy.”

Những chiếc vòng vàng cũng bị người ta chỉ trích rất nhiều.

“Xích gì mà thế kia” người ta bảo nhau “mỏng mảnh thế thì nô lệ bẻ được ngay. Lại còn rộng quá thế nữa, hấn lại chả sống ra mất bấy giờ!”

Một vài ngày sau thì những người Huênh Hoang kia mới bắt đầu vỡ nhẽ. Họ thấy rằng có rất nhiều vàng ở Utopia, mà lại rất rẻ mạt, thậm chí ở nhà họ quý vàng bao nhiêu thì ở đây người ta bị khinh rẻ bấy nhiêu. Họ cũng thấy rằng một nô lệ bỏ trốn còn mang trên người nhiều vàng bạc hơn cả ba người họ cộng lại. Và cuối cùng họ không còn muốn khoe

khoang nữa, cảm thấy hổ thẹn, và vứt bỏ mọi thứ trang sức mà họ vẫn thường tự hào được đeo trên người – nhất là sau khi họ đã có những cuộc trò chuyện thân mật với chủ nhà và đã phần nào hiểu được thái độ và nếp sống địa phương. Ví dụ như người Utopia không thể hiểu được tại sao lại có người mê mẩn được vẻ óng ánh buồn thảm của một hòn đá bé xíu trong khi họ có toàn bộ sao sáng trên trời để chiêm ngưỡng – hoặc làm sao lại có người ngu ngốc đến nỗi tưởng mình hơn người khác chỉ vì mặc quần áo dệt bằng sợi len mịn và nhỏ hơn người ta. Nói cho cùng thì len là quần áo của cừu và không thể làm cho ai thành cái gì hơn cừu được.

Họ cũng không thể hiểu được tại sao một thứ hoàn toàn vô dụng như vàng mà lại được cả thế giới ngày nay coi là quan trọng hơn cả con người, là kẻ đã gán chính cái giá trị đó cho nó để nó thành tiện dụng cho mình. Kết quả là một kẻ có đầu óc chỉ như một cục chỉ hoặc một khúc gỗ, một kẻ mà sự ngu xuẩn của hắn chỉ có thể so sánh với sự suy đồi của chính hắn, lại có thể sai khiến được rất nhiều người cũng thông minh và hiền thảo chỉ vì tự nhiên hắn có được một đồng tiền vàng. Và nếu chỉ vì một trớ trêu của số phận hoặc một thủ thuật luật pháp – hai phương pháp hiệu nghiệm như nhau để đổi trắng thay đen – những đồng tiền ấy lại tự nhiên được chuyển vào tay một kẻ vô dụng nhất trong chính đám gia nhân của kẻ đó, ta sẽ lập tức thấy ông chủ này lon ton chạy theo đồng tiền ấy, như một đồng xu thừa, và biến mình thành đầy tớ cho chính đầy tớ của mình. Nhưng cái làm cho người Utopia khó hiểu và khó chịu hơn nữa là cái cung cách ngu xuẩn của một số người có thói thờ phụng của kẻ giàu có, chẳng phải vì họ nợ tiền hoặc phải ở dưới quyền của kẻ ấy, mà chỉ đơn giản là vì kẻ ấy giàu có – mặc dù vẫn biết rõ ràng hắn bủn xỉn đến mức không thể bao giờ đánh rơi một đồng xu nhỏ mà lại không lấy hết sức bình sinh để nhặt lại nó, không thể để ai nhặt mất.

Họ tập nhiễm những tư tưởng ấy một phần nhờ lớn lên trong một chế độ xã hội trái ngược hoàn toàn với những thứ vô nghĩa kia, và một phần cũng nhờ đọc sách và học hỏi. Phải công nhận rằng không ai được phép trở thành một học giả chuyên nghiệp, trừ một số rất ít ở từng thành phố đã từ nhỏ bộc lộ những năng khiếu khác thường, trí thông minh nổi bật, và một năng lực đặc biệt trong nghiên cứu và học thuật. Nhưng đứa trẻ nào cũng được học hết cấp một, và hầu hết đàn ông đàn bà đều tiếp tục học cho đến hết đời như tôi đã nói ở đoạn trước. Tất cả các môn học đều được dạy bằng tiếng Utopia, vì từ vựng của nó rất

phong phú. Mà thứ tiếng ấy nghe cũng rất hay, rất biểu cảm. Các dân tộc khác trong khu vực ấy của thế giới cũng đang bắt đầu nói thứ tiếng này – mặc dù nó cũng bị biến dạng đi chút ít.

Trước khi chúng ta đến đó, họ chưa hề nghe danh một nhà triết học châu Âu nổi tiếng nào. Ấy vậy nhưng họ cũng đã tự khám phá rất nhiều những nguyên tắc giống như của tiền nhân chúng ta trong âm nhạc, lôgich, số học và hình học. Nhưng cho dù họ có ngang ngửa với thế hệ cổ đại của chúng ta trong hầu hết mọi lĩnh vực, họ vẫn không thể so sánh với thế hệ mới của chúng ta trong môn lôgich học. Tỉ như họ vẫn chưa hề biết tới một qui tắc nào về những vấn đề Hạn chế, Dư Thừa và Giả Định mà chúng ta đã trình bày rất rành rẽ trong sách Nhập môn Lôgich học, mà học trò của chúng ta đứa nào cũng thuộc nằm lòng. Và ngoài chuyện chưa hề biết đến những cái như là Khái niệm Thứ cấp, họ còn mù tịt về cuộc tranh cãi nổi tiếng về vấn đề vũ trụ này là có thật hay chỉ tồn tại bằng tên gọi mà thôi.

Nhưng trong khi đó họ lại là những chuyên gia vĩ đại về thiên văn học, đã sáng chế ra rất nhiều công cụ thiên tài để xác định chính xác vị trí và đường đi của mặt trăng và mặt trời, cũng như của tất cả các thiên thể khác nhìn thấy được trên bán cầu của họ. Nhưng về môn chiêm tinh – tức là chuyện thân tình hay cãi cò, giữa các hành tinh, bói toán bằng sao này sao kia, và tất cả những thứ linh tinh ấy – thì họ không hề biết đến và cũng không hề tưởng là có thể có những thứ như thế.

Họ đã học kinh nghiệm từ lâu đời cách nhận biết những dấu hiệu của mưa, gió, và những biến động thời tiết khác. Nhưng nếu hỏi họ về lý thuyết của những hiện tượng ấy, hoặc bảo họ giải thích tại sao nước biển lại mặn, cái gì gây ra thủy triều, hoặc vũ trụ này được hình thành ra sao và có bản chất như thế nào, họ sẽ trả lời mỗi người mỗi khác. Một số sẽ có những quan điểm giống như của các nhà triết học cổ đại của chúng ta. Tuy nhiên, vì những quan điểm này không thống nhất với nhau, ta cũng chẳng nên ngạc nhiên khi biết rằng người Utopia đã đưa ra những lý thuyết hoàn toàn mới của chính họ, và chúng cũng không hoàn toàn nhất quán với nhau.

Về đạo đức thì học cũng thảo luận những vấn đề giống như của chúng ta. Sau khi đã phân biệt ba loại tính “thiện” là thiện tâm, thiện xác, và thiện cảnh, họ lại thắc mắc liệu khái niệm “thiện” ấy có tồn tại thành ba thứ như thế không, hay thật ra chỉ ở tâm. Họ cũng tranh cãi về những thứ như đức hạnh và khoái lạc. Nhưng chủ đề chính mà họ thường thảo luận là

bản chất của hạnh phúc con người – nó phụ thuộc vào yếu tố gì hoặc những yếu tố gì? Trong vấn đề này, họ có vẻ thiên quá nhiều về quan điểm hưởng lạc, vì theo họ thì hạnh phúc của con người phần lớn hoặc hoàn toàn là khoái lạc. Một điều ngạc nhiên là họ lại bảo vệ cái thuyết hưởng lạc ấy bằng những lý lẽ rút ra từ tôn giáo – một thứ thường gắn liền với một quan niệm nghiêm túc hơn về cuộc sống, nếu không muốn nói là tư tưởng khổ hạnh buồn thảm. Trong tất cả những cuộc thảo luận về hạnh phúc, họ đều lấy những nguyên lý tôn giáo cụ thể để bổ sung cho lý lẽ của họ, và cho rằng nếu không thế thì không thể nhận dạng được hạnh phúc đích thực.

Cái nguyên lý thứ nhất là mọi linh hồn đều bất tử, và đều do một thượng đế lòng lành tạo tác nên, và Ngài chỉ muốn cho linh hồn đó được hạnh phúc. Nguyên lý thứ hai là ta sẽ được ban thưởng hoặc trừng phạt khi sang thế giới bên kia vì những điều thiện hoặc điều ác mà ta gây ra ở những thế giới này. Mặc dù đây là những nguyên lý tôn giáo, người Utopia vẫn thấy có những cơ sở duy lý để chấp nhận chúng, thì cứ thử giả dụ là ta không chấp nhận chúng mà xem. Nếu thế họ nói, bất kỳ thằng ngốc nào cũng có thể bảo ta phải làm gì. Hãy cứ xả lảng theo đuổi khoái lạc bất kể đúng sai. Chỉ cần làm sao cho những khoái lạc nhỏ không làm hỏng những khoái lạc lớn, và tránh những khoái lạc có hậu họa đau đớn mà thôi. Bởi có nghĩa gì đâu trong việc đấu tranh để giữ tiết hạnh, không dám vui thú, cố tình làm khổ bản thân, nếu chẳng hy vọng chúng sẽ đem lại cái gì? Và còn có thể hy vọng gì kia chứ, ngoài những phần thưởng sẽ đến trong thế giới bên kia đền bù cho cuộc sống thậm khốn khổ này?

Cũng không phải họ coi mọi thứ khoái lạc đều là hạnh phúc – mà chỉ là những khoái lạc thanh cao mà thôi. Mà họ cũng không đánh đồng hạnh phúc với phẩm hạnh – trừ khi họ theo một trường phái tư tưởng hoàn toàn khác biệt. Theo quan niệm bình thường của họ thì hạnh phúc là một phần-thưởng-lớn mà ai cũng thích và chỉ có thể có nhờ phẩm hạnh. Mà phẩm hạnh thì họ định nghĩa là làm theo những thôi thúc tự nhiên như chính Thượng đế muốn ta làm như vậy. nó bao gồm cả việc nghe theo cái bản năng hợp lý trong những cái thích và không thích của chúng ta. Và lý lẽ cũng dạy chúng ta trước hết phải biết kính yêu Thượng đế toàn năng, người đã cho chúng ta cuộc sống và khả năng được hưởng hạnh phúc, và thứ nữa là phải biết vui hưởng cuộc sống này và giúp đồng loại cũng được như vậy.

Thực tế là ngay cả một người khổ hạnh nghiêm khắc nhất cũng thường không nhất quán cho lắm khi lên án khoái lạc. Người đó có thể kết án bạn khổ sai chung thân, không cho

ngủ yên, phải hàng ngày gian khổ, nhưng cũng sẽ khuyên bạn phải hết sức giảm nhẹ những đau khổ của người khác. Ông ta sẽ coi mọi ý định muốn cải thiện hoàn cảnh nhân sinh là những hành động nhân đạo đáng được hoan nghênh – bởi rõ ràng không có gì nhân đạo hoặc tự nhiên hơn đối với một con người bằng việc xoa dịu những nỗi đau của người khác, kết thúc nỗi khốn khổ của họ, khiến họ lại biết vui sống, nghĩa là trả lại cho họ cái khả năng khoái lạc. Vậy thì tại sao ta lại không làm tất cả những cái đó cho chính bản thân mình? Chẳng phải như thế cũng là nhân đạo và tự nhiên đó sao?

Nói cách khác, nếu vui hưởng cuộc sống, nghĩa là được trải nghiệm khoái lạc, mà là xấu, thì ta không nên giúp ai làm chuyện đó, mà phải tìm cách cứu cả nhân loại khỏi vòng khoái lạc. Còn nếu đã là cái gì đó tốt cho người, và không những ta có quyền được hưởng, mà lại còn phải có trách nhiệm giúp người khác được hưởng, thì việc phúc đức nào cũng cũng phải bắt đầu ngay từ trong nhà mới phải. Nói cho cùng, ta có nghĩa vụ với chính mình cũng như với người lân cận, và nếu Trời đã bảo phải tốt với người thì không lẽ nào Trời lại quay ngoắt lại để nói rằng ta phải ác với bản thân ta được. Do vậy mà người Utopia coi việc vui hưởng cuộc sống – nghĩa là khoái lạc – là mục đích tự nhiên của tất cả mọi gắng gỏi của con người, và phẩm hạnh chính là cải thiện tính tự nhiên vậy. Tuy nhiên, ông Trời cũng muốn chúng ta giúp nhau cùng vui hưởng cuộc sống, bởi một lẽ rất chí thiện rằng chẳng có một cá nhân nào có thể độc chiếm lòng từ ái của Ngài. Ngài chăm lo hạnh phúc cho từng cá thể của muôn loài. Chính vì thế mà Ngài dạy chúng ta phải làm sao đừng chỉ vì quyền lợi của riêng mình mà tổn hại đến quyền lợi của người khác.

Theo nguyên lý ấy họ tin rằng con người ở nhà thì cần tín nghĩa đối với nhau, mà ra ngoài xã hội thì cần chấp hành công pháp trong việc phân chia “sản phẩm” – nghĩa là những nguyên liệu của khoái lạc – với điều kiện những công pháp ấy phải do một thủ lĩnh thông sáng đặt ra một cách chính đáng, hoặc do toàn thể dân chúng đồng tình thông qua không có bất kỳ một hình thức ép buộc hoặc lừa bịp nào. Họ nói trong vòng những hạn định ấy, mỗi người được phép nghĩ đến quyền lợi của riêng mình, đồng thời cũng có nghĩa vụ đạo đức phải nghĩ đến quyền lợi của riêng mình, đồng thời cũng có nghĩa vụ đạo đức phải nghĩ đến quyền lợi của cả cộng đồng. Làm mất khoái lạc của người khác để có được khoái lạc cho riêng mình là sai, nhưng hy sinh một khoái lạc của mình để cho ai đó khác được khoái lạc là một hành động nhân ái sẽ mang lại cho ta được nhiều hơn là mất. Một mặt, những hy sinh

ấy thường được đền bù bằng vật chất. mặc khác, nguyên cái cảm giác là mình vừa làm được một việc tốt lành cho ai đó và nhờ vậy mà có được tình cảm và thiện chí của họ sẽ cho ta một cảm giác mãn nguyện về tinh thần to lớn hơn nhiều so với cái mà ta đã hy sinh. Và cuối cùng – một niềm tin rất dễ hiểu đối với hững ai có tinh thần tôn giáo – là Thượng đế sẽ ban thưởng cho cái mất mát của những khoái lạc nho nhỏ nhất thời ấy bằng một niềm vui toàn hảo vĩnh hằng. Như vậy, họ biện luận rằng xét cho đến cùng thì khoái lạc là niềm hạnh phúc tối hậu mà tất cả loài người đều theo đuổi, ngay cả khi họ hành động theo những phẩm hạnh khắt khe nhất.

Họ định nghĩa khoái lạc là bất cứ trạng thái hoặc hoạt động nào, thể xác hoặc tinh thần, khiến cho ta vui sướng “một cách tự nhiên”. Theo họ, chúng ta được thôi thúc bởi lý trí cũng như bản năng để vui sướng một cách tự nhiên mà không làm hại đến ai, không cản trở những khoái lạc lớn lao hơn, hoặc gây di hại gì. Nhưng loài người lại bảo nhau cùng tham gia một âm mưu ngu xuẩn gọi nhiều thứ là khoái lạc mà thực ra chúng hoàn toàn không phải như thế “một cách tự nhiên”. Đây là một cuộc khủng hoảng về bản chất và tên gọi. Người Utopia tin rằng điều này đã không giúp gì cho việc mưu tìm hạnh phúc, mà còn làm cho hạnh phúc trở thành bất khả, bởi lẽ khi đã quen ngộ nhận như vậy, ta sẽ mất hết khả năng khoái lạc thực sự mà chỉ còn biết bị ám ảnh với những ảo dạng của khoái lạc. Những ảo dạng này tự chúng không có gì là vui thú – mà thực sự hầu hết chúng là hoàn toàn khó chịu. Nhưng chúng có sức hấp dẫn những thị hiếu bệnh hoạn mạnh đến nỗi người ta không những đã coi chúng là những khoái lạc chính của cuộc sống, mà còn là những lý do quan trọng nhất của cuộc sinh tồn vậy.

Trong số những kẻ mắc nghiện những ảo dạng khoái lạc ấy có loại mà tôi đã nhắc đến trước đây, thường coi mình là hơn người bởi vì áo quần của mình đẹp hơn. Họ nghĩ sai hết cả về quần áo cũng như bản thân họ. Thực tế mà xét, tại sao mặc đồ len mịn lại hơn đồ đen thô? Nhưng đầu óc họ lại bị ám ảnh rằng len mịn tất nhiên là phải tốt hơn, và mặc nó thế nào cũng làm cho con người họ có giá trị hơn. Và thế là họ cảm thấy có quyền được trọng vọng nhiều hơn trong bộ đồ len mịn, và sẽ rất bất bình khi không được mặc loại đồ ấy. Nói đến trọng vọng, chẳng phải cũng ngu xuẩn không kém khi gán ý nghĩa trọng thị cho những cử chỉ trống rỗng chẳng có tí ích lợi gì cho ai sao? Như lối ngả mũ và quì gối khuyu chân chẳng hạn. có khoái lạc gì khi nhìn một mái đầu trần hoặc một cái gối khuyu như thế? Nó có

chứa được chứng phong thấp ở đầu gối của chính ta hoặc làm cho ta tỉnh táo hơn được chăng? Đương nhiên là những kẻ sùng tín lối khoái lạc giả tạo ấy đều tự hào vì tính cách “quý tộc” của họ, mặc dù bây giờ thì nó chỉ có hàm ý rằng họ đã ngẫu nhiên sinh trưởng trong một gia đình nhiều đời giàu có, nhất là về điền sản. nhưng ngay cả khi họ không được thừa hưởng những điền sản ấy hoặc đã được rồi lại phá tàn hết, họ vẫn tự cảm thấy mình là quý tộc từ đầu đến chân.

Thế rồi còn một loại người nữa tôi cũng đã nhắc đến trước đây, là loại say mê đồ châu báu ngọc ngà. Họ thực sự cảm thấy mình là siêu nhân nếu có thể sở hữu được một viên ngọc hiếm hoi, nhất là nếu nó thuộc loại đặc biệt quý hiếm ở bản quốc của họ lúc bấy giờ - bởi lẽ giá trị của những thứ ấy là mỗi nơi và mỗi lúc một khác. Nhưng chỉ nhìn bên ngoài thôi thì họ rất sợ bị nhầm, cho nên trước khi mua bất kì một viên ngọc nào họ cũng đòi phải gỡ nó hẳn ra khỏi mọi thứ vòng cấn vàng bạc để kiểm tra nó trong tình trạng trần trụi. Mà thế cũng vẫn chưa yên tâm, họ sẽ đồng ý mua khi người bán phải viết giấy cam đoan rằng hòn đá đó là ngọc thật. Nhưng tôi xin hỏi quý ngài thân mến, nếu ngài không thể nào phân biệt được thật giả như vậy thì tại sao ngọc giả lại không làm cho ngài thấy khoái lạc? Với ngài thì cũng như với người mù, nó có khác gì ngọc thật đâu!

Bây giờ lại nói đến những người thích tích trữ của nả chỉ để nhìn cho sướng mắt chứ chẳng vì mục đích gì tốt đẹp hơn. Cái khoái lạc của họ có đích thực không, hay đó chỉ là một ảo giác? Loại cực đoan trong số họ lại còn chôn giấu hết vàng bạc của mình để không bao giờ nhìn thấy chúng nữa. Quả thực, họ đã cố tình để mất chúng để khỏi phải lo sẽ có thể bị mất chúng - bởi vì chính là mất chứ còn gì nữa, khi đem chôn hết xuống đất, nơi mà chúng chẳng còn có ích lợi gì cho họ nữa, và có thể sẽ chẳng bao giờ có ích lợi gì cho ai khác. Ấy vậy mà họ thấy cực kì hạnh phúc khi đem vàng bạc đi chôn giấu như vậy. Xong xuôi rồi, họ mới hết lo lắng, có vẻ thế. Nhưng thử nghĩ xem nếu chỗ vàng bạc ấy bị lấy trộm và mười năm sau người chủ cũng qua đời mà vẫn không biết chúng đã không còn ở đó nữa - chẳng phải là ông ta đã mất chúng trong suốt mười năm ấy hay không? Có hay không có trong suốt thời gian ấy thì có khác gì với ông ta?

Những khoái lạc mà người Utopia coi là ngu xuẩn bao gồm trò cờ bạc - một thứ ngớ ngẩn mà họ có nghe nhưng không bao giờ chơi - và trò săn bắn dùng chó hoặc chim ưng. Họ không hiểu nổi thú vui ném con xúc xắc trên mặt bàn cờ của chúng ta; và tại sao lại có thể

chơi mãi cái trò ấy mà không chán? Còn đi săn, tại sao người ta lại có thể thấy vui khi nghe tiếng chó sủa và rú rít man rợ như vậy? Và tại sao người ta lại có thể thích nhìn chó rượt theo một con thỏ chứ không thích nhìn chó đuổi chó? Vì nếu ta thích xem chạy đuổi thì cả hai đều như nhau cả! Còn nếu như ta nhìn cảnh ấy để nghĩ đến cái chết, thì nhẽ ra ta phải thấy thương cảm và đau buồn chứ tại sao lại thấy khoái lạc khi nhìn một con vật vô hại, nhút nhát và nhỏ yếu như con thỏ bị cắn xé bởi một con vật khác to khỏe và hung dữ hơn!

Cho nên người Utopia coi săn bắn là không xứng đáng với một công dân tự do, và để việc đó cho những người đồ tể làm, là những người mà tôi đã nói trước đây, có thân phận nô lệ trong xã hội. Theo quan điểm của họ thì săn bắn là phần việc hạ cấp nhất trong nghề đồ tể. Một người đồ tể bình thường chỉ giết mổ gia súc khi cần thiết, còn kẻ đi săn thì giết và hành hạ những con vật nhỏ bé tội nghiệp chỉ để mua vui cho chính mình. Họ nói các giống vật cũng không có tính khát máu như vậy, trừ phi chúng có bản chất đặc biệt man dã, hoặc đã bị nuôi dùng để đi săn mãi cho đến khi biến thành man dã.

Có hàng trăm những thứ như thế mà chúng ta vẫn thường coi là khoái lạc, nhưng mọi người ở Utopia thì lại tin chắc rằng chúng chẳng có liên quan tí gì đến khoái lạc đích thực, bởi lẽ chúng đều không khoái lạc “một cách tự nhiên”. Xác tín ấy của họ cũng không hề bị lung lay khi ta biện hộ rằng những thứ đó chắc chắn là khoái lạc thật vì nếu không thì tại sao lại có nhiều người theo đuổi chúng đến thế. Họ nói đó chỉ là phản ứng chủ quan thuần túy có nguyên nhân từ những thói quen xấu vốn vẫn làm cho con người thích những thứ khó chịu hơn những thứ dễ chịu, hệt như tình trạng các bà chữa đôi khi bị mất khẩu vị và thấy đất thô với dầu hỏa ngon lành hơn cả mật ong vậy. Nhưng cho dù cảm giác của người ta có bị thói quen và sức khỏe làm méo mó đến đâu đi nữa, bản chất của khoái lạc, cũng như của mọi thứ khác, vẫn không thay đổi.

Họ phân biệt khoái lạc đích thực thành hai chủng loại: tinh thần và vật chất. Khoái lạc tinh thần bao gồm cảm giác mãn nguyện nhờ thấu hiểu được điều gì đó, hoặc nhờ những suy ngẫm về chân lý. Nó cũng bao gồm cả những ký ức về một cuộc đời đã được sống một cách đúng đắn, và lòng tin vào những sự tốt lành sắp đến. Khoái lạc vật chất lại được chia làm hai loại. Thứ nhất là những cái khiến cho toàn bộ cơ thể ta tràn đầy một cảm giác sung sướng. Đây có thể là kết quả của việc thay thế những vật chất đã bị thân nhiệt tiêu hủy hết, như khi ta ăn hoặc uống. Và cũng có thể là kết quả của việc tổng khứ hết những ứ thừa

trong cơ thể, như khi bài tiết, giao hợp , hoặc cảm giác hết ngứa ngáy bồn chồn khi được xoa bóp hoặc gãi ngứa. Tuy nhiên, cũng có những khoái lạc không do thỏa mãn bất kì một nhu cầu cơ thể nào hoặc giải tỏa một khó chịu nào. Chúng tác động, một cách huyền bí nhưng không thể nhầm lẫn được, trực tiếp vào các giác quan của ta, và điều khiển toàn bộ những phản ứng của chúng. Ví dụ như khoái lạc âm nhạc.

Loại khoái lạc vật chất thứ hai của họ bắt nguồn từ những hoạt động thường xuyên và êm ả của các chức phận cơ thể - tức là từ trạng thái sức khỏe không bị bất kì một trục trặc nhỏ nào quấy nhiễu. Không bị một khó chịu gì về tinh thần, tình trạng cơ thể như thế cũng đủ cho ta một cảm giác khoan khoái không cần phải có những khoái lạc từ bên ngoài. Tất nhiên, thứ khoái lạc này ít lộ liễu và không gây được sự chú ý mạnh mẽ như những thú vui thô thiển hơn như ăn và uống, nhưng người ta vẫn thường coi nó là niềm khoái lạc lớn lao nhất trên đời. Tất cả người dân Utopia đều đồng ý với nhau rằng đó là khoái lạc rất quan trọng, vì nó là cơ sở cho tất cả mọi khoái lạc khác. Chỉ nguyên một mình nó thôi cũng đủ làm cho ta vui sống, và nếu thiếu nó thì không thể có được khoái lạc gì khác. Tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần là không bị đau đớn chứ vẫn chưa phải là có sức khỏe tích cực thì họ chỉ gọi đó là êm ả chứ chưa phải là khoái lạc.

Có những triết gia thường lập luận rằng một trạng thái sức khỏe an nhiên đều đặn không thể được gọi là sự khoái lạc vì sự tồn tại của nó chỉ được phát hiện khi có tình trạng ngược lại xảy ra – thừa vâng, họ đã đi rất sâu vào toàn bộ vấn đề này. Nhưng cái lý thuyết đó đã bị đổ bể từ lâu rồi, và ngày nay hầu hết mọi người đều đã theo quan niệm cho rằng sức khỏe dứt khoát là một khoái lạc. Quan niệm này lập luận như sau: bệnh tật dấn lú tới đau đớn, vốn là đối cực của khoái lạc, và bệnh tật là đối cực của sức khỏe, vậy thì sức khỏe phải có dấn lú đến khoái lạc. Họ nghĩ dù ta có nói bệnh tật dấn lú đến hay bệnh tật là đau đớn thì cũng thế thôi. Đằng nào thì cũng đi đến cùng một thứ. Tương tự như thế, dù nói sức khỏe là khoái lạc hay sẽ sinh ra khoái lạc, dứt khoát như lửa sinh ra nhiệt, thì vẫn cứ hoàn toàn hợp logic khi cho rằng nếu ta thường xuyên khỏe mạnh thì nhất định ta sẽ có khoái lạc vậy.

Ngoài ra, họ còn nói rằng khi ta ăn uống, điều thực sự sẽ diễn ra là như sau: sức khỏe đang yếu đi của ta sẽ sử dụng đồ ăn uống ấy như một đồng minh để đánh lui những đợt tấn công của cái đói. Nó dần dần thắng thế, và chính là trong quá trình giành lại được sức mạnh

thường có của mình mà nó trải nghiệm được một cảm thức vui sướng khiến chúng ta thấy rất khoan khoái. Vậy thì, nếu sức khỏe thấy khoái lạc khi chiến đấu như thế, thì tại sao nó lại không thấy khoái lạc khi đã giành chiến thắng? Chẳng nhẽ ta lại giả định rằng khi nó đã giành lại sức mạnh vốn có của mình – là thứ duy nhất mà nó đã phải chiến đấu giành giật trong suốt thời gian ấy – sức khỏe lại lập tức rơi vào trạng thái hôn mê, và không còn nhận thấy hoặc tận dụng hết thành quả của chính mình? Còn đối với ý tưởng cho rằng người ta chỉ ý thức được là mình đang cảm thấy khỏe mạnh, trừ khi đang trong giấc ngủ hoặc đang ốm đau mệt mỏi. Ngay cả người ít nhạy cảm nhất và vô tình nhất cũng công nhận rằng khỏe mạnh là sung sướng – mà sung sướng là gì nếu không phải là một triệu chứng của khoái lạc?

Họ đặc biệt thích những khoái lạc tinh thần mà họ coi là quan trọng bậc nhất, và chủ yếu tìm kiếm chúng trong những hành vi chí thiện và một lương tâm trong sạch. Khoái lạc vật chất ưa thích nhất của họ là sức khỏe. Tất nhiên, họ vẫn thấy vui thú trong ăn uống và nhiều thứ khác, nhưng tuyệt đối chỉ vì quyền lợi của sức khỏe, vì họ không coi những thú vui kia là những khoái lạc tự thân, mà chỉ là những phương pháp chống lại thâm nhập của bệnh tật mà thôi. Họ nói rằng một người nhạy cảm và có lí luôn coi trọng việc giữ gìn sức khỏe hơn là uống thuốc, và thích tự thân vận động hơn là được người khác an ủi. Theo nguyên lý này, người ta thà không cần một thứ khoái lạc này chứ không để mình bị nghiền nó. Bởi vì nếu ta nghĩ rằng cái thứ đó sẽ làm ta hạnh phúc, ta sẽ phải công nhận rằng niềm hoan lạc hoàn hảo của ta sẽ là suốt đời phải đói, khát, ngứa ngáy, để rồi có cơ hội ăn, uống, xoa, gãi – và rõ ràng là một cuộc đời như vậy sẽ vừa khó chịu nhất mà cũng đáng kinh tởm nhất. hiển nhiên là những khoái lạc này được liệt vào cuối bảng, bởi chúng thật sự không tinh khiết. Ví dụ như khoái lạc ăn uống bao giờ cũng bị pha tạp với cảm giác đau đớn của cái đói. Và lại không đồng đều nhau – vì đau đớn của cái đói vừa mạnh mẽ hơn vừa dai dẳng hơn. Nó bắt đầu trước khoái lạc, và chỉ kết thúc khi khoái lạc đã kết thúc.

Như vậy là họ không coi trọng lắm những khoái lạc như thế, trừ phi chúng trở thành cần thiết. Nhưng họ vẫn ân hưởng chúng như thường, và cảm thấy một lòng biết ơn sâu sắc đối với Mẹ Thiên Nhiên vì đã khích lệ con cái mẹ phải làm những thứ cần phải làm thường xuyên như thế bằng cách khiến cho chúng hấp dẫn như thế. Hãy cứ tưởng tượng xem cuộc sống sẽ buồn thảm biết bao nếu những chứng bệnh kinh niên kia, những đói khát kia, sẽ có

thể chữa trị chỉ bằng những liều thuốc đắng như đối với những chứng bệnh hiểm nghèo khác!

Họ gán những giá trị lớn lao cho các món quà tặng của thiên nhiên cho con người như sắc đẹp, sức mạnh và sự nhanh trí. Họ cũng rất nhạy bén với các khoái lạc của nhãn giác, thính giác và khứu giác, vốn chỉ con người mới có – bởi không có một giống loài nào khác biết thưởng thức và khâm phục vẻ đẹp của thế giới, ân hưởng một mùi hương, trừ khi chỉ biết đến chúng như một phương tiện để tìm kiếm thức ăn, hoặc biết phân biệt giữa hòa âm và nghịch âm. Họ nói những cái đó làm cho cuộc sống giàu có sang trọng hơn.

Tuy nhiên, trong tất cả những lĩnh vực ấy, họ luôn luôn tuân thủ một quy tắc rằng những khoái lạc nhỏ không được can thiệp vào những khoái lạc lớn, và rằng khoái lạc không được gây ra đau đớn – điều mà họ tin là nhất định sẽ xảy ra nếu khoái lạc ấy là đạo đức. Nhưng họ không bao giờ tưởng đến chuyện khinh miệt vẻ đẹp của chính mình, lạm dụng sức mạnh của mình, biến sự nhanh trí của mình thành sự ì quán tính, làm tàn tạ cơ thể mình bằng cách nhịn ăn, phá hoại sức khỏe mình, hoặc chối bỏ bất kỳ một món quà nào khác của Thiên nhiên với hy vọng sẽ nhận được những khoái lạc lớn lao hơn từ Thượng đế. Bởi lẽ họ thấy thật hoàn toàn vô nghĩa khi phải tự hành hạ mình nhân danh một phẩm hạnh nào đó không có thật và cũng chẳng có ích gì cho ai, hoặc chỉ để gồng mình chống lại những hiểm họa có thể chẳng bao giờ xảy đến.

Tóm lại, đó là lý thuyết đạo đức của họ, và mặc dù chẳng có một khái huyền linh thiêng nào trong lý thuyết ấy, họ vẫn cho rằng trí tuệ loài người vẫn chưa nghĩ ra được một cái gì hay hơn thế. Chúng ta không có thời gian để bàn xem liệu nó đúng sai phải trái thế nào – mà cũng không cần làm việc ấy, vì ở đây tôi chỉ muốn mô tả lại lối sống của họ chứ không bênh vực gì cho họ cả.

Nhưng có một điều tôi hoàn toàn có thể nói chắc. cho dù bạn có thể nghĩ thế nào về các học thuyết của họ, bạn sẽ không thể tìm thấy một đất nước nào thịnh vượng hơn hoặc một nhóm người nào xuất sắc hơn họ khắp dưới gầm trời này. Về thể chất, họ rất năng động, hăng hái, và khỏe mạnh hơn nhiều so với cảm giác của ta về chiều cao của họ - mặc dù cũng không thể gọi họ là thấp bé. Đất đai của họ không phải lúc nào cũng màu mỡ, và khí hậu cũng không phải là hoàn toàn thuận lợi, nhưng nhờ một chế độ dinh dưỡng cân bằng mà họ

xây dựng được sức đề kháng của mình chống lại những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, và bằng công việc canh tác rất chu đáo, họ đã chinh đốn được những khiếm khuyết của đất đai. Kết quả là họ đã phá vỡ mọi kỷ lục về sản xuất ngô và chăn nuôi gia súc, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất. Như vậy là với những phương pháp khoa học, họ đã làm nên những điều thần kỳ ở một vùng thiên nhiên vốn nghèo nàn cạn kiệt. Mà không phải họ chỉ giỏi về nông nghiệp đơn thuần. Họ đã từng nhổ hết cả những cánh rừng lớn và trồng lại chúng ở địa điểm khác, không phải để tăng năng suất, mà để việc chuyên chở gỗ cây được thuận tiện hơn bằng cách mang rừng ra gần biển, gần sông hoặc gần thành phố - vì vận tải gỗ không dễ dàng như vận tải ngô. Bản thân con người họ thì vừa thân thiện vừa thông minh, và đều có tính hài hước rất thú vị. Mặc dù rất thích thư giãn an nhàn, họ vẫn có khả năng làm những việc nặng nhọc khi cần thiết. Còn không thì họ cũng chẳng mấy thiết tha gì việc chân tay. Nhưng hoạt động trí óc thì họ không bao giờ biết mệt.

Khi tôi kể cho họ nghe về văn học và triết học Hy Lạp – vì tôi nghĩ cũng chẳng có gì có thể làm cho họ quan tâm bằng tiếng Latin – lập tức họ nôn nóng muốn được nghiên cứu các văn bản gốc dưới sự hướng dẫn của tôi. Thế là tôi bắt đầu lên lớp cho họ, lúc đầu là chỉ vì không muốn từ chối chứ cũng chẳng phải là tôi nghĩ việc ấy sẽ đi đến đâu. Nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận ra ngay rằng nỗ lực của mình sẽ không uống tí nào với những học trò chăm chỉ đến như vậy. Họ học chữ cái và phát âm rất dễ dàng, thuộc mọi thứ rất nhanh và nhắc lại rất chính xác đến nỗi tôi tưởng như có phép lạ. Sau tôi mới vỡ lẽ rằng những người xin học và được phép đến lớp của tôi đều là những học giả chín chắn và xuất sắc cả. Cho nên chưa đến ba năm họ đã biết tiếng Hy Lạp một cách hoàn hảo, và có thể đọc thành thạo bất kì một tác giả nào từ đầu đến cuối, chỉ trừ những trang nào bị thất lạc mới đành chịu.

Suy đoán của tôi là tiếng Hy Lạp có lẽ có liên hệ gì đó tự nhiên với họ cho nên họ mới học dễ dàng như thế. Bạn thấy đấy, tôi không thể không nghĩ rằng họ phải có quan hệ huyết thống gì đó với người Hy Lạp, vì ngôn ngữ của họ, mặc dù giống tiếng Ba Tư hơn, vẫn chứa đựng nhiều dấu vết của tiếng Hy Lạp trong các địa danh và chức danh. Tôi đưa cho họ rất nhiều văn bản Hy Lạp – bởi vì khi bắt đầu chuyến du hành thứ tư ấy tôi đã dự định sẽ đi thật lâu và cũng chưa chắc đã trở về, cho nên đáng nhẽ phải đem theo nhiều thứ để bán thì

tôi lại mang lên thuyền một thùng lớn chứa đầy sách. Tôi cho họ đọc hầu hết tác phẩm của Plato, của Aristote còn nhiều hơn, và sách về thực vật học của Theophrastus – nhưng cuốn này, thật đáng buồn, lại bị trong tình trạng khá tồi tệ, vì khi còn ở trên tàu tôi đã vô ý để nó vạ vật ở ngoài và một con khỉ đã vớ được nó. Con khỉ ấy đã đùa nghịch bằng cách giật trang này trang kia ra và xé chúng thành từng mảnh. Cuốn ngữ pháp duy nhất của tôi có và đưa cho họ đọc là cuốn của Lascaris, vì tôi quên không đem theo cuốn của Theodorus, còn từ điển thì họ chỉ có hai cuốn của Hesychius và Dioscorides. Họ cũng được đọc Plutarch, là tác giả mà họ ưa thích nhất, và Lucian, mà họ coi là rất thú vị và sáng khoái. Các nhà thơ thì họ được đọc của Aristophanes, Homer, và Euripides – à vâng, cả Sophocles nữa – trong một ấn bản khổ nhỏ của nhà sách Aldine, và các sử gia thì họ được Thucydides và Herodotus, đó là chưa kể đến Herodianus.

Anh bạn Tommy Rot của tôi cũng mang theo một số sách giáo khoa y học, và một vài tác phẩm ngắn của Hippocrates, và cuốn Cẩm nang của Galen. Người Utopia đánh giá rất cao những sách này, vì mặc dù không có ai trên thế giới này ít cần đến y học như họ, nhưng cũng không có ai coi trọng y học bằng họ. Họ coi y học là một trong những bộ môn khoa học quan trọng và thú vị bậc nhất – và như họ quan niệm, việc nghiên cứu thiên nhiên một cách khoa học không những là một quá trình thú vị nhất, mà còn là cách hay nhất để làm hài lòng Đấng sáng tạo. Bởi họ nghĩ Ngài có những phản ứng bình thường của một nhà nghệ sỹ. Sau khi đã làm ra cả một hệ thống vũ trụ tuyệt vời này và bày chúng cho con người chiêm ngưỡng – vì chẳng có giống loài nào khác có khả năng ấy – chắc hẳn là Ngài phải thích loại người biết xem xét nó một cách tường tận và thực sự khâm phục tác phẩm của Ngài hơn là loại không hề để ý gì đến nó, và giống như những loài vật hạ đẳng khác, chẳng có tí ấn tượng gì trước toàn bộ cảnh trí hoành tráng và đầy kinh ngạc đến thế.

Bằng cách áp dụng trí thông minh được huấn luyện của họ vào các nghiên cứu khoa học, người Utopia trở nên rất giỏi trong việc phát minh những thứ cần thiết trong cuộc sống hàng ngày. Tuy thế, có hai phát minh họ phải nợ chúng ta, cho dù trong việc này họ cũng vẫn đang được ghi nhận có nhiều đóng góp. Ngay khi chúng tôi cho họ xem mấy cuốn sách do Aldus ấn hành, và nói chút ít về nghề in và nghề làm giấy – chúng tôi không thể giải thích chi tiết cho họ vì chẳng có ai biết nhiều về hai nghề này – họ lập tức có những đoán định rất sắc bén về quá trình kỹ thuật của hai việc đó. Cho đến lúc ấy, họ chỉ làm ra những bản viết

trên da thuộc, vỏ cây hoặc mo papyrus, nhưng nay thì họ bắt đầu sản xuất giấy, và dùng con chữ để in. Lúc đầu họ cũng chưa thành công ngay, nhưng sau nhiều thí điểm, chẳng mấy chốc họ đã làm chủ được cả hai qui trình kỹ thuật một cách thẫu đáo đến nỗi nếu không vì thiếu văn bản gốc thì có lẽ họ đã cho in hết sách vở Hy Lạp rồi. Như tôi đã nói, họ chỉ có những sách tôi đem theo, nhưng tất cả những sách này đã được họ in lại với nghìn nghìn ấn bản.

Họ tiếp đãi khách ngoại quốc rất nhiệt tình nếu những người này giới thiệu được cho họ những tài khéo đặc biệt, hoặc đã đi nhiều và biết nhiều về các xứ sở khác nhau. Đó là lí do tại sao họ rất mừng được gặp chúng tôi, vì họ rất thích được nghe về những gì đang diễn ra ở các nơi khác trên thế giới. Nhưng các thương gia thường ít bén mảng đến Utopia, vì ngoài vàng và bạc là những thứ họ rất thích kiếm được ở đó, thì người Utopia chỉ nhập khẩu có sắt mà thôi. Còn về xuất khẩu thì họ thích tự mình mang hàng đi chứ không để người khác đến mua, vì như thế họ mới có cơ hội tìm hiểu thế giới bên ngoài và thêm thuần thục nghề đi biển.

Nhân tiện cũng xin nói rằng những nô lệ ở Utopia mà tôi có đôi khi nhắc đến, và chắc bạn cũng có thể đoán thế, đều không phải là tù binh chiến tranh, để ra đã là nô lệ, hoặc được mua về từ các chợ nô lệ ngoại quốc. Họ đều là các tội đồ người Utopia, hoặc nhiều hơn nữa là các tội nhân đã bị kết án ở các nước khác được đưa về Utopia từng đợt rất đông, có khi là mua về với giá rất rẻ, nhưng thường là nhận về không mất đồng nào. Cả hai loại nô lệ này đều phải làm việc nặng hoặc xích thành từng toán, nhưng là người Utopia thì bị đối xử khắc nghiệt hơn là người ngoại quốc. Cái lí ở đây là nếu anh đã được sinh ra và lớn lên với những điều kiện học hành tốt nhất và một môi trường giáo dục đạo đức chu đáo nhất mà vẫn còn cố tình phạm tội thì hình phạt nhất định là phải nghiêm khắc hơn.

Còn một loại nô lệ khác nữa là những người lao động ngoại quốc tình nguyện sang Utopia làm nô lệ chứ không muốn sống khổ nhọc ở quê nhà. Những người này được đối xử tử tế và được tôn trọng chẳng khác mấy so với các công dân Utopia, nhưng họ phải làm việc nhiều và nặng nhọc hơn, cũng bởi vì họ đã quen như vậy. Nếu những nô lệ này muốn trở về quê quán – việt này ít khi có – họ được hoàn toàn tự do làm theo ý nguyện, và còn được nhận một món tiền nhỏ làm quà tặng nữa.

Như tôi đã nói, khi ốm đau, họ được chăm nom hết sức chu đáo, và được chu cấp mọi thứ thuốc men cũng như đồ ăn thức uống đặc biệt cần cho sự bình phục của mình. Với những trường hợp tàn phế, hộ lý cố an ủi họ bằng cách thường ở bên cạnh và chuyện trò với họ, và làm mọi cách để giảm nhẹ những triệu chứng của họ. Nhưng nếu, ngoài tình trạng vô phương cứu chữa, căn bệnh ấy còn hành hạ bệnh nhân bằng những đau đớn khôn nguôi, sẽ có vài mục sư và quan chức chính phủ đến thăm bệnh nhân đó và nói đại “Ta hãy can đảm nhìn nhận thực tế, bạn sẽ không bao giờ có một cuộc sống bình thường được nữa. bạn chỉ là mối phiền hà cho người khác và một gánh nặng cho chính bạn – thực tế là bạn tồn tại những cũng chẳng khác gì đã chết. Vậy tại sao phải tiếp tục nằm đây cho vi trùng đục ruỗng mình nữa? Cuộc đời đã khốn khổ đến vậy, sao còn nấn ná làm chi? Bạn đang là tù nhân trong một phòng tra tấn, sao không vượt thoát ra ngoài để tìm về một cõi tốt lành hơn? Chỉ cần bạn ngỏ lời, chúng tôi sẽ thu xếp cho bạn được giải thoát. Lẽ thường ai chẳng muốn được nhẹ nhàng. Và nghe theo lời khuyên này của một giám mục cũng là ngoan đạo, vì lời ngài nói cũng là lời của Thượng đế.”

Nếu bệnh nhân đó thuận theo những lí lẽ này, anh ta sẽ hoặc là tự nhin ăn cho đến chết, hoặc nhận uống mấy liều ngủ để tự chấm dứt thân phận đau đớn của mình. Nhưng việc này là tuyệt đối tự nguyện. Nếu bệnh nhân vẫn muốn sống, tất cả mọi người sẽ vẫn tiếp tục từ ái chăm sóc anh ta như trước. Chết tự nguyện có sự đồng ý chính thức như vậy được coi là cái chết danh dự - nhưng nếu bạn tự sát vì những lí do mà các mục sư và Hội đồng Thành Phố coi là không thích đáng, bạn sẽ mất quyền được chôn cất hoặc hỏa thiêu, và thi thể bạn sẽ bị quẳng xuống một cái ao mà không có một nghi thức gì kèm theo hết.

Con gái không được lấy chồng trước 18 tuổi – con trai lại còn phải đợi thêm bốn năm nữa. Trai gái mắc tội ăn nằm với nhau trước khi cưới sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc, và mãi mãi mất quyền hôn nhân, trừ phi được đích thân ông Thị trưởng ân xá. Người đàn ông và đàn bà là chủ hộ gia đình có những chuyện như vậy xảy ra cũng bị xã hội bêu xấu vì đã không làm tròn trách nhiệm của mình. Người Utopia đặc biệt nghiêm khắc với chuyện này, vì họ tin rằng sẽ có rất ít người muốn lấy vợ lấy chồng – là việc cả đời sẽ phải sống với một người và chịu đựng đủ mọi cái khó chịu của tình trạng ấy – nếu việc giao hợp ngoài hôn nhân không bị cấm đoán triệt để.

Khi muốn lấy nhau, họ làm một chuyện mà chúng ta sẽ cho là rất vô lý nhưng với họ lại là rất nghiêm chỉnh. Cô dâu tương lai, bất kể vẫn chưa chồng hay đã là một góa phụ, sẽ trình diện hoàn toàn trần truồng trước mặt chú rể tương lai dưới sự dẫn dắt của một phu nhân đáng kính. Khi chúng tôi cười phá lên vì thấy phong tục đó có vẻ rất vớ vẩn thì họ lập tức dùng ngay lối nghĩ ấy của chúng tôi để nhạo lại chúng tôi.

“Cái mà chúng tôi thấy rất lạ”, họ nói, “ là cách thu xếp rất ngớ ngẩn cho những chuyện như thế này ở cách nước khác trên thế giới. Khi các bạn muốn mua một con ngựa, là một việc chẳng có rủi ro gì lắm ngoài một số tiền nhỏ, các bạn thường thận trọng đủ đường. Con ngựa thì đã trần truồng rồi, nhưng nhất định các bạn phải bắt tháo hết yên cương để kiểm tra thật kỹ xem nó có bị xây xước gì ở đâu không. Còn khi các bạn chọn một người vợ, là một thứ mà xấu tốt gì các bạn cũng sẽ phải chấp nhận suốt cả cuộc đời, thì các bạn lại cầu thả một cách không thể tưởng tượng được. Các bạn không thèm mở gói ra xem. Các bạn đánh giá cả một người đàn bà chỉ qua vài chục phân vuông ở bộ mặt, là cái duy nhất nhìn thấy được, rồi cứ thế cưới người ta – và sau này có thấy người đó khó chịu đến mấy thì cũng vẫn phải chịu. Tất nhiên là nếu các bạn chỉ quan tâm đến phần tiết hạnh thôi thì chẳng sao – nhưng chúng tôi thì không được cao đạo đến thế, và ngay cả những người cao đạo cũng thấy rằng khi cưới vợ thì một tấm thân đẹp đẽ sẽ là một bổ sung rất có ích cho một tâm hồn đẹp đẽ vậy. Những lớp váy áo kia chắc chắn có thể che giấu những xấu xí đủ để cho một ông chồng mất hết cảm tình với vợ mình khi đã quá muộn để có thể chia tay. Tất nhiên, nếu sau khi cưới rồi người vợ mới thành xấu xí thì anh chồng đành phải chịu chấp nhận số phận của mình thôi – nhưng ta cần phải có luật pháp bảo vệ chống lại những lừa dối trong hôn nhân mới là phải!”

Ở Utopia thì những thận trọng như vậy cũng cần thiết thật, vì không như các nước khác, họ sống theo lối một vợ một chồng rất nghiêm cần. Hầu hết các cặp vợ chồng đều chung thủy với nhau đến mãn đời. Trong trường hợp có chuyện ngoại tình hoặc cư xử với nhau không tốt, bên vô tội sẽ có thể được Hội đồng cho phép đi lấy người khác, còn bên có tội sẽ bị ô nhục, và kết án phải độc thân cho đến chết. Nhưng dù trong hoàn cảnh nào đi nữa thì chồng cũng không được phép li dị chỉ vì thấy vợ đã không còn được sắc nước hương trời như buổi ban đầu. Bên cạnh việc coi đây là một hành động tàn ác muốn ruồng bỏ một người đúng vào lúc người ấy cần phải được thông cảm và yêu thương nhất, họ còn tin rằng nếu

cho phép làm vậy thì xã hội không còn có đảm bảo gì nữa cho tuổi già vốn không những mang đến cho con người nhiều bệnh tật mà chính nó cũng là một chứng bệnh nhân sinh vậy.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng người ta cũng được phép li dị nếu cả hai đều muốn được chia tay vì không thể hòa hợp được với nhau, và mỗi người cũng đã tìm thấy một đối tượng khác có vẻ sẽ làm cho họ được hạnh phúc hơn. Trường hợp này đòi hỏi các thành viên Hội đồng Thành Phố và các bà vợ của họ phải đích thân điều tra thấu đáo trước khi cấp giấy phép ly hôn. Và Hội đồng Thành phố cũng vẫn rất miễn cưỡng khi phải làm chuyện này, vì họ tin rằng không có gì hại cho hôn nhân hơn là viễn cảnh của một cuộc li hôn dễ dàng.

Gian phu dâm phụ bị kết án phải làm những việc nô dịch khó chịu nhất. Nếu cả hai đều đã có vợ có chồng, hôn phu và hôn thê bị xúc phạm của họ có thể được phép li dị, và nếu muốn thì có thể được phép lấy nhau hoặc lấy người khác. Nhưng nếu họ vẫn yêu bạn đời mắc tội của mình, họ vẫn được phép là vợ hoặc chồng với nhau như xưa, nhưng phải tham gia làm nô dịch cùng nhau. Đã có nhiều trường hợp ông thị trưởng thấy xúc động vì sự ăn năn của bên có tội cũng như tấm lòng chung thủy của bên vô tội đến mức ông tha cho cả hai được tự do. Nhưng nếu tái phạm, dù chỉ một lần, sẽ đều bị án tử hình.

Nói chung luật pháp của họ không có những mức án cố định được qui định sẵn - Hội đồng ra án tùy theo từng vụ việc cụ thể. Chồng có trách nhiệm trừng phạt vợ, và bố mẹ có trách nhiệm trừng phạt con cái, chỉ khi nào sai phạm nghiêm trọng quá mới phải đưa ra chính quyền để bảo vệ quyền lợi đạo đức của xã hội. Mức hình phạt thường có cho những trọng tội là bắt làm nô lệ. Họ nói đối với một tội nhân thì tử hình hay phải làm nô lệ đều như nhau, mà làm nô lệ thì có ích hơn và cũng có tác dụng răn đe nhiều hơn. Tuy nhiên, nếu được đối xử như vậy mà tội nhân vẫn không chịu phục thiện và tuân thủ kỷ luật nhà tù, họ sẽ bị đem ra giết như những con dã thú. Còn những ai phục thiện thì không phải là không có hy vọng. sau khi đã thuần tính sau nhiều năm lao dịch, nếu họ có những biểu hiện thực sự hối hận, không phải cho bản thân mà cho chính những gì họ đã làm, họ sẽ được giảm án hoặc trắng án, lúc thì do quyết định kín đáo của thị trưởng, lúc thì do biểu quyết chung của Hội Đồng.

Có ý định cảm dỗ người thì cũng bị trừng phạt như là đã thực sự cảm dỗ người ấy. Tất cả mọi tội khác cũng vậy. Bất kì ai định cố tình phạm tội cũng đều bị luật pháp coi là đã phạm tội đó rồi. họ lập luận rằng bọn người ấy sở dĩ chưa phạm tội trong thực tế là chỉ vì đã thất bại trong ý đồ của chúng mà thôi, vậy tại sao phải tính điểm cho sự thất bại ấy rồi tha cho chúng?

Họ rất mến những người thiếu năng về tinh thần, và mặc dù xem chuyện lăng mạ những người này là xấu, họ lại coi việc cười đùa với những hành vi ngớ ngẩn kia là hoàn toàn bình thường. Nói thực, người ta còn mong bạn biết cười vui như vậy hơn nữa, vì nếu bạn không đủ tính hài hước để thấy có cái gì buồn cười trong những lời nói và cử chỉ của họ, thì rõ ràng bạn không phải là người thích hợp để chăm sóc họ. Nghĩa là nếu bạn không biết đánh giá họ như một nguồn vui vô thưởng vô phạt, là thứ duy nhất mà họ có thể đóng góp cho xã hội, thì thế nào bạn cũng sinh lòng ngược đãi họ.

Ấy thế nhưng nếu bạn cười ai chỉ vì người đó xấu xí hoặc dị dạng, mọi người sẽ chê cười bạn ngay lập tức. Bạn đã biến mình thành một thằng ngốc vì đã có cử chỉ hàm ý rằng người ta có thể đáng bị chê cười vì những cái mà mình không thể khắc phục được. Ta phải biết rằng trong khi người Utopia sẽ chê bạn là lười biếng nếu bạn không biết giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên của mình, họ lại có tính rất ghét trang điểm. Một gương mặt đẹp có thể đủ để bẫy một người đàn ông, song phải có cá tính và lòng nhân hậu mới giữ được anh ta.

Chế độ Utopia không chỉ chú trọng ngăn ngừa phạm tội mà còn khuyến khích thúc đẩy cái thiện bằng nhiều cách vinh danh những người tốt việc tốt. Ví dụ, họ cho dựng tượng ở những nơi công cộng của những người đã có những đóng góp xuất sắc cho cộng đồng, phần để ghi nhớ những thành quả của họ, phần để khích lệ các thế hệ sau hãy cố gắng hơn khi tưởng niệm những vinh quan của tiền nhân. Nhưng bất kì ai cố tình chạy chọt để được bầu vào một chức vụ chính quyền nào đó đều lập tức bị tước quyền tham chính cho đến mãn đời. Quan hệ xã hội thì ai nấy đều thân ái với nhau, vì quan chức không bao giờ có thái độ và cử chỉ kiêu sa nạt nộ. Họ được mệnh danh là “phụ mẫu” của thiên hạ, và họ xử sự đúng với vai trò làm cha làm mẹ của nhân dân của mình. Ai cũng tôn trọng họ đúng mức, nhưng không ai bị bắt buộc phải làm vậy. Bản thân ông thị trưởng cũng ăn mặc hệt như mọi người, không có tí mũ măng cân đai nào, mà chỉ có cái phù hiệu tượng trưng cho chức vụ của mình

là một túm ngô mà ông phải đeo bên mình - hết như một ông Giám mục phải đeo theo một cây nến chớp vầy.

Họ có rất ít luật lệ, bởi vì có một chế độ xã hội như của họ thì cần gì phải có nhiều luật lệ. Một trong những thứ họ vẫn chê trách nhiều nhất ở các nước khác là tình trạng luật lệ tràn lan, hết luật này đến luật nọ, rồi lại hằng hà sa số những văn bản dưới luật mà vẫn không lúc nào thấy đủ. Người Utopia tin rằng khi một người phải bị ràng buộc bởi một điều luật nào đó vừa dài dòng khó đọc vừa không thể hiểu nổi, thì đó chính là một điều bất công. Hơn những thế, họ không hề có những luật sư tinh vi và thông thạo đến từng vụ án hoặc từng chi tiết của luật pháp. Họ tin rằng tốt nhất là phải để cho mỗi người có quyền được biện hộ cho chính mình, và nói với luật sư thế nào thì nói với toà cũng hết như vậy. Có như vậy thì vấn đề mới đỡ bị méo mó mờ mịt đi, và còn dễ tìm ra sự thật. Khi không có ai nói dối theo lời khuyên của luật sư nữa thì toà mới có thể tập trung trí lực vào việc cân nhắc các dữ kiện của vụ việc, và mới có thể bảo vệ những người chất phác chống lại những âm mưu tinh vi của bọn xảo trá.

Cách làm ấy rất khó áp dụng ở các nước khác vì luật pháp ở các nước này đều quá công kênh và phức tạp. Nhưng ở Utopia thì ai cũng là chuyên gia luật pháp cả bởi một lí do đơn giản mà tôi nói rồi, là họ có rất ít luật, và cách hiểu luật thô thiển nhất bao giờ cũng được coi là đúng đắn nhất. Họ nói mục đích duy nhất của luật pháp là nhắc nhở người dân về những nghĩa vụ của họ. Cho nên luật càng tinh vi khó hiểu bao nhiêu thì càng kém tác dụng bấy nhiêu, bởi sẽ càng ít người hiểu được chúng, còn hễ đã đơn giản rõ ràng thì ai cũng hiểu được ngay lập tức. Cho nên xét theo quan điểm của quảng đại quần chúng, là bộ phận cần được nhắc nhở nhiều nhất, thì đặt ra luật để rồi phải có biết bao nhiêu văn bản dưới luật và công văn hướng dẫn về nội dung ý nghĩa của luật với những lập luận tinh xảo, thì thà đừng đặt ra luật gì còn hơn. Bởi quần chúng đông đảo ai cũng phải bận mưu sinh hàng ngày, làm gì còn có thời gian và đầu óc để nghiên cứu thứ luật pháp như thế.

Nhờ có nhiều phẩm chất tốt đẹp, người Utopia được các nước lân bang yêu cầu cung cấp các quan chức chính phủ cho họ theo hợp đồng một hoặc năm năm. Tất nhiên, người Utopia chỉ nhận lời khi các nước này đều đã có quyền tự quyết. Và thực tế là người Utopia đã giả phóng hầu hết các nước xung quanh khỏi chế độ độc tài từ rất lâu rồi. Khi hết nhiệm kỳ, những quan chức này hồi hương với nhiều phần thưởng vinh dự, và lại được thay thế

bằng những người Utopia khác. Đây thực sự là một động tác rất thông minh của các nước này, vì sự phồn vinh của một nhà nước phụ thuộc hoàn toàn vào phẩm chất của những người quản lý nó, và người Utopia quả là những ứng cử viên lý tưởng cho công việc này. Người ta không thể mua chuộc hối lộ họ để làm bất kì một việc bất lương nào, bởi lẽ chẳng mấy chốc họ đều trở về nhà, nơi mà đồng tiền chẳng dùng được vào việc gì. Và vì họ không quen biết ai trong số cư dân bản địa, họ chẳng bao giờ bị những thành kiến yêu ghét riêng tư chi phối đưa đến những quyết định sai lầm. Những phẩm chất này đặc biệt quan trọng với một vị quan toà, bởi thành kiến cá nhân và lòng tham tiền là hai thế lực ma quỷ khổng lồ đe dọa chốn công đường, và một khi thắng thế, chúng sẽ lập tức chi phối cả xã hội bằng cách tiêu diệt hết công lý.

Khi người Utopia nói đến các “đồng minh”, tức là họ nói đến những nước mà họ có cung cấp các bộ quản lí chính quyền. “Các nước bạn” là những nước có nhận sự giúp đỡ của họ theo nhiều cách khác. Nhưng họ không bao giờ tham gia bất kì một hiệp ước nào theo kiểu cứ liên miên được các nước khác ký kết, phản ước, rồi lại vá vúi ký lại. Một bản hiệp ước thì được cái gì? Họ hỏi vậy. Chẳng phải tất cả nhân loại đều đã là đồng minh tự nhiên của nhau đó hay sao? Và nếu có một người đã rắp tâm phốt lờ mối ràng buộc cật ruột ấy thì mấy dòng chữ cam kết kia liệu có ý nghĩa gì với hắn? Họ quan niệm như vậy chủ yếu là vì ở khu vực ấy của thế giới, vua chúa không thực tôn trọng những công ước và hoà ước của mình cho lắm. Còn tất nhiên là ở Châu Âu, và nhất là ở các nước theo đạo Cơ Đốc, mọi người vẫn coi những hiệp ước với nhau là thiêng liêng và không thể vi phạm, phần vì vua chúa của chúng ta đều là những bậc minh quân chí thiện, phần vì mọi người đều còn biết sợ Đức Giáo Hoàng²³. Các vua chúa Châu Âu, như ta đều biết, không những đã thi hành các cam kết của mình một cách thành kính, mà còn bắt buộc mọi vua chúa khác cũng phải giữ lời hứa trong mọi tình huống và đều ra tay trừng trị nghiêm khắc những ai không làm được như vậy. Rõ ràng là họ đều tin một cách chính đáng rằng một người “ngoan đạo” mà lại bội ước trong những việc như vậy là cực kỳ xấu xa²⁴.

Nhưng ở khu vực thế giới của người Utopia, vốn đã khác hẳn khu vực của chúng ta cả về địa lý, xã hội và đạo đức, bạn không thể dựa vào các hiệp ước được. Càng được trình trọng ký kết bao nhiêu, chúng càng nhanh chóng bị vi phạm bấy nhiêu và chỉ việc bới ra một kẻ hờ nào đó trong câu chữ là đủ. Không những thế, các kẻ hờ này còn được người ta cố tình

gài vào văn bản gốc để dù những cam kết của mình có vẻ chắc chắn đến thế nào đi nữa, người ta vẫn có thể có đủ lý do để phủi tay rũ áo, huỷ bỏ cả hiệp ước lẫn đức tin cùng một lúc. Một chính sách ngoại giao như thế quả thực là hoàn toàn bất lương. Cũng chính những người đã tự hào là khuyên được minh chủ của mình áp dụng những tiểu xảo như thế, nếu họ thấy chuyện ấy xảy ra với một bản hợp đồng tư nhân nào đó, thì lập tức họ sẽ là người đầu tiên tố lu loa tố cáo nó, bằng một giọng chính trực bất bình rằng đó là một bản hợp đồng tội lỗi và báng bổ thần thánh. Từ chuyện này, ta có thể suy ra rằng có lẽ đức tính lương thiện chỉ cần thiết cho đám thảo dân chứ không cần thiết cho hàng vua chúa. Hoặc giả phải có hai thứ lương thiện. Một thích hợp với dân thường, một loài thú hay có nhiều âm mưu phải được buộc dây thật chắc để chúng không thể nhảy rào. Còn thứ lương thiện kia là dành cho vua chúa, là một sinh linh cao quý hơn, có quyền hưởng nhiều tự do hơn, vì được phép làm bất kì cái gì mình thích.

Đại khái đó là cung cách của đám vua chúa ở đó và như tôi đã nói, đó có thể là lý do người Utopia không ký kết hiệp ước với ai bao giờ. Có thể nếu họ sống ở Châu Âu thì họ sẽ khác, mặc dù sự thật là họ không chấp nhận hình thức hiệp ước trên nguyên tắc, cho dù chúng có được chấp hành nghiêm chỉnh đến đâu đi nữa. Họ nói các hiệp ước khiến cho con người nhìn nhau như những kẻ thù tự nhiên vậy. Vì nếu chỉ cần sống ở hai bên của cùng một quả đồi hoặc cùng một dòng sông thôi là cũng đủ cắt đứt hết những mối liên hệ nhân loại và gây nên mọi lý do chính đáng để hai dân tộc tìm cách tiêu diệt lẫn nhau trừ phi có một hiệp ước đặc biệt để ngăn chặn việc đó, thì chẳng phải là kẻ thù tự nhiên đó là gì? Và ngay cả khi đã có một bản hiệp ước như thế rồi, vẫn không có nghĩa là họ đã thành bạn, vì họ vẫn luôn luôn giành quyền được cướp bóc nhau, nếu kẻ thảo bản hiệp ước ấy đã vô ý không đưa vào đủ những điều khoản để ngăn cấm việc ấy. Người Utopia có quan điểm khác hẳn. Họ nghĩ không nên coi ai là kẻ thù nếu như người đó chưa làm gì hại đến mình. Bản tính con người đã tự nó là một bản hiệp ước và người ta đoàn kết được với nhau là nhờ ở lòng nhân hậu chứ không phải những bản cam kết, ở tình cảm chứ không phải ở lời nói.

Nhân chuyện ấy ta hãy nói luôn sang chuyện chiến tranh. Phải nói ngay rằng đánh giết nhau là chuyện ghê tởm nhất. Họ nói đó là một việc hoàn toàn phi nhân tính, mặc dù con người lại mắc nghiện việc này hơn tất cả các loài vật hạ đẳng. Có thể nói, người Utopia là dân tộc duy nhất trên thế giới này không thấy có bất kỳ một cái gì là vinh quang trong

chuyện chiến tranh. Tuy thế đàn ông đàn bà đều được luyện tập quân sự thường kỳ để ai cũng có khả năng chiến đấu đề phòng trường hợp không tránh khỏi chiến tranh. Nhưng hẳn hữu lắm họ mới phải lâm trận, như khi buộc phải tự vệ, giúp một "nước bạn" đánh đuổi quân xâm lăng hoặc giải phòng những nạn nhân của một chế độ độc tài - là việc họ làm vì tinh thần nhân đạo, hoàn toàn chỉ vì thương cảm và bất bình. Tuy nhiên, họ còn trợ giúp về quân sự cho những "nước bạn" không những để chống xâm lăng mà còn để trả đũa những hành động xâm lăng nữa; nhưng họ luôn luôn làm việc này với điều kiện là được tham vấn trước và thấy có đầy đủ lý do chính đáng, hai bên đã thảo luận về những khoản đền bù, và họ phải có toàn quyền điều khiển các chiến dịch. Đối với họ, lý do chính đáng để trả đũa không phải chỉ là việc bị cướp bóc bằng vũ lực. Họ còn trả đũa mạnh hơn để bảo vệ quyền lợi của các thương gia bị các nước khác đối xử bất công, bất kể là do luật lệ ở đó bất công hay bị cố tình bóp méo để làm chuyện bất công.

Đó chính là lý do của cuộc chiến tranh với Xứ Mù ²⁵, xảy ra trước khi chúng tôi đến Utopia một chút. Người Utopia viện trợ quân sự cho Xứ Mây ²⁶, vì một số thương gia Xứ Mây sang làm ăn ở Xứ Mù đã bị người bị người bản xứ lừa đảo về luật pháp - ấy là người Utopia nghĩ như vậy. Dù đúng sai thế nào, kết quả là một cuộc chiến tranh lớn đã nổ ra, vì mỗi tranh chấp ban đầu đã leo thang nhanh chóng bởi sự can thiệp của tất cả các nước quanh khu vực đó. Đến khi kết thúc, nhiều nước lớn đã bị suy yếu hẳn và các nước khác đều bị què quặt thương tích đầy mình. Còn Xứ Mù thì sau một loạt các thảm họa như vậy cuối cùng đã phải đầu hàng. Người Utopia không được gì trong cuộc chiến đó - họ đã xác định ngay từ đầu những động cơ vô tư của mình - nhưng người Xứ Mù thì trở thành nô lệ của người Xứ Mây, vốn nhỏ yếu hơn hẳn trong quá khứ.

Chuyện đó cho ta thấy người Utopia khẩn trương ra sao trong việc trả thù cho bạn bè, ngay cả trong chuyện tiền nong. Nhưng họ lại nhẫn nhịn hơn nhiều khi bản thân bị người khác làm hại. Nếu một thương gia Utopia bị nước ngoài lừa đảo mất hết hàng hoá, nhưng thân thể không bị thương tích gì, hành động mạnh mẽ nhất của họ sẽ là ngừng quan hệ buôn bán với nước đó cho đến khi nào nhận được bồi thường thoả đáng. Đó không phải là vì họ ít quan tâm đến dân mình hơn - mà chỉ là vì cái rủi ro trong chuyện buôn bán bị lừa đảo của dân các nước khác lớn hơn rất nhiều, có khi mất hết cơ nghiệp tài sản, còn người Utopia thì nếu có rơi vào hoàn cảnh ấy cũng chẳng mất mát tí ti gì gọi là của mình. Mất gì

thì nhà nước cũng chịu cho cả. Hơn nữa, những hàng hoá bị mất ấy đều là số hàng hoá thừa ế ở trong nước, vì nếu không thế thì chúng đã không được phép xuất khẩu. Thành thử không ai tiếc nuối gì chỗ hàng ấy - và họ nghĩ sẽ là rất tàn bạo nếu ra tay giết hại bao nhiêu người chỉ để hả giận vì một vài thứ mà có hay không cũng chẳng khác gì đối với cuộc sống của một người dân Utopia. Nhưng họ có đường lối khác hẳn nếu một công dân Utopia bị giết hại hoặc trở thành tàn tật bởi tay một chính phủ hoặc cá nhân ngoại quốc. Họ sẽ lập tức tuyên chiến sau khi nhận được tin về một sự kiện như vậy qua đường ngoại giao. Không gì có thể làm họ nguôi giận trong chuyện này, trừ việc đối phương phải giao nộp đương sự có trách nhiệm - và khi ấy, những người này sẽ bị kết án tử hình hoặc giáng làm nô lệ.

Họ không thích những chiến thắng đẫm máu, mà còn xấu hổ vì chúng, vì họ coi việc trả giá cao quá như vậy là ngu xuẩn, cho dù để đạt được cái gì quý giá đến đâu. Điều họ thấy thật sự tự hào là đấu trí thắng lại kẻ thù. Họ ăn mừng chiến thắng ấy với cả cuộc diễu hành có chiến tích hân hoan, hệt như ăn mừng một chiến công hiển hách vậy. Bạn thấy đấy, họ cho rằng con người cần chiến thắng bằng cái mà chỉ có con người mới có, ấy là sức mạnh của trí tuệ. Họ nói con vật nào cũng có thể chiến đấu bằng thân thể - gấu, sư tử, lợn lòi, sói, chó, tất cả đều làm được chuyện ấy và hầu hết súc vật đều khỏe hơn và dữ tợn hơn ta - nhưng cái khiến chúng ta cao đẳng hơn là trí tuệ và lý lẽ của chúng ta vậy.

Ngay trong thời chiến, mục tiêu hàng đầu của họ vẫn là lấy lại cái đã mất bằng phương tiện hòa bình - còn nếu không phải thế thì là nghiêm trị những kẻ mạo phạm sao cho không ai còn dám làm như vậy nữa. Họ tìm cách đạt mục tiêu này bằng con đường ngắn nhất - nhưng luôn luôn theo nguyên tắc an ninh quốc gia là ưu tiên số một, và uy tính quốc gia là ưu tiên số hai. Cho đến khi vừa mới tuyên chiến, họ đã thu xếp qua mạng lưới điệp viên của mình để cho dựng rất nhiều những tấm cổ động ở tất cả những nơi dễ thấy nhất trên lãnh thổ kẻ địch. Những tấm cổ động này đều có dấu hiệu của chính phủ Utopia và đều công bố sẽ thưởng rất hậu cho ai giết được vua của nước thù địch. Họ cũng đặt những phần thưởng nhỏ hơn nhưng vẫn rất hậu hĩnh cho những ai giết được những cá nhân có tên được liệt kê ngay trên tấm cổ động ấy, là những người mà họ coi là chính yếu trong chính yếu trong chính sách thù nghịch với Utopia. Phần thưởng cho việc bắt sống những người này còn to gấp đôi, còn chính những nhân vật ấy, nếu phản lại đồng sự và ra hàng Utopia, cũng sẽ được thưởng ngàn ấy tiền ngoài việc được miễn tội và trả lại tự do.

Kết quả là tất cả những người có tên trong danh sách ấy đều lập tức nghi kỵ lẫn nhau và tất cả mọi người. Họ không còn tin ai nữa và cũng không còn ai tin họ nữa. Họ sống trong trạng thái kinh hoàng khôn nguôi, và điều ấy cũng dễ hiểu thôi vì vẫn thường có chuyện tất cả bọn họ, kể cả nhà vua, bị chính con người mà họ tin cẩn nhất phản bội. Thực tế là con người ta sẽ sẵn lòng làm mọi chuyện vì tiền, mà người Utopia thì lại sẵn sàng trả bao nhiêu tiền cũng được. Biết rằng bọn phản chủ kia có thể bỏ chạy, bao giờ họ cũng có những điều kiện hấp dẫn hơn kèm theo, ví dụ như bên cạnh món tiền thưởng kếch xù bằng vàng ròng, kẻ ra hàng còn được hưởng một điền sản có giá trị một lãnh thổ an toàn và thân thiện - và họ không bao giờ sai trong chuyện này.

Kiểu mua chuộc kẻ thù như thế thường bị coi là xấu xa bẩn thỉu nhưng người Utopia lại rất tự hào về điều này. Họ nói không phải đánh trận nào mà giải quyết được cuộc chiến là rất hợp lý, và lấy mạng của một vài kẻ chủ mưu để cứu mạng ngàn vạn người vô tội là hành động nhân đạo nhất. Họ nghĩ đến những người lính của hai bên sẽ bị giết ngoài mặt trận, và họ thương cảm cho đám quần chúng bên kia không khác gì con dân của nước mình. Họ hiểu rằng dân chúng sẽ không bao giờ khởi sự chiến tranh mà chỉ bị ép buộc lừa phỉnh và lừa vào chỗ chết bởi lũ người điên khùng cai trị họ mà thôi.

Nếu phương pháp này không thành công, họ cho gieo rắc và nuôi dưỡng mầm bất hòa trong nội bộ kẻ thù bằng cách khích lệ anh em nhà vua hoặc một thành viên nào đó trong hoàng tộc thêm muốn ngai vàng. Nếu mâu thuẫn nội bộ có vẻ không đủ tác dụng, họ thổi bùng ngọn lửa thù địch ở một nước lân bang bằng cách moi lại một tranh chấp trong lịch sử mà vua chúa thời nào cũng không thiếu. Họ hứa sẽ hỗ trợ những nỗ lực chiến tranh của nước muốn đòi lại quyền lợi của mình, và làm chuyện ấy bằng cách viện trợ rất nhiều tiền nhưng rất ít nhân lực - vì họ không bao giờ muốn hy sinh nhân mạng của dân mình, cho dù để đổi lấy mạng của chính nhà vua nước đối địch. Nhưng họ không tiếc gì vàng bạc, vì họ giữ vàng bạc cũng chỉ làm những chuyện như vậy, và biết rằng có đem hết số vàng bạc có trong nước cũng chẳng ảnh hưởng gì đời sống của người dân Utopia. Ngoài ra, bên cạnh vốn liếng có ở trong nước, họ còn những tài sản khổng lồ ở ngoại quốc, vì như tôi đã nói, rất nhiều quốc gia nợ nần họ rất nhiều.

Vậy thì hầu hết việc chinh chiến của họ là do lính đánh thuê đảm nhận. Họ tuyển mộ đám lính này từ khắp nơi trên thế giới, nhưng nhiều nhất là ở một xứ gọi là Venalia, cách Utopia khoảng năm trăm dặm về phía đông. Người Venalia còn cực kì nguyên thủy và hoang dã – giống như rừng rú và núi non hoang sơ hiểm trở nơi họ sinh sống. Họ khỏe mạnh cứng cáp, có thể chịu đựng dẻo dai trong bất kì điều kiện nóng lạnh và gian khổ đến đâu. Họ không biết vui chơi, chưa bao giờ trồng trọt canh tác gì, và cũng không để ý gì đến quần áo nhà cửa. Ngoài việc canh chừng gia súc, họ sống chủ yếu bằng săn bắn và trộm cắp. Quả thực hình như họ được thiên nhiên nhào nặn ra chỉ để dùng vào chiến tranh. Họ luôn luôn tìm kiếm cơ hội được đánh nhau, và khi thấy có cuộc chiến nào ở đâu, họ lập tức đàn lũ kéo đến đăng làm lính đánh thuê với giá rẻ mạt cho bất kì phe nào. Bôi giết là cách duy nhất mà họ biết để kiếm sống.

Họ chiến đấu cho chủ nhưng rất trung thành và đầy nhiệt huyết, nhưng không có đảm bảo là họ sẽ như vậy được bao lâu. Họ theo bạn với ý thức rằng ngày mai họ sẽ theo kẻ thù của bạn nếu được trả lương cao hơn, và hôm sau nữa sẽ lại về với bạn nếu bạn trả họ cao hơn thế một chút. Trong hầu hết các cuộc chiến tranh, ta đều thấy có lính Venalia trong quân đội của các phe tham chiến. Ta có thể tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra. Hai thành viên của một gia đình đăng lính vào cùng một đội quân. Mới đầu họ là chiến hữu thân thiết. Nhưng sau đó họ đăng vào hai đội quân khác nhau và trở thành kẻ thù không đội trời chung. Họ quên hết mọi quan hệ gia đình và bè bạn, và chỉ nhằm nhằm tìm cách cắt cổ nhau. Mà động cơ duy nhất để họ giết lẫn nhau chỉ là vài món tiền khác nhau do vài ông vua khác nhau trả cho họ - và tiền đối với họ quan trọng đến mức chỉ cần thêm nửa xu một ngày là đủ để họ trở cò đổi chủ. Nhưng tính tham lam đến thế của họ chẳng đem lại được gì, vì những đồng tiền kiếm được nhờ đổ máu của họ đều nhanh chóng bị nướng hết vào những trò đốn mạt nhất.

Những người ấy sẽ chiến đấu cho người Utopia chống lại bất kì một dân tộc nào trên thế giới, vì không ai có thể trả họ cao đến thế. Bạn thấy không, người Utopia luôn tìm người xấu để bóc lột và người tốt để sử dụng. Cho nên khi cần họ sẽ dùng lợi lớn để nhử người Venalia vào những chiến cuộc tàn khốc mà hầu hết chẳng còn ai sống mà về hưởng món lợi ấy được nữa. Nhưng tất cả những người sống sót đều được chi trả đầy đủ và đều sẵn sàng liều thân nữa trong tương lai. Bởi vì người Utopia không cần biết đã và sẽ có bao nhiêu người Venalia

bỏ mạng vì họ. Họ nói giá họ có thể tiêu diệt hoàn toàn cả giống người cận bã ấy thì cũng là một việc phúc đức cho nhân loại.

Nguồn nhân lực thứ hai của họ là dân chúng ở chính quốc gia mà vì nó họ phải tham chiến. Rồi đến các đội quân của các nước bạn khác, và cuối cùng mới là công dân Utopia, những người được lựa chọn để chỉ huy các lực lượng hỗn hợp. Mỗi một viên tướng như thế đều có viên phó túc trực nhưng không có nhiệm vụ gì cụ thể. Trong trường hợp viên tướng bị tử trận hoặc bắt làm tù binh, một trong hai người này sẽ lên thay, và nếu cần thì người thứ ba lại lên thay người ấy. Họ làm như vậy để đề phòng những biến động khôn lường của chiến tranh, và đảm bảo cho quân đội không bao giờ bị rơi vào tình trạng quân hời vô phèng.

Đội quân Utopia bao gồm toàn những lính tình nguyện từ tất cả các thành phố - vì không ai có nghĩa vụ phải phục vụ quân đội ở hải ngoại. Họ linh cảm rằng người nhát sợ không những rất khó thành lính giỏi, mà còn dễ ảnh hưởng xấu đến tinh thần của những người xung quanh. Tuy nhiên, trong trường hợp bị xâm lăng, đàn ông loại này mà đủ sức khỏe vẫn phải nhập ngũ để hoặc là phục vụ bên cạnh những quân nhân đáng tin cậy hơn trong lực lượng hải quân, hoặc được cấm tại các trạm gác trên tường thành, là nơi họ không có cơ hội bỏ chạy. Khi họ thực sự đối mặt với quân thù, thì tình trạng ấy cộng với ý thức tôn trọng dư luận xã hội thường giúp họ hết sợ, và trong cảnh sinh tử ấy họ lại chiến đấu rất dũng cảm.

Nhưng không ai bị bắt buộc phải đi chiến đấu ở hải ngoại. Và vợ cũng không bị buộc phải ở nhà, nếu họ muốn theo chồng ra mặt trận. Trái lại, những việc như thế còn được khích lệ và hoan nghênh. Những người vợ ấy được ở ngay cạnh chồng ngoài chiến tuyến, cùng với cả con cái và họ hàng của mình. Họ quan niệm rằng ai có bản năng mạnh mẽ muốn giúp đỡ người khác cũng cần phải có điều kiện làm như vậy, và cách tốt nhất là để cho họ được ở càng gần nhau càng tốt. Sẽ rất xấu hổ nếu một người chồng trở về mà không còn vợ, hoặc còn vợ mà mất chồng, hay còn con mà mất bố mẹ. Điều đó chứng tỏ họ đã quá mải mê giao chiến trong lúc lâm trận đến nỗi quên mất nhau - là nói trong trường hợp quân địch chống cự ngoan cố như vậy. Khi còn có thể tiến hành chiến tranh bằng lính đánh thuê, người Utopia sẽ tìm mọi cách để tránh phải ra trận, nhưng khi cuối cùng họ buộc phải chiến đấu, lòng can đảm của họ cũng chẳng kém gì sự thận trọng ban đầu của họ.

Họ không giận dữ lao vào đợt tấn công đầu tiên, nhưng dần dần, cùng với thời gian, họ trở nên quyết tâm hơn, cho đến khi thà chết chứ không chịu lùi một bước. Họ biết không cần phải lo lắng gì về gia đình và tương lai con cái họ - hai mối lo âu vốn quyết định đến tinh thần người lính - và điều này khiến cho họ có thái độ khinh miệt rất cao ngạo đối với ý nghĩ mình có thể thua trận. Lòng tin của họ còn được củng cố qua những huấn luyện quân sự của chính họ. Và cuối cùng họ đều được củng cố bởi những nguyên lý sâu sắc đã được thấm nhuần từ thuở ấu thơ từ môi trường giáo dục và xã hội của họ. Những nguyên lý này đã khiến họ biết quý trọng cuộc sống đến mức không bao giờ liều lĩnh phạm nó, nhưng cũng không đến mức phải bám lấy nó một cách hèn dốt khi đã có nghĩa vụ phải hy sinh.

Khi trận chiến lên đến đỉnh điểm, một nhóm lính trẻ được tuyển chọn đặc biệt và đã thề sẽ ở bên nhau sẽ có nhiệm vụ loại trừ viên tướng chỉ huy của quân địch. Họ liên tục áp sát mục tiêu bằng đủ mọi cách - tấn công trực diện, phục kích, bắn tỉa từ xa, đánh giáp lá cà. Họ xông vào viên tướng ấy bằng một đội hình hình nộm kéo dài và không thể bẻ gãy được, với vị trí mũi nhọn luôn luôn được bổ sung thay thế. Kết quả là viên tướng kia thể nào cũng bị giết chết hoặc bắt làm tù binh - trừ phi hắn đào ngũ tẩu thoát để cứu lấy thân.

Nếu người Utopia thắng trận, họ không tàn sát ai cả. Một khi quân địch bỏ chạy, họ thích bắt sống hơn là tiêu diệt. Họ cũng có kỉ luật không bao giờ truy đuổi quân địch nếu không bố trí được một cơ lính đủ dàn thành thế trận ở tiền quân. Họ giữ nghiêm kỉ luật này đến mức nếu vì chưa có quân tiếp viện mà phải để lỡ mất chiến thắng, họ vẫn thà để cho quân địch chạy thoát chứ không chịu thiết lập tiền lệ cho việc phá vỡ đội ngũ để truy quét kẻ thù. Họ không bao giờ quên một mưu kế mà họ đã dùng đến nhiều lần. Trong những lần đó, lực lượng chính của quân Utopia đều đã hoàn toàn thất bại, và quân địch đang hăm hở chia nhau truy đuổi những đám quân bị tụt hậu tản mác ở mọi hướng. Đến lúc ấy, cục diện của toàn bộ trận đánh đột nhiên bị đảo lộn nhờ một lực lượng nhỏ quân tiếp viện Utopia xuất hiện từ phía sau và bất ngờ đánh úp những toán lính địch tản mác đã hoàn toàn mất cảnh giác vì tưởng mình đang vô sự đuổi bắt kẻ bại trận. Thế là họ giành lại ưu thế từ tay kẻ địch và chuyển bại thành thắng.

Cũng khó nói là họ mạnh và khôn ngoan hơn trong phòng thủ hay tấn công. Khi tưởng là họ sắp rút lui thì sự thực lại không phải như thế, và khi họ quyết định lui quân thì bên ngoài lại chẳng thấy một dấu hiệu gì như vậy. Nếu họ thấy bị áp đảo về quân số và bất lực vì

địa hình, họ sẽ im lìm nhổ trại trong đêm tối hoặc tìm cách phân tán quân địch. Hoặc giả có phải lui quân giữa ban ngày thì họ sẽ tiến hành rất từ từ và giữ đội hình thật hoàn hảo đến mức có tấn công họ lúc ấy cũng sẽ rất nguy hiểm.

Họ luôn thận trọng phòng thủ đồn trại bằng một vòng hào vừa rộng vừa sâu, đất đào lên thì đắp luôn thành một bờ lũy chắc chắn. Đây không phải là việc của nô lệ, mà là của lính. Trừ một số làm nhiệm vụ canh gác, toàn bộ quân số của đội quân ấy đều tham gia đào hào đắp lũy, và có thể hoàn thành công việc rất nhanh chóng và có hiệu quả.

Giáp trụ của họ đủ sức che chắn an toàn, nhưng lại không cản trở mọi hoạt động của thân thể. Thậm chí họ có thể mặc một giáp trụ mà vẫn bơi lội được như thường, và đây cũng là một môn luyện tập được tiến hành ngay từ đầu chương trình huấn luyện quân sự. Vũ khí tầm xa của họ là cung nỏ. Cả kỵ binh và bộ binh đều thành thạo cung dài nỏ cứng. Đánh gần thì họ không dùng gươm mà dùng rìu trận, vốn vừa nặng vừa sắc, đâm hoặc chém đều hữu hiệu. Họ cũng phát minh và chế tạo ra những vũ khí có cơ chế rất tài tình được cất giấu kĩ càng và chỉ đem ra sử dụng khi cần thiết. Những vũ khí này đều được họ thiết kế sao cho chúng vừa cơ động vừa dễ điều khiển.

Một khi đã kí kết đình chiến, họ không bao giờ bội ước cho dù có bị khiêu khích đến đâu. Họ không bao giờ tàn phá lãnh thổ của kẻ thù, hoặc đốt phá mùa màng trên lãnh thổ ấy, mà coi đó là những phúc lợi dành cho mình, cho nên họ làm mọi cách để đảm bảo không cho kỵ binh hoặc bộ binh của mình phải kéo quân qua trên những cánh đồng ấy. Họ không bao giờ tấn công một người không có vũ khí, trừ khi đó là một tên gián điệp. Họ bảo vệ tất cả thành phố đã đầu hàng, và ngay cả khi họ đã phải hao binh tổn tướng để chiếm được nó, họ cũng không bao giờ cướp phá nó. Họ chỉ tiêu diệt những kẻ đã ngăn trở sự đầu hàng của quân địch, và bắt toàn bộ lính địch làm nô lệ. Toàn bộ dân sự đều không bị động đến. Bất kì ai đã từng ủng hộ việc đầu hàng đều được chia một phần tài sản của những kẻ đã bị kết án tử hình hoặc bắt làm nô lệ. Phần còn lại được chia cho các lực lượng đồng minh - vì người Utopia không bao giờ dự phần vào việc chia các chiến lợi phẩm.

Khi chiến tranh đã kết thúc, họ gửi hóa đơn đòi thanh toán, không phải cho các nước bạn mà họ đã tham chiến để bảo vệ, mà cho chính kẻ địch đã bị thua trận. Họ đòi được trả một phần bằng tiền mặt sẽ được dành để chi tiêu cho các cuộc chiến có thể có trong tương

lai, một phần bằng quyền sở hữu các điền sản có giá trị trên lãnh thổ kẻ thù địch kia. Cứ như thế, họ đã có được nhiều tài sản ở các nước khác nhau, và lợi tức của chúng, tích lũy dần từ các nguồn khác nhau, đến nay đã lên đến mức tương đương khoảng 327.000 bảng mỗi năm. Họ cử công dân Utopia đến các nước ấy, trên danh nghĩa để thu lợi tức cho quốc gia, nhưng trên thực tế là để sống ở đó như một đế vương và đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống sở tại. Như vậy mà còn rất nhiều tiền mà họ có thể đưa vào công khổ quốc gia, hoặc nếu thích thì họ cho chính nước ấy vay cho đến khi nào cần mới đòi, mà cũng rất ít khi đòi hết. Một số điền sản này được chuyển cho những cá nhân đã dám liều thân đánh thuê cho họ như tôi đã nói ở đoạn trước.

Nếu có nhà vua nào tuyên chiến với họ và chuẩn bị tiến quân xâm lược lãnh thổ của họ, người Utopia sẽ huy động một lực lượng lớn đi đánh chặn quân địch ở bên ngoài biên ải - vì họ không bao giờ để quê hương mình biến thành chiến địa, và cũng không bao giờ cho phép quân đồng minh đặt chân lên đất của mình.

Cuối cùng, để tôi kể cho các bạn nghe về ý tưởng và quan điểm tôn giáo của người Utopia. Có nhiều tôn giáo khác nhau trên đảo quốc ấy và ngay cả ở từng thành phố ở đó. Có đạo thờ mặt trời, có đạo thờ mặt trăng, và thờ những hành tin khác nữa. Có những người coi một nhân vật vĩ đại hay chí thiện trong quá khứ không những như một vị thánh mà còn như một vị thánh tối cao nữa. Tuy nhiên, đại đa số dân chúng có quan niệm hợp lý hơn nhiều, rằng chỉ có một đấng quyền năng thiêng liêng duy nhất, không thể nhận biết, vĩnh hằng, vô định, không thể giải thích và hoàn toàn vượt ra ngoài tầm trí lực của con người, phát tán trong khắp vũ trụ chúng ta, không phải như một thứ vật chất, mà như một thứ hoạt lực. Họ gọi đấng quyền năng ấy là "Đức Cha". Họ tin rằng ngài đã làm ra mọi chuyện và mọi thứ, mọi khởi đầu và kết thúc, mọi sinh trưởng và đổi thay. Và họ không công nhận bất kỳ một ngôi vị thánh thần nào khác.

Quả thật là ở điểm này, tất cả mọi giáo phái đều đồng ý rằng Đấng Tối Cao đã tạo nên và điều hành toàn bộ vũ trụ, và họ đều dùng một từ trong ngôn ngữ Utopia để gọi Ngài, đó là từ *Mythras*²⁸. Điều mà họ còn bất đồng là vấn đề *Mythras* là ai. Người nói thế này, người nói thế kia, nhưng ai cũng nhận rằng bản thể tối thượng của ngài chính là Thiên nhiên, cái sức mạnh ghê gớm mà ai ai cũng phải công nhận là duyên cớ duy nhất của muôn sự, muôn vật trên đời này. Tuy nhiên, người ta đang có khuynh hướng từ bỏ dần các tín ngưỡng thô thiển

đa thần để quy tụ về cái có vẻ là chính đạo và hợp lý nhất. Chắc hẳn là những thứ tín ngưỡng kia đã mai một từ lâu rồi nếu không có những đầu óc dị đoan vốn không dám cải đạo vì sợ bị thánh thần của họ trừng phạt, cứ như thể là các thánh thần ấy sẽ nổi đóa vì bị bỏ rơi vậy.

Nhưng khi chúng tôi kể cho họ nghe về đấng Christ, những lời dạy của Ngài, con người Ngài, phép lạ của Ngài và cả những cống hiến không kém phần kỳ lạ của các bậc tử vì đạo đã tình nguyện xả thân để đem đức tin Cơ Đốc đến cho biết bao nhiêu dân tộc, thì hóa ra cải đạo cho họ là một công việc dễ không thể tưởng tượng được. Có thể họ đã có một ý nguyện thần thánh nào đó mà chính họ cũng không biết, mà cũng có thể là Cơ Đốc giáo hình như rất giống với tôn giáo chủ đạo của họ - mặc dù bản thân tôi vẫn muốn nghĩ rằng họ đã bị tác động rất mạnh bởi những giáo huấn của đấng Christ cho các đệ tử của mình về một lối sống theo cộng sản chủ nghĩa mà cho đến ngày nay vẫn được tất cả những cộng đồng Cơ Đốc chân chính nhất thực hành. Nhưng giải thích cách gì đi nữa thì thực tế đã có rất nhiều người Utopia ra nhập tín ngưỡng của chúng ta và đều đã được thụ lễ mang tên thánh cả rồi.

Chẳng may là không ai trong số bốn chúng tôi ở đó là mục sư cả, - vâng, chỉ còn có bốn chúng tôi, vì hai người khác đã qua đời. Cho nên mặc dù họ đã được thụ mọi nghi thức của Giáo hội Cơ Đốc, các tân đạo hữu của chúng tôi vẫn chưa nhận được các bí pháp và phước lành mà chỉ có các mục sư mới có quyền ban phát cho họ. Nhưng họ đều hiểu về cái phước lành ấy và mong mỏi chúng hơn mọi thứ trên đời. Sự thực là ngay lúc này đây, họ đang bận rộn bàn thảo xem liệu có phải phép hay không nếu họ tự phong cho một người của mình làm mục sư mà không cần có một giám mục Cơ Đốc đến cử hành nghi lễ đó cho họ. Và có vẻ là họ sắp chọn được một ứng cử viên cho chức vụ ấy rồi, mặc dù lúc tôi ra đi thì vẫn chưa chính thức.

Đương nhiên là có nhiều người Utopia không chịu chấp nhận Cơ Đốc giáo, nhưng họ cũng không ngăn cản ai và cũng không tấn công ai định gia nhập tín ngưỡng của chúng ta. Nhưng có một thành viên trong giáo đoàn của chúng tôi còn ở đó. Ngay sau khi thụ lễ đặt tên thánh, mặc dù chúng tôi đã nhắc nhở, ông này vẫn lập tức công khai rao giảng về đức tin Cơ Đốc. Đáng nhẽ phải kín đáo, thì ông ta lại ồn ào lớn tiếng, và hăng hái đến mức thấy chỉ lớn tiếng về những ưu việt trong tín ngưỡng của chúng ta là chưa đủ, ông ta bắt đầu mạt sát, lên án các tín ngưỡng khác. Ông ta gào đến vỡ giọng rằng mọi tín ngưỡng khác đều là mê tín

dị đoan hết, và tất cả những ai tin theo chúng đều là bọn quỷ vô đạo sẽ bị lửa địa ngục thiêu đốt mãi mãi. Cứ thế một thời gian, ông ta liền bị bắt và buộc tội, không phải tội báng bổ thần thánh mà là tội làm rối trật tự công cộng. Ông ta bị kết án phải lưu vong - vì một trong những nguyên lý lâu đời nhất trong hiến pháp của họ là khoan dung tín ngưỡng²⁹.

Nguyên lý này có từ thời lập quốc. Trước đó, các tín ngưỡng khác nhau và đang đánh lẫn nhau nhất định không chịu hợp tác chỉ vì tranh cãi không ngừng về tôn giáo của nhau. Khi Utopos biết được chuyện đó, ông hiểu ngay rằng đây chính là nguyên nhân giúp ông chinh phục được tất cả bọn họ. Và lập tức sau khi giành chiến thắng, ông ra một đạo luật theo đó ai cũng được thực hành tín ngưỡng mà mình thích và có quyền thuyết phục người khác theo đạo của mình, với điều kiện phải làm việc đó một cách im lặng và lễ phép, với những lập luận hợp lý. Nhưng nếu không thuyết phục được người ta thì cũng không được phép mạt sát các tôn giáo khác, hoặc dùng bạo lực, hoặc xâm phạm cá nhân. Hình phạt bình thường của việc quá khích trong các tranh cãi về tín ngưỡng là bị đày đi lưu vong hoặc giáng xuống làm nô lệ.

Utopos đặt ra luật ấy không phải chỉ nhằm duy trì hòa bình, vẫn thường bị những xung đột tư tưởng và quyền lợi phá hoại, và còn vì ông tin tưởng rằng làm vậy là có ích lợi nhất cho tôn giáo. Ông không định nói rằng tín ngưỡng nào là đúng. Có vẻ như ông tin rằng Thượng đế đã tạo ra những con người khác nhau có lòng tin vào những sự khác nhau, bởi vì Ngài muốn được thờ phụng qua nhiều nẻo khác nhau vậy. Và rõ ràng ông hoàn toàn tin rằng đe dọa ép buộc ai phải theo tín ngưỡng nào đó là một sự ngu xuẩn và ngạo mạn phải bị trừng trị. Có vẻ như ông thấy rất rõ là cho dù chỉ có một tín ngưỡng đích thực còn mọi thứ khác chỉ là vô nghĩa, chân lý ấy cũng sẽ chỉ tự nó hiển lộ nếu người ta biết tranh cãi về nó một cách ôn hòa và hợp lý. Nhưng nếu người ta cưỡng chế nó bằng vũ lực thì ngay cả thứ tín ngưỡng tốt đẹp nhất và tâm linh nhất cũng phải đầu hàng những hình thức dị đoan ngu xuẩn, hết như ngô bị cỏ gai lấn át - vì người xấu xa nhất bao giờ cũng là người ngoan cố nhất.

Cho nên, ông để ngỏ vấn đề lựa chọn tín ngưỡng cho mỗi cá nhân tự quyết định theo ý riêng của mình. Nhưng bên cạnh đó, ông nghiêm cấm dân chúng không được tin vào bất kỳ cái gì xa lạ với nhân phẩm, ví dụ như cho rằng linh hồn sẽ mất đi cùng thể xác, hoặc vũ trụ là bộ máy vô mục đích không có ai điều khiển. Chính vì vậy mà người Utopia ai cũng tin rằng

sẽ có thưởng, có phạt sau khi chết; và nếu có ai không tin như vậy thì người đó đã tự vứt bỏ quyền làm người và hạ linh hồn bất tử của chính mình xuống ngang hàng với nhục thể của loài cầm thú. Những người ấy bị coi là không xứng đáng làm một công dân Utopia. Họ nói một người như vậy đã thực lòng không coi lối sống của Utopia là cái gì và chỉ vì sợ mà không dám nói ra miệng mà thôi. Và họ nghĩ thế là phải, bởi nếu sống mà không sợ cái gì khác ngoài việc có thể bị buộc tội, và cũng không có hy vọng gì ở một kiếp khác sau khi chết, thì con người sẽ chỉ còn biết tìm cách tránh né và phá vỡ luật pháp của đất nước để mưu lợi cho riêng mình mà thôi. Cho nên, hễ ai có tư tưởng ấy sẽ không được xã hội trọng thị, không được đề cử vào bất kỳ một chức vụ gì, không được làm việc trong các công sở nhà nước. Những người như vậy thực sự bị xã hội khinh rẻ.

Nhưng họ không bị trừng phạt dưới hình thức nào cả, vì không ai phải chịu tội vì những tin tưởng của mình. Họ cũng không bị khủng bố đến nỗi phải che giấu quan điểm riêng, vì người Utopia không chấp nhận thái độ giả dối vốn được coi là tương đương với hành động lừa đảo. Nếu những người này lớn tiếng biện hộ cho xác tín của mình trước công chúng, việc đó sẽ bị coi là bất hợp pháp. Nhưng trong các cuộc đàm luận riêng tư với các mục sư hoặc những người đứng đầu khác, họ hoàn toàn được phép và còn được khuyến khích làm như vậy, vì mọi người đều tin rằng những tư tưởng lệch lạc kia sẽ có cơ hội được chân lý khuất phục nhờ những buổi đàm luận như vậy.

Quả thực, còn có một số người Utopia - mà có nhiều là đảng khác - thì lại theo những thuyết cực đoan trái ngược hoàn toàn với những tư tưởng duy vật vừa nhắc đến ở trên. Tất nhiên là không có luật lệ gì ngăn cản họ, bởi họ cũng có chút lý lẽ hăn hoi và là người tử tế. Những người này tin rằng cầm thú cũng có linh hồn bất tử, mặc dù là hạ cấp hơn chúng ta, và cũng được tạo ra để có hạnh phúc ở cấp thấp hơn. Còn với con người thì họ tin rằng sau khi chết sẽ được hưởng hạnh phúc vô biên, cho nên không bao giờ khóc than vì tử biệt sinh ly, mà chỉ khóc thương vì bệnh tật đau ốm mà thôi. Họ coi thái độ dửng dăng bám víu cuộc sống một cách bệnh hoạn là dấu hiệu rất gở, vì chỉ có những linh hồn tội lỗi biết mình sẽ bị trừng phạt ở thế giới bên kia mới sợ hãi cái chết như vậy. Ngoài ra, họ còn nghĩ rằng Thượng đế sẽ chẳng hài lòng khi gọi ai mà người ấy lại không vui mừng chạy về phía ngài ngay, lại còn phải lôi kéo dẫn độ như thế. Cho nên, một cái chết như thế sẽ làm họ rùng

mình, và tang lễ sẽ lặng lẽ buồn thảm. Mọi người sẽ chỉ nói: "Xin Thượng Đế rủ lòng thương xót linh hồn này, và tha thứ cho sự yếu lòng của nó". Rồi vùi lấp thi hài ấy.

Nhưng khi một người chết với tâm hồn lạc quan, vui vẻ thì sẽ không ai than khóc. Họ vui mừng ca hát trong tang lễ, và thân ái dâng tụng linh hồn của người ấy lên Thượng Đế. Cuối cùng, vì tôn kính hơn là vì thương tiếc, họ hỏa táng thi hài rồi đánh dấu nơi ấy bằng một cột trụ có khắc văn bia. Sau đó, họ về nhà trò chuyện về tính cách và sự nghiệp của người quá cố, và không có gì trong cuộc đời người ấy khiến họ bàn tán và sung sướng nhiều hơn là tâm trạng hạnh phúc lúc giã biệt cuộc sống của ông ta. Họ tin rằng gợi nhớ lại những phẩm chất tốt đẹp của người chết như thế là cách tốt nhất để khích lệ người sống noi theo, và cũng là để làm vui lòng người chết, vốn được tin là luôn luôn có mặt trong những câu chuyện như vậy, mặc dầu người trần mắt thịt không thể nào nhìn thấy. Nói cho cùng, hạnh phúc hoàn hảo bao hàm cả khả năng vi hành tuyệt đối tự do, và người còn sống ai cũng muốn tin rằng thân bằng gia quyến đã quá cố vẫn cứ về với mình mỗi khi mong nhớ. Người Utopia cũng cho rằng, lòng nhân hậu cũng như các đức tính tốt khác của một người chí thiện sẽ còn bền vững hơn sau khi chết; và họ tin là người chết vẫn ở cùng với người sống và thấy hết mọi lời ăn, tiếng nói và việc làm của người sống. Quả thực, họ coi người đã chết như những vị thần bảo hộ độ trì cho họ, và vì vậy mà vững tin hơn ở những việc phải làm mỗi khi gặp khó khăn trắc trở ở đời. Và ý thức về sự có mặt của tổ tiên cũng giúp họ tránh được những hành vi xấu ngay khi chỉ có mình với mình.

Họ không để tâm gì đến điềm báo, bói toán hoặc những thói dị đoan mà dân chúng nước khác rất sùng tín. Họ coi đấy chỉ là những trò đùa. Nhưng họ rất tôn sùng các phép lạ không thể giải thích được của thiên nhiên, vì họ coi đó là bằng chứng của sự hiện diện và quyền năng của Thượng Đế. Họ nói những phép lạ như thế vẫn thường có ở Utopia. Và quả thực là những lúc gay go, khủng hoảng, con dân cả nước đều cầu xin phép lạ, và niềm tin của họ lớn đến độ đôi khi những lời nguyện ấy của họ đã được đáp ứng màu nhiệm.

Hầu hết người Utopia đều cảm thấy họ có thể làm hài lòng Thượng Đế chỉ bằng cách nghiên cứu thấu đáo thế giới tự nhiên và ngợi ca Đấng sáng tạo. Nhưng cũng có nhiều người mãi mê theo đuổi tôn giáo chứ không phải tri thức. Họ không quan tâm đến khoa học - đơn giản là họ không có thời gian cho một việc như thế, vì họ tin rằng con đường duy nhất để có hạnh phúc sau khi chết là dành trọn cuộc đời để làm việc thiện mà thôi. Có người chăm sóc

kẻ tàn tật. Có người đi làm đường, nạo vét sông ngòi, sửa chữa cầu cống, đào đất, xúc cát, đập đá, chặt cây, cưa gỗ, chuyên chở gỗ hoặc ngô vào thành phố. Tóm lại họ sống như nô bộc và làm việc chăm chỉ hơn cả nô lệ, phục vụ cả cộng đồng lẫn tư nhân. Họ vui vẻ nhận làm tất cả công việc khó khăn, bẩn thỉu và nặng nhọc mà một người bình thường sẽ rất ngại phải làm, hoặc vì phải nhọc thân, hoặc chỉ vì không thích, hoặc sợ sẽ không bao giờ làm nổi. Cứ như thế, họ tạo điều kiện cho người khác được nhàn rỗi bằng cách tự mình làm việc không ngừng - và cũng không bao giờ kể công đòi thưởng. Họ không bao giờ bới lông tìm vết, nói xấu lối sống của người khác, mà cũng không tự phụ khoe khoang gì về lối sống của mình. Cho nên, họ càng sống như nô lệ bao nhiêu thì mọi người càng quý trọng họ bấy nhiêu.

Những người này nhóm thành hai giáo phái, và một trong số đó tin theo lối sống độc thân. Thành viên của giáo phái này hoàn toàn không tình dục, không ăn thịt hoặc bất kỳ động vật nào. Họ chối bỏ mọi khoái lạc của cuộc đời này mà họ coi đều là tội lỗi, và chỉ mong mỗi ở đời sau. Họ cố vun đắp cho kiếp sau bằng cách đổ mồ hôi ở kiếp này và không ngủ để tỉnh thức - chỉ có thể hy vọng rằng kiếp sau có thể sẽ đến vào bất kỳ lúc nào mới có thể giữ cho họ hăng hái, vui vẻ như vậy. Còn giáo phái kia, mặc dù cũng cần lao không kém, vẫn cho phép hôn nhân, với lý lẽ rằng niềm vui gia đình không có gì đáng phải ghét bỏ, và sinh con đẻ cái còn là nghĩa vụ của mỗi người đối với thiên nhiên cũng như tổ quốc. Họ không phản đối khoái lạc chừng nào chúng còn chưa can thiệp vào việc làm. Và theo nguyên lý ấy, họ ăn rất nhiều thịt. Họ nghĩ thức ăn này sẽ khiến họ làm việc khỏe hơn. Họ thường được coi là có lý hơn so với giáo phái kia mặc dù phái kia được coi là nhiệt thành hơn. Tất nhiên, nếu những người theo giáo phái độc thân định biện hộ cho mình bằng những lý lẽ theo logic, họ sẽ bị chê cười ngay. Nhưng vì họ công nhận rằng động cơ của họ là hoàn toàn tín ngưỡng chứ không phải duy lý nên mọi người đều rất kính trọng họ - vì người Utopia luôn thận trọng tránh phán xét thô bạo trong vấn đề tín ngưỡng. Những người thuộc giáo phái này được gọi bằng tiếng địa phương là Buthrascae, có nghĩa là cực đoan trong tín ngưỡng.

Tất cả những tu sỹ của họ đều cực kỳ ngoan đạo, có nghĩa là họ có rất ít tu sỹ. Mỗi thành phố có độ mười ba tu sỹ, hoặc tính cách khác là mỗi nhà thờ chỉ có một tu sỹ. Trong thời chiến thì bảy tu sỹ này sẽ theo quân đội ra mặt trận, thay thế bằng bảy tu sỹ tạm thời. Khi hết chiến tranh, các cha tuyên úy trở về chức vụ cũ của mình còn bảy tu sỹ kia thì trở về nhà

thờ của Đức giám mục - cũng là một trong mười ba tu sỹ của thành phố ấy - và sẽ dần dần lần lượt được đưa về những nhà thờ mà vị tu sỹ ở đó vừa qua đời.

Tu sỹ là do toàn thể cộng đồng bầu ra bằng cách bỏ phiếu kín, hết như bầu các chức sắc trong chính quyền, cốt để tránh hình thành những nhóm thế lực, và người trúng cử sẽ được các đồng nghiệp làm lễ đăng nhiệm. Tu sỹ có trách nhiệm cử hành các buổi lễ, tổ chức tôn giáo và giám sát đạo đức. Sẽ là chuyện rất xấu hổ nếu có ai vì bậy bạ mà bị giáo hội đưa ra tòa hoặc bị tu sỹ khiển trách. Tuy nhiên là trấn áp và trừng phạt tội phạm là việc của ông Thị trưởng và các quan chức khác trong chính quyền. Tu sỹ chỉ khuyên nhủ và cảnh báo mà thôi - mặc dù họ cũng có thể rút phép thông công của những người không chịu cảnh tỉnh, và đó là một hình phạt mà mọi người đều sợ. Bạn phải biết là một người bị rút phép thông công thì không những sẽ bị ô nhục và ngay ngáy hãi hùng trước sự giáng phạt của Thượng Đế, mà ngay cả an toàn thân thể của người ấy cũng bị đe dọa, vì nếu không nhanh chóng chứng minh được với các tu sỹ rằng mình đã hối cải, anh ta sẽ bị Hội đồng thành phố bắt giam và trừng trị vì tội vô đạo.

Các tu sỹ cũng có trách nhiệm giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên, nhấn mạnh rất nhiều đến đạo đức và kiến thức. Họ làm hết sức mình để đảm bảo rằng, ngay từ thuở còn uốn nắn được, trẻ em đã được tiếp xúc với những tư tưởng đúng đắn về mọi chuyện - những tư tưởng đã được xây dựng chu đáo nhất để duy trì cấu trúc xã hội của họ. Nếu được thấm nhuần từ thời thơ ấu, những tư tưởng ấy sẽ được phát huy trong suốt quãng đời trưởng thành và sẽ đóng góp đắc lực vào công cuộc bảo vệ chế độ, vốn chỉ thực sự lâm nguy khi đạo đức suy đồi từ mầm mống của những tư tưởng bậy bạ mà thôi.

Nam tu sỹ được phép lấy vợ - vì chẳng có lý do gì để cấm một người đàn bà trở thành tu sỹ mặc dù họ ít khi được lựa chọn để làm việc này, vì chỉ những góa phụ lớn tuổi mới đủ tiêu chuẩn làm tu sỹ. Thực tế là các bà vợ của tu sỹ hợp thành một tầng lớp ưu tú trong xã hội Utopia. Không có nhân vật tai mắt nào được tôn trọng hơn là tu sỹ. Đến mức, nếu một tu sỹ phạm tội, ông ta vẫn không bị truy tố. Họ để mặc ông ta cho Thượng Đế và lương tâm của chính mình, bởi lẽ, cho dù ông ta có làm việc gì đi nữa, họ vẫn thấy là sai nếu để cho người phạm mạo phạm một cá nhân đã dâng hiến mình như một con sinh đặc biệt cho Thượng Đế. Họ thấy làm như thế chẳng khó khăn gì, vì các tu sỹ chỉ là một thiểu số rất nhỏ, và tất cả đều đã được lựa chọn kỹ càng. Dù sao, rất khó có khả năng một người đã được lựa chọn từ danh

sách những cá nhân xuất sắc nhất và hoàn toàn chỉ theo tiêu chí đạo đức lại có thể bỗng dưng trở thành người độc ác và đồi bại. Và thậm chí nếu ta phải chấp nhận khả năng ấy - bản tính con người là khó lường - thì một nhóm người chẳng có quyền chấp pháp gì ấy cũng khó có thể thành mối hiểm họa của cộng đồng. Họ giữ không cho số lượng tu sỹ tăng lên, để khỏi hạ thấp uy tín hiện nay của giáo sỹ, bằng cách vinh danh họ - nhất là khi nói rằng rất khó tìm được nhiều người thích hợp với một công việc đòi hỏi cao đến thế về mặt đức hạnh.

Giới tu sỹ Utopia có uy tín rất cao ở trong nước cũng như ngoài nước. Bằng chứng, và tôi nghĩ cũng là lý do của chuyện này có thể thấy được từ những thực tế diễn ra trong chiến trận. Khi trận đánh đang tiếp diễn, các tu sỹ quỳ gối cách đó không xa với đầy đủ lễ phục và giơ hai tay lên trời. Họ cầu nguyện cho hòa bình, cho một thắng lợi không phải đổ máu của cả hai bên. Ngay khi quân lính của họ bắt đầu thắng thế, các tu sỹ chạy vội tới trận tiền và ngăn cản mọi bạo lực không cần thiết. Khi họ đã xuất hiện ở đó, một người lính đối phương có thể cứu mạng mình chỉ bằng cách kêu cứu họ, và nếu anh ta có thể chạm tay vào tà áo lễ của họ, thì cả tài sản của anh ta cũng sẽ được an toàn. Điều này khiến cho các tu sỹ được trọng vọng ghê gớm ở tất cả các nước, và cho họ một uy quyền chân chính lớn đến nỗi họ thường bảo vệ được tính mạng của lính mình lẫn lính của đối phương. Đôi khi, vào những thời điểm tuyệt vọng khi các lực lượng Utopia phải thoái lui toàn bộ và kẻ thù đang truy đuổi sau lưng để chém giết và cướp bóc, sự can thiệp của các giáo sỹ đã từng ngăn chặn được các vụ tàn sát, ngăn không cho các chiến binh lẫn xả vào nhau và đem lại một kết cục hòa bình với điều kiện bình đẳng. Con người của một tu sỹ Utopia được toàn thể giới coi là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, ngay cả ở những dân tộc dã man và hoang dã nhất.

Họ có những lễ hội tôn giáo vào những ngày đầu tiên và cuối cùng của mỗi tháng và mỗi năm - và lịch của họ thì năm tính theo mặt trời và tháng tính theo tuần trăng. Trong ngôn ngữ của họ, những ngày đầu tiên ấy gọi là Khuyến Nhật, còn những ngày cuối cùng thì gọi là Hoàn Nhật - hoặc gọi là Lễ Đầu và Lễ Cuối.

Nhà thờ của họ trông rất ấn tượng, không những vì chúng được xây dựng rất đẹp mà còn vì tầm vóc của chúng nữa. Bạn thấy đấy, vì có ít nhà thờ nên chúng phải có khả năng chứa được rất nhiều người. Tuy nhiên, tất cả chúng đều khá tối và họ bảo tôi rằng đó là chính sách của họ chứ không phải lỗi kiến trúc. Các tu sỹ nghĩ rằng quá nhiều ánh sáng sẽ dễ làm cho người ta bị phân tán tư tưởng, còn trong cảnh tranh tối tranh sáng thì dễ tập trung

hơn, và những cảm xúc tín ngưỡng sẽ mạnh mẽ hơn. Đương nhiên là những cảm xúc này mỗi người mỗi khác, nhưng mặc dù theo những nếp khác nhau, tất cả chúng sẽ quy về một mối là thờ phụng Đấng Thánh Linh. Vì lý do đó, những gì nhìn thấy và nghe được trong nhà thờ của họ đều có thể đúng với tất cả mọi tôn giáo. Nghi lễ gì là đặc thù của những giáo phái riêng lẻ thì người ta cử hành ở nhà riêng, và các buổi lễ chung ở nhà thờ được lên lịch sao cho không có ảnh hưởng gì đến các nghi lễ riêng ấy.

Cũng trên nguyên lý ấy, nhà thờ của họ không có một hình ảnh gì của Thượng đế, để mọi người được tự do tưởng đến Ngài theo cách mừng tượng riêng của mình, theo với tín ngưỡng mà họ cho là thích hợp nhất với họ. Người ta cũng không xưng tụng Thượng Đế bằng những danh tính đặc biệt mà chỉ đơn giản gọi Ngài là Mythras, một danh từ chung chỉ Đấng tối thượng, cho dù Ngài là ai. Tương tự vậy, tất cả kinh sách ở nhà thờ đều được soạn để người của giáo phái và tín ngưỡng nào cũng có thể đọc và cầu nguyện cùng nhau mà không cảm thấy lạc lõng hoặc mâu thuẫn với những xác tín riêng của mình.

Họ nhịn ăn cả ngày trong các kỳ Lễ Cuối, và đến nhà thờ trong buổi tối hôm đó để cảm tạ Thượng đế đã cho họ được bình an đến tận cuối năm hoặc cuối tháng đó. Ngày hôm sau, tất nhiên lại là kỳ Lễ Đầu, họ gặp nhau tại nhà thờ vào buổi sáng để cầu nguyện cho một năm hoặc một tháng vừa bắt đầu ấy được thịnh vượng và hạnh phúc. Nhưng trước khi đến nhà thờ trong kỳ Lễ Cuối, các bà vợ đều quỳ gối trước chồng mình ở nhà, và con cái quỳ gối trước cha mẹ để thú nhận mọi lỗi lầm sai phạm của mình, và xin được tha thứ. Việc này giúp loại trừ tất cả những sản hận nhỏ nhặt vẫn bao trùm không khí gia đình và khiến cho mọi người đều có thể dự buổi lễ thiêng liêng tại nhà thờ với một tâm linh hoàn toàn trong sáng. Người ta coi việc đến dự lễ mà lòng đầy sân hận là một hành động báng bổ. Vì vậy, những ai còn cảm thấy oán giận người khác đều không dám đến nhà thờ cho đến khi họ làm lành được với nhau vì sợ nếu không sẽ có thể bị thánh thần trừng phạt.

Khi bước vào nhà thờ, đàn ông sẽ sang bên phải và đàn bà sang bên trái. Người ta xếp cho các thành viên nam trong gia đình ngồi trước mặt gia phụ, còn nữ thì ngồi trước mặt gia mẫu. Như vậy, cử chỉ của mọi người đều được canh chừng bởi những người có trách nhiệm duy trì kỷ cương trong gia đình. Họ cũng cẩn thận sắp xếp cho người trẻ nào cũng ngồi cạnh một người lớn hơn - vì nếu để trẻ ngồi riêng một chỗ, thế nào chúng cũng nghịch ngàng với

nhau, và cái lòng kính sợ Thượng đế, vốn là cái gốc của mọi hành vi chi thiện, sẽ không thể nào hun đúc nên trong bản tâm chúng.

Họ không bao giờ dâng hiến con sinh, vì họ không thể tưởng tượng một Thượng đế lòng lành nào lại có thể vui thích với việc giết chóc và đổ máu. Họ nói, Thượng đế ban sự sống cho muôn loài là vì Ngài muốn chúng được sống. Nhưng họ có thấp nhang và nhiều thứ hương liệu thơm tho khác, và đặc biệt là rất nhiều nến. Đương nhiên là họ biết rằng, những thứ ấy chẳng có ích lợi gì cho Đấng Chí Thánh nhưng cũng thấy chúng hoàn toàn là một hình thức dâng cúng vô hại, và cùng với các yếu tố khác của nghi lễ, đèn nến và hương nhang có vẻ cũng có tác dụng đưa tư tưởng và tình cảm ngưỡng vọng Thượng đế của người ta lên cao hơn.

Toàn bộ giáo dân đều mặc màu trắng, còn giáo sỹ thì mặc áo lễ nhiều màu, may cắt đẹp nhưng bằng toàn những nguyên liệu rất bình thường - thay vì các loại vải dệt bằng sợi vàng hoặc đính đầy châu ngọc quý hiếm, chúng chỉ được trang điểm bằng lông chim các loại. Ấy vậy mà giá trị nghệ thuật của chúng còn vượt xa những thứ vật liệu đắt tiền nhất thế giới. Những lông chim ấy được xếp thành hình biểu trưng cho những chân lý thiêng liêng, và các giáo sỹ đều giải thích cặn kẽ ý nghĩa của chúng để mọi người đều biết đến và không quên những ưu đãi mà Thượng đế đã giành cho mình, những nghĩa vụ của mình với Thượng đế và với nhau.

Khi giáo sỹ xuất hiện từ hậu điện trong bộ áo lễ như thế, toàn bộ cử tọa đều tôn kính cúi đầu chạm đất và không gian nhà thờ trở thành một cõi im lặng sâu thẳm làm rung động lòng người đến nỗi ai cũng cảm thấy như có một sự hiện diện thánh thần thật sự vào lúc ấy. Rồi họ hát những bài thánh ca dâng lên Thượng đế theo nhạc đệm của nhiều nhạc cụ rất khác với các nhạc cụ của chúng ta. Hầu hết những nhạc cụ ấy đều có âm thanh ngọt ngào hơn, mặc dù có nhiều cái thì chưa thể so sánh được với nhạc cụ Châu Âu. Nhưng âm nhạc của họ hơn hẳn chúng ta ở một phương diện. Trong cả thanh nhạc lẫn nhạc không lời, họ đều diễn đạt được những cảm xúc tự nhiên một cách tuyệt diệu. Âm thanh được tạo ra nhuần nhị với cảm giác đến mức cho dù chủ đề của bản nhạc là nguyện cầu hay vui ca, là kích động hay tĩnh lặng, đau buồn hay giận dữ, dòng giai điệu của nó vẫn diễn đạt chính xác niềm cảm xúc ấy. Cho nên nhạc của họ đi sâu vào lòng người nghe và gây xúc động mãnh liệt.

Buổi lễ kết thúc với một bộ các bài kinh nguyện mà giáo sỹ cùng đọc với toàn bộ cử tọa. Lời nguyện được viết sao cho người nào cũng thấy những câu chữ ấy đúng với tín ngưỡng của riêng mình. Đại loại như sau:

"Kính lạy Đức chí tôn là người đã tạo ra con, cai quản con và cho con mọi thứ tốt lành. Con xin cảm tạ Người vì những ân huệ mà Người đã ban cho con, và hơn hết là cho con được sống trong một xã hội hạnh phúc nhất, được tín theo tín ngưỡng mà con hy vọng là đích thực nhất. Nếu con sai, và nếu quả còn có những tín ngưỡng hoặc xã hội nào tốt đẹp hơn và xứng đáng hơn với Người, con cầu xin Người hãy thương xót và cho con được biết, bởi con luôn sẵn lòng theo Người về bất kể phương nào. Nhưng nếu xã hội này của chúng con là tốt đẹp nhất, và tín ngưỡng của con đây là chánh tín nhất, xin hãy cho con được trung thành với cả hai, và đem cả nhân loại về với cùng một lối sống này, cùng một tín ngưỡng này - trừ phi sự đa dạng về tín ngưỡng hiện nay cũng chính là một phần mục đích không lường của Người. Xin hãy cho con một cái chết nhẹ nhàng khi Người gọi con về với Người. Con không dám xin được về sớm hay về muộn. Nhưng nếu đó là ý Người, con xin thà được theo về với Người ngay khi được gọi, cho dù có đau đớn đến đâu còn hơn để những vui thú của cuộc đời trần thế này giữ chân con quá lâu mà phải ở xa Người".

Sau khi tụng bài nguyện ấy, họ cùng nhau cúi đầu chạm đất một lúc, rồi đứng dậy ra ngoài dùng bữa trưa. Phần còn lại trong ngày, họ dùng để vui chơi, giải trí và luyện tập quân sự.

Thế đấy, đó là tất cả những gì mà tôi có thể kể lại một cách chính xác nhất về đất nước cộng hòa Utopia. Theo nhận định của tôi, đó không những là một đất nước tốt đẹp nhất thế giới, mà còn là nước duy nhất xứng đáng có quyền gọi là nước cộng hòa. Ở nước khác, người ta cũng thường nói đến công hữu, nhưng thực ra họ chỉ nhằm nhằm nghĩ đến tư lợi mà thôi. Ở Utopia, nơi không có tư hữu, con người thực hiện những nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc thực sự. Và cả hai thái độ ấy đều hoàn toàn dễ hiểu. Ở nước cộng hòa giả hiệu, mọi người đều biết rằng nếu không có mưu lợi cho bản thân thì họ sẽ chết đói, cho dù quốc gia đó có giàu mạnh đến đâu. Cho nên tất nhiên là họ phải ưu tiên cho những quyền lợi của bản thân hơn quyền lợi công cộng - nghĩa là quyền lợi của người khác. Nhưng ở Utopia, nơi tất cả mọi thứ đều là công hữu, thì chừng nào mà các kho dựn công cộng còn đầy đủ thì sẽ không ai phải sợ bị thiếu thốn. Ai cũng được phân phối công bằng, cho nên không bao giờ

có người nghèo hoặc ăn mày, không ai sở hữu một cái gì, nhưng tất cả đều giàu có-bởi có thứ của nả nào giàu có hơn một cuộc sống vui vẻ, an bình và không có lo âu sợ hãi? Đáng lẽ phải lo lắng kiếm miếng ăn hằng ngày, khổ sở vì những đòi hỏi ì xèo của vợ, sợ con trai bị nghèo đói, sợ con gái không có của hồi môn, người Utopia có thể tuyệt đối yên trí rằng bản thân mình, vợ mình, con cái cháu chắt chút chít và muôn đời hậu duệ của mình sẽ luôn được cơm no áo ấm và yên bình hạnh phúc. Và cả những người già không còn lao động được nữa vẫn được chu cấp đầy đủ hết như khi còn làm việc.

Nào, liệu có ai dám so sánh cách thu xếp công bằng này ở Utopia với cái gọi là công lý ở các nước khác không? Tôi xin nói ngay là ở những nước khác thì có đến chết tôi cũng vẫn không tìm thấy một mảy may dấu vết nào của công lý và công bằng. Công lý kiểu gì vậy? Những bọn người như lũ quý tộc, bọn buôn vàng, bọn cho vay nặng lãi, những kẻ không làm một việc gì cần thiết thì lại được xã hội cho hưởng một cuộc sống xa hoa lộng lẫy. Còn những người lao động, nào xà ích, nào thợ mộc, nông dân, những người không bao giờ ngưng tay ngưng chân làm những công việc cần thiết đến nỗi nếu họ ngừng làm việc thì cả đất nước sẽ đình trệ cả lại trong hàng năm trời – thế mà bản thân họ thì ra sao? Họ thiếu ăn và khổ đến nỗi nếu được biến thành trâu ngựa thì chắc họ sẽ sung sướng hơn – bởi trâu ngựa cũng không phải làm nhiều giờ một ngày như thế, không bị đói khát đến thế và cũng chẳng cần gì đến tương lai. Như hiện nay, người lao động không những đang rên xiết dưới gánh nặng của những công việc nặng nhọc và đồng lương chết đói, mà còn lo sợ đến chết về một viễn cảnh của tuổi già khổ khổ - bởi hàng ngày họ đã chẳng đủ ăn, còn nói gì đến việc dành dụm cho tuổi già.

Bạn có thấy được một tí công bằng hoặc tử tế nào ở một chế độ xã hội chỉ biết dành hết những phúc lợi của nó cho đám người gọi là quý tộc, thương gia và bọn người hoàn toàn không làm ra một thứ gì hoặc chỉ biết làm những đồ hàng hóa xa hoa và những trò du hí, còn thì không chu cấp gì cho những người cày cấy, đào than, những thợ thuyền như thợ mộc, đánh xe, những người mà không có họ xã hội cũng chẳng còn? Một xã hội như thế bóc lột cái dã man nhất ở tình cảnh già ốm bệnh tật và cô nhi quả phụ của người lao động. Sau khi đã bóc lột hết tuổi xuân thanh niên trai tráng của họ, xã hội liền quên hết những ngày tháng mà họ đã vất vả phục vụ nó và giờ đây chỉ biết đền bù cho những công việc quan trọng mà họ đã làm suốt cả đời bằng cách bỏ mặc cho họ chết trong cảnh nghèo khổ. Tệ hơn

nữa, những khoản thu nhập khổng lồ của người nghèo lại còn bị kẻ giàu đục khoét đi hàng ngày, không những bằng lừa đảo cá nhân, mà còn bằng những thủ thuật công pháp. Chưa hài lòng với tình trạng bất công của việc ngược đãi những người có nhiều đóng góp nhất cho xã hội, họ còn nhẫn tâm tìm mọi cách biến những điều bất công ấy thành công lý được bảo vệ bởi luật pháp.

Quả thực, khi xem xét mọi chế độ xã hội đang thịnh hành trên thế giới ngày nay, tôi không thể, xin Thượng đế tha tội, thấy chúng là cái gì khác ngoài một âm mưu lớn của người giàu nhằm củng cố bành trướng những quyền lợi riêng của mình dưới chiêu bài tổ chức quản lý xã hội. Họ nghĩ ra đủ mọi mảnh khoe, mẹo luật, trước hết là bảo vệ những gì họ đã kiếm được một cách bất minh và sau đó là để bóc lột người nghèo bằng cách mua sức lao động của họ càng rẻ mạt càng tốt. Đến khi những người giàu thấy rằng những mảnh khoe mẹo luật ấy phải được xã hội chính thức công nhận – tức là cả người nghèo cũng phải chấp nhận chúng – họ sẽ dùng đến sức mạnh của luật pháp. Vậy là một thiểu số vô đạo đức chỉ biết nghe theo lòng tham vô độ của chính mình độc chiếm toàn bộ những gì nhẽ ra là thừa đủ để đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội. Giá những người lao động ở các nước này được sống ở Utopia thì họ sẽ hạnh phúc biết bao nhiêu! Ở đó, việc xóa bỏ tiền tệ và tâm lý ham tiền đã giải quyết được biết bao nhiêu vấn đề xã hội, tiêu diệt được biết bao nhiêu tội ác! Rõ ràng là sự cáo chung của tiền tệ cũng là sự cáo chung của mọi hành vi tội ác mà mọi thứ hình phạt hàng ngày đều bất lực: nào gian lận, nào trộm cắp, cướp bóc, tranh giành, đánh lộn, nổi loạn, giết người, phản quốc và cả tội làm phù thủy dị đoan nữa. Ngay khi đồng tiền không còn nữa, bạn cũng có thể lập tức chia tay với sợ hãi. Lo âu, lao碌 và những đêm dài mất ngủ. Và phải rồi, ngay cả nghèo đói, chính cái vấn đề có vẻ như lúc nào cũng phải cần có tiền mới giải quyết được ấy, cũng sẽ lập tức biến mất nếu đồng tiền đã không còn tồn tại ở trên đời này nữa.

Cho phép tôi làm rõ thêm về điểm này. Ta hãy thử nhớ lại một năm mùa màng thất bát và đã có hàng ngàn người chết đói. Tôi nói thực nhé, nếu kiểm tra kho dựn của các phú hào vào thời điểm cuối của thời kỳ khó khăn ấy, ta sẽ thấy rằng vẫn còn thừa đủ ngô lúa để cứu mạng tất cả những người đã chết vì thiếu ăn và bệnh tật và ngăn chặn được tất cả những di hại của giai đoạn trái tiết gở mùa ấy trong dân chúng. Trời ơi, giá không có đồng tiền oan

trái này thì ai ai cũng có đủ cơm ăn áo mặc. Người ta cứ ngỡ phải có tiền thì mới có miếng ăn. Có biết đâu nó lại là thứ duy nhất khiến cho người bị đói.

Tôi tin rằng ngay cả người giàu cũng thừa biết tất cả những chuyện này và họ cũng hiểu rằng có đủ những thứ mình cần còn hơn gấp vạn lần thừa mứa những thứ mình không cần, cho nên họ mới biết sơ tán hết ra khỏi vùng nguy hiểm chứ chẳng đại gì cố thủ sau thành lũy tài sản của chính mình. Và tôi cũng tin chắc rằng cái ý thức biết lo cho bản thân, cũng như quyền năng của Đấng Christ Cứu Thế - người có thừa trí thông sáng để biết cái gì là tốt đẹp nhất cho chúng ta và có thừa lòng xót thương để nhất định sẽ ban cho chúng ta cái tốt đẹp nhất ấy - nhẽ ra đã phải dẫn dắt toàn bộ thế giới này tới chế độ Utopia kia từ lâu rồi, nếu như không có cái con quỷ sinh ra mọi tội lỗi kia là lòng ngạo mạn vậy. Lòng ngạo mạn của chúng ta còn có tên là tự hào, là thị dục huyền ngã - cái ý muốn mình được người khác coi mình là quan trọng, là hơn đời. Chính lòng ngạo mạn đã khiến ta xét đoán sự thịnh vượng không phải bằng những gì ta có, mà bằng những gì người khác không có. Ngạo mạn sẽ không chịu đặt chân vào thiên đường nếu nó nghĩ rằng ở đó không có những giai cấp kém đặc quyền đặc lợi hơn để nó có thể vênh vang sai phải - không có ai khốn khổ để tô điểm cho hạnh phúc riêng của nó được lộng lầy hơn, hoặc gia cảnh nghèo đói của họ có thể bị nó làm cho khốn nạn hơn bằng cách phô trương vung vãi những xa hoa của mình. Ngạo mạn, như một con rắn ma quái từ hỏa ngục trườn vào trái tim con người - hoặc vì cách khác, như một quái ngư vẫn thường mút chặt lấy mạn thuyền quốc gia và lôi nó vào chốn đoạn trường - lúc nào cũng níu kéo chúng ta, ngăn trở bước tiến hóa của chúng ta đến một lối sống tốt đẹp hơn.

Dù cái khiếm khuyết này của con người đã ăn quá sâu vào bản tính và rất khó bề chữa trị, tôi vẫn còn thấy lạc quan vì cuối cùng thì cũng đã có được một quốc gia thành công trong việc xây dựng nên một chế độ mà tôi rất mong mỗi sẽ được cả thiên hạ sẽ noi theo. Lối sống Utopia đặt được nền móng hạnh phúc nhất cho một xã hội văn minh có khả năng trường tồn và thích hợp với bất kỳ một chủng tộc nào của nhân loại. Lối sống ấy đã xóa bỏ mọi gốc rễ của tham vọng, tranh chấp chính trị và đủ mọi thứ khác tương tự. Nhờ vậy mà cũng chẳng còn nguy cơ của tình trạng mâu thuẫn và bất mãn nội bộ vốn đã từng làm tiêu vong vô vàn những thành bang bất khả xâm phạm. Và chừng nào mà người Utopia còn giữ được đoàn kết và chính quyền lành mạnh như thế của họ thì không có một vua chúa lân

bang nào, cho dù có ganh tị đến đâu, có thể làm cho họ bị dao động chứ đừng nói gì đến chuyện phá hoại tiêu diệt họ. Trong lịch sử của họ đã từng có rất nhiều âm mưu chống phá như vậy, nhưng kẻ thù bao giờ cũng thất bại.

Trong lúc Raphael tiên sinh đang kể chuyện, tôi luôn luôn suy nghĩ để tìm cách phản biện. Đối với tôi, luật pháp và phong tục của đất nước này có vẻ chứa đựng nhiều điều kỳ cục và vô lý. Không kể những cái như chiến thuật quân sự, tôn giáo, hình thức thờ cúng của họ, tôi vẫn thấy có cái gì đó thậm chí vô lý trong nền móng của toàn bộ xã hội ấy – là chế độ cộng sản không có tiền tệ. Bản thân chế độ này đã khẳng định sự cáo chung của giai cấp quý tộc, kéo theo sự tuyệt diệt của tất cả những oai phong lẫm liệt hoành tráng vẫn được coi là vinh quang đích thực của một dân tộc.

Tuy nhiên, tôi có thể thấy rằng Raphael tiên sinh nói nhiều như vậy đã mệt mỏi rồi và không biết liệu tiên sinh sẽ độ lượng được đến mức độ nào đối với những ý kiến phản bác – nhất là khi tôi nhớ đến cách tiên sinh dè bủ những kẻ chỉ sợ mình thành ngu xuẩn nếu không bới lông tìm vết được những tư tưởng của người khác. Thế là tôi chỉ dám có vài nhận xét lẽ độ về chế độ Utopia, rồi cảm tạ tiên sinh về câu chuyện rất thú vị ấy. Sau đó, tôi nắm lấy tay tiên sinh và dẫn ông vào nhà ăn bữa tôi, vừa đi vừa nói:

“Thưa tiên sinh, tôi sẽ phải suy nghĩ thật chín chắn, rồi chúng ta có thể gặp lại và thảo luận chu đáo.”

Và đúng là tôi rất mong được như vậy, một ngày nào đó. Còn bây giờ thì tôi vẫn không thể đồng ý với tất cả những gì mà ông đã nói, cho dù không dám nghi ngờ gì về học thức và kinh nghiệm của ông. Nhưng phải công nhận ngay rằng nước Cộng hòa Utopia có rất nhiều điều mà tôi mong ước mà tôi mong ước sẽ được áp dụng tại Châu Âu, mặc dù chẳng dám chờ đợi chuyện này trong thực tế.

CHÚ THÍCH

Những dòng viết về Đảo Utopia

của Thi Khôi Anemulius.

1. Plato (427-347 trước CN) – Triết gia Hy Lạp, cha đẻ của chủ nghĩa duy tâm khách quan, tác giả của hơn 30 đối thoại triết học. Cuốn đối thoại nhan đề Cộng hòa bàn về một chế độ nhà nước mà Karl Marx đánh giá là một dạng lý tưởng hóa theo lối Hy Lạp chế độ đẳng cấp của Ai Cập cổ đại. Marx cũng gọi nhà nước cộng hòa của Plato là một Utopia – một xã hội không tưởng. (ND)

Thư của More gửi Peter Gilles

1. Peter Gilles (1486-1533) – Từng làm quan thượng thư của tiểu vương quốc Antwerp, nay là một tỉnh của nước Bỉ, và là người có nhiều đóng góp cho văn học. Ông biên tập nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó có tập truyện ngụ ngôn của Aesop. Là bạn của Thomas More từ năm 1515.

2. Ngoài các công việc của một luật sư độc lập, Thomas More còn giữ chức tư vấn pháp luật cho quan tổng trưởng thành London.

3. John Clement (mất năm 1572) là học sinh trường Saint Paul, làm gia sư tại nhà Thomas More, sau này lấy con gái nuôi của More là Margaret Gigs và trở thành giáo sư tiếng Hy Lạp tại đại học Oxford. Sau này John Clement học y và cuối cùng trở thành bác sỹ riêng của Hoàng hậu Mary.

4. Theo bản Utopia của Robinson dịch ra tiếng Anh và xuất bản năm 1624, nhà thần học ngoan đạo này có thể là Tiến sỹ Rowland Philips, tổng quản xứ đạo Croydon, mất năm 1538.

5. Thomas More có ý chê bai ngầm vận động để có chức vụ như thế này. Ông có viết rằng ở Utopia, “bất kỳ ai cố tình vận động để được bầu vào một chức vụ nào đó trong chính

quyền đều lập tức bị loại mãi mãi khỏi danh sách những người có thể được lãnh chức vụ đó.”

Thư của Gilles gửi Busleiden

1. Jerome Busleiden (1470-1517) – bấy giờ đang làm tể tướng trong triều đình Hà Lan, đồng thời là phó giáo chủ hai giáo phận Cambrai và Brussels; là người sáng lập Đại học Tam ngữ tại Louvain, dạy tiếng Hy Lạp, La Tinh và Do Thái.

2. Tên Latin của Odysseus, vị lãnh tụ thông minh nhất của Hy Lạp trong cuộc chiến tranh thành Troy, nhân vật chính trong trường ca Odyssey của Homer, nổi tiếng vì chuyến du hành mười năm đầy những sự kiện lạ lùng qua nhiều nơi chưa ai biết tới để trở về nhà tại Ithaca sau khi chiến tranh Troy kết thúc. (ND)

3. Vespucci Amerigo (1451-1512) – nhà thám hiểm và thương gia người Ý; tên của ông đã được đặt cho Châu Mỹ (America). (ND)

4. Trong nguyên bản Latin của Utopia, những ghi chú này phần lớn là các tiểu đề cho từng đoạn, nhưng đôi khi chúng cũng giải thích thêm những ngộ nhận, hoặc chỉ ra sự trái ngược giữa phong tục Utopia và phong tục Châu Âu, hoặc chỉ là một vài lời bình cảm thán như: “Hay đến thế là cùng!”, “Giống chúng ta quá!” hay “Bạn đọc hãy lưu ý đoạn này!”

Quyển một

1. Em gái của vua Henry VIII là công chúa Mary, đã đính hôn với ông hoàng Charles của xứ Castile. Nhưng Charles lại hủy bỏ hôn ước này vì muốn xây dựng liên minh với nước Pháp bằng cách cưới cô em họ của vua Francis I của nước này là Renee, lúc bấy giờ mới có 4 tuổi. Để trả đũa, triều đình Anh ra lệnh cấm xuất khẩu len sang tiểu quốc của Charles là Hà Lan. Nhưng việc này lại có hại cho việc nghề nuôi cừu làm len ở Anh, và vua Henry VIII phải

cử một phái đoàn sang thương lượng với ông hoàng Charles để nối tiếp các quan hệ buôn bán giữa hai bên. Theo yêu cầu của giới thương gia Anh, Thomas More được nhà vua cử tham gia phái đoàn này bắt đầu từ ngày 7 tháng 5 năm 1515. Trong thời gian 6 tháng ở xứ Flanders, More đã viết Quyển 2 của sách Utopia. Sau khi trở lại nước Anh, ông mới viết tiếp Quyển 1.

2. Cuthbert Tunstall (1474-1559) – từng là giáo chủ thành London và giáo chủ thành Durham, là người cổ vũ và phát triển giáo hội Tin lành. Ông có viết một cuốn sách đại số học và đề tặng nó cho More.

3. Chúng tôi dịch theo nguyên bản tiếng Latin: *solem lucerna, quot aiunt, ostendere* (rọi mặt trời, như người ta vẫn nói, bằng một cái đèn). Trong bản dịch tiếng Anh câu này được dịch là: “I have no wish to labour the obvious” nghĩa là “Tôi không dám mất công giải thích cái đã rõ ràng”. (ND)

4. Theo tác giả Roger Ascham (1515-1568) thì chính Thomas More rất hay khoác áo choàng hờ hững một bên vai như vậy.

5. Một nhân vật trong trường ca Aeneid của Vergil về những chuyến đi mạo hiểm của thủ lĩnh Aeneas sau khi kết thúc cuộc chiến tranh thành Troy. Palinurus là thuyền trưởng trên con thuyền của Aeneas, đã ngủ quên và ngã xuống biển, phải bơi vào bờ rồi bị thổ dân giết chết. Ý của Peter Gilles ở đây là Palinurus chỉ là một thủy thủ đơn thuần, không phải là một nhà thám hiểm hiền triết như người khách ngoại quốc mà anh đang muốn giới thiệu với More. (ND)

6. Trong ngôn ngữ Hebrew (Do Thái), Raphael có nghĩa là “Thượng đế đã chữa lành” và trong sách Tobit của Kinh Cựu Ước (đạo tin lành thường bỏ sách này), thiên sứ Raphael là người phù hộ cho Tobit vào con đường tốt, khỏi được bệnh mù và tìm lại được gia sản. Do đó, Raphael là cái tên thích hợp cho một nhân vật muốn mở mắt cho thiên hạ thấy những điều xấu tốt ở đời và giúp cho sự thịnh vượng. Còn Hythlodæus là một từ Hy Lạp do More đặt ra, có nghĩa là “người nói ra những điều vô nghĩa.”

7. Marcus Tullius Cicero (106-43 trước CN) là chính khách, nhà hùng biện, văn sỹ La Mã, nổi tiếng với văn phong trầm bổng, khúc triết và hùng hồn; Lucius Annaeus Seneca (4 trước CN – năm 65 sau CN) là triết gia và tác giả của nhiều vở bi kịch La Mã nổi tiếng. (ND)

8. Cuốn sách này được xuất bản lần đầu năm 1507, trong đó cuộc du hành thứ nhất có vẻ có nhiều ảnh hưởng đến More khi ông viết Utopia. Trong cuộc du hành này, Vespucci mô tả cuộc sống của một xứ sở nơi người dân sống chung trong những ngôi nhà cộng đồng. Họ khinh rẻ vàng bạc châu báu và đem theo vợ vào các cuộc hành quân chiến đấu. Tuy nhiên, những người vợ này lại được dùng để gánh vác đồ đạc chứ không phải để đánh nhau, vì phụ nữ ở đó còn khỏe mạnh hơn cả ngựa.

9. Trong sách Bốn chuyến du hành, Vespucci viết rằng năm 1504, ông đã để 24 người với lương thực đủ cho 6 tháng ở lại trong một pháo đài mà sau này được xác định là mũi biển Frio ngày nay.

10. Đây chính là Đức Tổng Giám Mục Morton đã nuôi dạy Thomas More và cho ông đi học tại Đại học Oxford. (ND)

11. Đây là More nhắc đến cuộc nổi loạn của nhân dân vùng Cornwall năm 1497 dưới sự lãnh đạo của một luật sư tên là Thomas Flammock, chống lại việc Hoàng gia Anh tăng thuế đánh vào dân thường để chi trả cho cuộc xâm lăng đất Scotland. Lực lượng chống đối có khoảng 15 ngàn người, cuối cùng bị đàn áp trong cuộc giao tranh ngày 17-6-1497, trong đó có hơn 2000 người chống đối bị giết chết.

12. Tháng 10 năm 1492, vua Henry VIII cho quân Anh đổ bộ lên đất Calais của Pháp và vây hãm thành Boulogne để thực hiện quyền lợi của mình như đã ký kết với Pháp.

13. Sallust (86-34 trước CN) tên gốc Latin đầy đủ là Caius Sallustius Crispus, nhà sử học La Mã. Câu nói More trích dẫn là từ một cuốn sách của Sallust viết về Lucius Sergius Catillina, một chính khách La Mã nổi tiếng là nhiều âm mưu. (ND)

14. Theo Kinh Thánh của Đạo Cơ Đốc, Thượng Đế đã giúp Moses đưa dân tộc Do Thái thoát khỏi thân phận nô lệ tại đất Ai Cập và ban cho họ mười lời răn dạy về đạo thờ phụng Đức chúa trời và đạo làm người làm căn bản cho luật pháp. Lời dạy thứ 6 là : “Không được giết người”. (ND)

15. Tallstoria là từ Anh hóa của một từ trong nguyên bản tiếng Latin có nghĩa là “chuyện bịa”. More dùng tên này để ám chỉ rằng đây chỉ là chuyện bịa mà thôi. (ND)

16. More ám chỉ với ý giễu cợt loại người thuộc tầng lớp quý tộc hoặc tùy tùng của quý tộc cả đời chỉ biết tháp tùng chủ đi dự tiệc chỗ này chỗ kia. (ND)

17. Dionysius là nhà độc tài cai trị xứ Syracuse trong những năm 405-367 trước Công lịch. Ông ta được giới thiệu với Plato, nhưng chẳng có ấn tượng gì với các học thuyết của Plato, và còn bắt Plato đem bán là nô lệ trong chuyến viếng thăm Syracuse cuối cùng của ông này. (ND)

18. Nolandia – trong nguyên bản tiếng Latin là *Achoriorum populus* – nghĩa là dân không có thật, nước không có thật.

19. Marcus Licinius Crassus (mất năm 53 trước CN), thành viên của bộ Tam Đầu Đế Chế (bộ ba cùng cai trị La Mã) cùng với Pompey và Julius Caesar. Là một nhà tài chính mạnh dạn, ông ta đã trở thành cự phú nhờ dám thu mua rẻ những ngôi nhà bị hỏa hoạn hoặc có thể bị hỏa hoạn, cho đến lúc sở hữu hầu hết nhà cửa ở thành La Mã. Giáo điều nói tới ở đây có thể là dựa vào một câu trong sách Lịch sử Tự nhiên của tác giả Plini, viết rằng: “Ông Crassus thường nói đã gọi là cự phú là có đủ tiền nuôi cả một đạo quân”.

20. Gaius Fabricius Luscinus (đầu thế kỷ 3 trước CN), là người nổi tiếng vì liêm khiết và khinh thường mọi xa hoa. Nhiều sách lại cho câu nói này là của một nhân vật khác là Manius Curius Dentatus, cũng là một đại diện xuất sắc của phẩm chất đạo đức cao đẹp của La Mã cổ đại.

21. Nguyên văn là *Macarenses*, gốc từ chữ *Makar*, tiếng Hy Lạp có nghĩa là hạnh phúc. *Happiland* có nghĩa là một xứ sở hạnh phúc.

22. Nguyên văn câu này trong sách Phúc âm của Luke được Phan Khôi dịch là “vậy nên mọi điều mà các người đã nói nơi tối, sẽ nghe ra nơi sáng; mọi điều mà các người đã nói vào lỗ tai trong buồng kín, sẽ giảng ra trên mái nhà.” (ND)

23. Trong lịch sử, đây chính là thành *Megalopolis* ở đất *Arcadia*, thành lập vào khoảng năm 307 trước CN.

24. Nguyên văn bản tiếng Anh của câu này là “because you can never pay Paul without robbing Peter” – nghĩa là “không bao giờ có thể trả tiền cho Paul mà lại không phải cướp của Peter”. (ND)

Quyển hai

1. Không Thành – nguyên tác tiếng Latin là Amaurotum, có gốc là chữ amauros- nghĩa là mờ ảo. Homer đã dùng chữ này để mô tả viễn cảnh của thành Athene trong giấc mơ của Penelope. Thomas More tạo ra chữ Amaurotum, chắc muốn nó mang ý nghĩa là một thành phố chỉ có trong mơ, một thành phố không có thật.

2. Nguyên văn trong bản Latin là Anydrus, tạo nên từ tiền tố a – (không có) và hudor (nước).

3. Nguyên văn của “Già làng” là chữ Barzanes. Thomas More lấy chữ này từ tên của nhân vật Mithrobarzanes, là người dẫn đường sang thế giới bên kia trong sách Menippus của Lucian mà More đã dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Latin. Mithrobarzanes được Lucian mô tả là một “bậc bô lão rất thông tuệ có mái tóc bạc và chòm râu dài đẹp đẽ”. Chúng tôi dịch Barzanes là “Già làng” để bạn đọc Việt Nam dễ hình dung. Còn nguyên văn của danh hiệu “Vô nhân” trong bản tiếng Anh là Nopeople. Tác giả Thomas More dùng danh hiệu này với hàm ý rằng ở Utopia, chức Thị trưởng là một nhiệm vụ chứ không phải là một con người nào cụ thể có thể đem cá nhân mình chi phối công việc ấy. Chúng tôi không hài lòng lắm với từ “Vô nhân” của mình, nhưng đành dùng tạm nó cho đến khi tìm được từ nào hay hơn, rất mong được bạn đọc chỉ giáo. (ND)

4. Câu đùa này mượn của Lucian, trong sách Demonax.

5. Cả đoạn này chúng tôi dịch lấy ý là chính chứ không bám các chi tiết trong nguyên bản, vốn là những từ ẩn dụ rất xa lạ với người đọc Việt Nam ngày nay. Tác giả có ý mỉa mai rằng rất nhiều kiến thức của Châu Âu chỉ là những điều vô bổ không giúp gì cho việc tạo dựng một cuộc sống công bằng tốt đẹp cho tất cả mọi người như ở Utopia. (ND)

6. Tình trạng này là có thật từ nhiều thế kỷ nay, More viết những dòng này năm 1516, còn tờ báo New Statesman ra ngày 20-7-1962 tại London (Anh) có đăng tin như sau: “Sở Tàng trữ Pall Mall tại Haymarket đang sắp phải đóng cửa và họ không thể tìm thấy hơn 200 thân chủ gửi vàng bạc và tiền ở đó để trả lại số của cải ấy. Người ta đồn rằng nhiều người

trong số những thân chủ này đã chết, và những người khác có thể đã quên số tài sản của họ gửi ở đó.” (ND)

7. Aristotle (384-322 trước CN) – học trò của Plato, là một triết gia và khoa học gia toàn diện, cha đẻ của khoa học logic và nhiều chuyên ngành khác, Karl Marx gọi ông là “nhà tư tưởng lớn nhất của thế giới cổ đại”. (ND)

8. Theophrastus (372-287 trước CN) – triết gia Hy Lạp.

9. Bản thân tác giả More là người rất thích súc vật. Ông nuôi một con khỉ, một con cáo, một con rái cá và một con chồn tại nhà mình ở Chealse.

10. Cuốn sách về ngữ pháp tiếng Hy Lạp của Constantin Lascaris có nhan đề là Erotemata (Những câu hỏi), xuất bản tại Milan năm 1476.

11. Theodorus Gaza, tác giả bốn tập sách về ngữ pháp Hy Lạp xuất bản năm 1495.

12. Hesychius là một học giả thành Alexandria thế kỷ 5. Cuốn Từ điển Hy Lạp của ông được in ở Venicce năm 1514.

13. Có lẽ đây là Dioscorides sống trong thời Hoàng đế Hadrian, có soạn một từ vựng cho các tác phẩm của Hippocrates mà sau này được Hesychius sử dụng đưa vào cuốn Từ điển của mình.

14. Plutarch (46-120) nhà văn Hy Lạp nổi tiếng về những tác phẩm nói về thân thế sự nghiệp của các nhân vật vĩ đại trong lịch sử Hy Lạp và La Mã.

15. Lucian (117-180) nhà hùng biện và châm biếm nổi tiếng của Hy Lạp.

16. Aristophanes (khoảng 448-385 trước CN) là một nhà viết kịch khôi hài ở thành Athen; Euripides (480-406 trước CN) và Sophocles (495-406 trước CN) là hai nhà viết kịch nổi tiếng của Hy Lạp; Homer là nhà thơ Hy Lạp thế kỷ 9 trước CN, nổi tiếng nhất với hai tác phẩm anh hùng ca là Illiad và Odyssey.(ND)

17. Thucydides (460-400 trước CN) và Herodotus (484-425 trước CN) đều là các sử gia có tiếng của Hy Lạp cổ đại. (ND)

18. Herodianus (khoảng 165-250) viết một cuốn lịch sử của các Hoàng đế La Mã kể từ Marcus Aurelius (năm 180) đến năm 238, được truyền bá rộng rãi trong thời Phục Hưng.

19. Hippocrates (460-377 trước CN) được thế giới coi là cha đẻ của Y học, là người Hy Lạp. Nội dung y đức ngày nay cũng xuất phát từ những lời dạy về đạo đức của người thầy thuốc của Hippocrates. (ND)

20. Đây là cuốn Y thuật của Galen, thường gọi là cuốn sách nhỏ để phân biệt với 14 tập sách khác của ông vẫn được gọi là sách lớn và có cùng một tựa đề là “Phương pháp điều trị.”

21. Tên đầy đủ là Aldo Manuzio, một chủ nhà in nổi tiếng ở Venice, qua đời vào tháng 4 năm 1515, ngay trước khi More viết Utopia.

22. Papyrus – một loài cây nước có nguồn gốc từ lưu vực sông Nile ở Ai Cập. Người Ai Cập, Hy Lạp và La Mã cổ đại lấy phần lõi xốp của thân cây này, đan chúng lại như phen rồi ép thẳng ra, phơi khô thành các tấm mo dùng để viết chữ lên trên. (ND)

23. Có lẽ ở đây More muốn ám chỉ giễu cợt Giáo Hoàng Julius II (1443-1513). Vị Giáo Hoàng này nổi tiếng vì cách ông ta liên minh với Pháp và Venice. Năm 1508 ông ta tham gia Liên minh Cambrai với vua Pháp Louis XII để chống lại Venice. Sau khi đã dùng lực lượng của Pháp để khuất phục Venice vào năm 1509, ông ta lại tổ chức một Liên minh Thần Thánh để dùng Venice đánh lại Pháp ngay trong năm sau đó – 1510.

24. Đoạn này More ca ngợi các vua chúa Châu Âu chỉ để tránh tội phỉ báng, nhưng người đọc có thể nhận thấy sự giễu cợt sâu cay ở từng câu chữ, vì ai cũng biết thực tế không phải như vậy. (ND)

25. Xứ Mù – nguyên văn Latin là Alaopolitae, ghép từ chữ alaos (mù) và polites (công dân).

26. Xứ Mây – nguyên văn Latin là Nephelogatae, từ chữ nephele (mây).

27. Những từ mô tả về người Venetia tiếp theo đó cho thấy có lẽ More lấy người Thụy Sĩ để làm mẫu cho dân tộc này. Người Thụy Sĩ nổi tiếng là những lính đánh thuê và có mặt hầu hết trong các quân đội Châu Âu thời bấy giờ. Trong thời gian từ 1465 đến 1715, có đến hơn một triệu lính đánh thuê Thụy Sĩ phục vụ trong quân đội Pháp.

28. Mythras hoặc Mithras, là tên vị thần ánh sáng của người Ba Tư (Persian). Tín ngưỡng Mithras có một vài tương đồng với đạo Cơ Đốc (các nghi lễ của nó cũng có lễ đặt tên

thánh, nghi thức uống một thứ nước có trộn bột mỳ giống như bánh thánh và nước thánh) và rất phổ biến trong giới quân nhân La Mã. Những đền thờ Mithras đã được tìm thấy ở Northumberland, ở York và mới đây ở ngay London.

29. Thái độ “Khoan dung tín ngưỡng” này trái ngược hẳn với thái độ của More trong thực tế. Khi còn giữ chức Tể Tướng, More đã y án tử hình nhiều người bị buộc tội dị giáo (không theo Cơ Đốc giáo mà tin theo các tín ngưỡng khác), nghĩa là bắt họ bị thiêu sống trên đoạn đầu đài.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>